L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT NGÀY ĐÁNG KỶ-NIỆM

Tiệc trà của Hội « Khai-trí-tiến-đức » ngày 27 Avril 1919

Hội « Khai-trí tiến-đức » mới lập được ba bốn tháng nay mà đã được bốn năm trăm người vào hội, đủ biết mục-đích Hội hợp với cái ý-nguyện chung của người trong nước. Hiện nay phàm người An-nam, bất cứ kẻ cũ người mới, người sang kẻ hèn, ai ai cũng có một cái tư-tưởng như nhau : là đồng-tâm hiệp-lực làm cho cái nước cũ mấy nghìn năm kia ngày một vẻ-vang tốt-đẹp, cái dân đông mười mấy triệu này ngày một giàu-mạnh khôn-ngoan. Dẫu cái ý-kiến về các việc khác có người không giống nhau, mà về một việc ấy ai cũng cùng một trí nghĩ, ai cũng cùng một bụng mong. Bởi thế nên Hội Khai-trí mới xướng lên, bao nhiêu những người tai-mắt trong xứ Bắc-kỳ ta đều hoan-nghênh mà tán-thành cả : hiện nay chỉ đợi quan trên cho phép là cái ảnh-hưởng của Hội sẽ lan rộng được cả suốt cõi nước Nam, từ chốn Kinh-kỳ cho đến đất Lục-châu. Vậy thời cái mục-đích của Hội thế nào mà thâu-thập được cả các hạng người trong nước như vậy ? Cái chủ-nghĩa của Hội thế nào mà thiếp-phục được cả lòng quốc-dân mong-mỏi như vậy ? Cái chủ-nghĩa ấy, cái mục-đích ấy là gồm trong bốn chữ « Khai-trí tiến-đức » vậy. Mở-mang trí-thức, tăng-tiến đạo-đức, để cầu cho nòi giống vẻ-vang, nước nhà thịnh-vượng, đó là cái phương-châm của Hội, mà đó tức là cái hi-vọng chung của mấy trăm vạn đồng-bào ta vậy. Ngày nay ai cũng sốt-sắng có cái hi-vọng ấy, nên ai cũng sẵn lòng theo cái phương-châm ấy. Bởi thế nên Hội mới thành mà đã có cơ phát-đạt là vì xuất-hiện hợp-thời và trúng với cái lòng mong-mỏi của quốc-dân.

Ngày 27 Avril vừa rồi, Hội đã phát-biểu ra một cách rực-rỡ, là mở một tiệc trà để nghênh-tiếp quan Toàn-quyền SARRAUT, trước là để tỏ lòng cám ơn ngài đã có bụng ân-cần đến Hội và nhận chức « danh-dự-hội-trưởng », sau là để thay mặt quốc-dân tiễn ngài sắp trở về quí-quốc mưu việc ích-lợi cho nước ta. Tuy tiệc cũng tầm-thường, mà vì số người đến dự — kể đến ngót ba nghìn người —, vì những lời diễn-thuyết trịnh-trọng của hai bên, vì cái khí-vị đậm-đà thân-ái, lại vì cả cái cảnh-sắc một nơi cổ-tích của nước Nam là chốn Văn-miếu họp đó, sẽ thành một ngày kỷ-niệm trong lịch-sử Hội Khai-trí, trong lịch-sử cả quốc-dân An-nam vậy.

Các nhà chủ-trương trong Hội muốn cho buổi tiệc hôm ấy có một cái ý-nghĩa sâu, họp được cả các dân-đẳng trong nước Nam, biểu được hết cái tình-ý của người mình, nên cố-ý mời cho thật đông người đến dự. Không kể các quan tây và các quí-phu-nhân ước được đến 200 người, còn các đồng-bào ta dự-tiệc có lẽ tới đến hai nghìn rưỡi

người, thuộc về khắp các hạng trong xã-hội, nhiều người ở tự tỉnh xa về, ở tận nhà quê ra ; có thể nói là suốt dân Bắc-kỳ đều có người thay mặt ở Văn-miếu bữa đó. Có các quan tỉnh, quan phủ-huyện, huấn-giáo, các hưu-quan, các ông đại-khoa; — có các ông phán-ký các tòa sứ cùng các sở công, các hội-viên cả các hội « đồng-nghiệp », hội « thân-ái » (*Amicales*) ở Bắc-kỳ ; — có các nghị-viên hội Tư-vấn Bắc-kỳ (*Chambre consultative*), các hội-viên thành-phố Hà-nội Hải-phòng ; — có các ông thiên-hộ, phố-trưởng, thân-hào, chức-sắc, đại-công, đại-thương trong thành-phố ; — có các sinh-viên trường Đại-học (trường Thuốc, trường Pháp-chính, trường Sư-phạm, trường Nông-nghiệp, trường Công-chánh, v. v.) cả thảy đến ngót 500 người ; — có học trò trường Trung-học Đông-dương (*Lycée*), trường Bảo-hộ Bắc-kỳ, các trường Nữ-học Hà-nội ; — có các ông làm việc các sở nhà buôn, các công-ti lớn, v. v. ; — thật là đủ các hạng thuộc về thượng-lưu trung-lưu-xã-hội ở Bắc-kỳ ngày nay. Trước khi tới Hội dễ cũng chưa mấy người biết rõ cái ý-nghĩa cuộc hoan-nghênh quan Toàn-quyền hôm đó là thế nào, nhưng chắc ai cũng dự-tưởng rằng những lời ngài sắp diễn-thuyết bữa đó chắc là những lời quan-trọng cho cái tiền-đồ nước Nam ta nhiều lắm, nên ai cũng lấy làm một cái nghĩa-vụ đến dự tiệc cho đông, thật xưa nay chưa có một hội tiệc nào họp được đông người và toàn là những người đại-biểu cho các dân-đảng trong nước như vậy. Ngót ba nghìn con người họp lại một nơi, lắng-lặng mà nghe những lời trịnh-trọng của quan thủ-hiến thay quyền Chính-phủ Bảo-hộ ở đây, thật là một cái cảnh-tượng có một, và sẽ thành một ngày kỷ-niệm rất to trong lịch-sử nước Nam vậy. Tự ngày ấy trở đi, cuộc chính-trị trong nước chắc không giống như trước và sẽ biến-đổi đi nhiều ; tự ngày ấy trở đi, như trong lời diễn-thuyết của Hội đã nói, sẽ mở ra một cuộc đời mới cho quốc-dân ta vậy. Cuộc đời ấy thế nào, ta chưa thể biết trước được, nhưng ta có thể vững lòng rằng thế nào cũng sẽ được vẻ-vang tốt-đẹp hơn xưa. Không có lẽ lòng ta nhiệt-thành mong-mỏi mà không được như lòng sở-nguyện, không có lẽ Chính-phủ thật bụng khai-phóng mà không nên kết-quả gì hay. Vậy ta cứ nên tin ở cái bụng tốt của quan Toàn-quyền, tin những lời hay ngài đã tuyên-cáo. Ngạn-ngữ tây có câu : « Có lòng tin thì khiêng quả núi cũng nổi ». Ta nên hết sức tin, nhưng tin ở người trên mà cũng phải tin ở mình nữa, vì cái hậu-vận nước nhà tuy là nhờ tay người tạo-tác, mà cũng bởi tay mình gây-dựng mới nên. « Có biết tự giúp mình, trời mới giúp cho », phương-ngôn tây lại có câu như vậy. Nếu mình quả nhu-nhược yếu-hèn thì trông cậy vào người mà mong chi ? Vậy anh em ta nên hưng-khởi nghị-lực, phấn-chấn tinh-thần mới mong được nhờ ơn Thượng-quốc hưởng phúc văn-minh !

Kỳ này bản-báo hẵng xin đăng cả toàn-văn hai bài diễn-thuyết đọc ở Văn-miếu bữa đó : một bài của Hội Khai-trí, quan nguyên tổng-đốc Đoàn-Triển là hội-viên cao tuổi nhất, đứng thay mặt Hội đọc, kể cái mục-đích Hội và biểu-dương công-nghiệp quan Toàn-quyền ; một bài của quan Toàn-quyền Sarraut diễn-giải về cái chính-sách ngài đối với dân ta và tuyên-bố mấy điều về cái chương-trình chính-trị của ngài đương trù-liệu và sắp sang yêu-cầu bên Đại-Pháp. Cái chương-trình ấy quan-trọng lắm, vì cả hậu-vận nước ta dân ta là ở đấy, bản-báo định đến kỳ sau sẽ bàn tường.

Ph. Q.

I

BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

(Quan nguyên Tổng-đốc Đoàn-Triển đọc)

Kính-trình quan Toàn-quyền,

Thưa các ngài cùng các quí phu-nhân,

Tôi là hội-viên tuổi cao nhất trong hội « Khai-trí-tiến-đức », nên được cái vinh-dự ra nghênh-tiếp các ngài hôm nay, thật lấy làm hân-hạnh lắm. Tôi xin thay mặt hội « Khai-trí » cảm ơn các ngài đã đến dự tiệc đông như vậy. Tiệc này Hội chúng tôi sửa-soạn còn nhỏ mọn lắm, nhưng thật là vì lòng thành cảm-phục công-đức quan Toàn-quyền ta đây.

Bẩm quan Toàn-quyền, ngài đã chiếu-cố đến chúng tôi, dời gót ngọc tới đây để chứng quả chút lòng thành, chúng tôi lấy làm cảm-tạ vô-cùng. Ngài vẫn có lòng ân-cần đến Hội chúng tôi. Từ khi Hội mới thành-lập, ngài đã nhận chức danh-dự-hội-trưởng, thật là vẻ-vang cho cả đoàn-thể chúng tôi. Nay ngài quá bộ tới đây lại là chứng rõ cái lòng ân-cần ấy, chúng tôi xin đội ơn lắm lắm. Đương cơ-hội trong thế-giới bây giờ, một buổi tiệc như buổi hôm nay, họp ở chốn cố-tích như chốn Văn-miếu này, đông đủ cả các dân-đảng trong nước Nam, thật là có một cái ý-nghĩa rất sâu-xa vậy. Chúng tôi mong rằng ngày hôm nay sẽ thành một ngày kỷ-niệm trong lịch-sử của bản-hội, trong lịch-sử cả nước Nam vậy.

Chúng tôi trộm nghĩ rằng sau cuộc chiến-tranh không-tiền-khoáng-hậu vừa rồi, thế-giới tất phải qua một buổi biến-cách ; sự sinh-hoạt của các dân các nước, tất không thể y-nhiên như trước khi chiến-tranh được. Thử rộng trông các nước bên Đông bên Tây, đâu đâu cũng thấy khởi ra những phong-trào mới. Nước chúng tôi nhờ ơn nhà nước Đại-Pháp đã được dự một phần nhỏ vào cuộc chiến-tranh, tất cũng sẽ được hưởng một phần trong cái kết-quả sự chiến-tranh. Sau cuộc chiến-tranh, sự sinh-hoạt trong nước chắc không giống như cũ, và sẽ được tốt đẹp hơn xưa. Vậy thời ngay từ bây giờ cái phận-sự chúng tôi là phải sửa-soạn, phải dự-bị sẵn, để cho có đủ tư-cách mà sắp sửa vào cái trường sinh-hoạt mới ấy, hưởng những sự tốt đẹp sau này. Hiện nay trình-độ dân chúng tôi còn thấp kém, cái trách-nhiệm bọn thượng-lưu trong nước lại càng nặng lắm nữa. Muốn làm trọn cái phận-sự kia, muốn đương nổi cái trách-nhiệm này, thì bọn thượng-lưu tất phải họp-tập thâu-thập lại, phải xuất-hiện trình bày ra, phải kết thành đoàn-thể, trên được Chính-phủ tin, dưới được quốc-dân cậy, nhiên-hậu mới ra công sửa-soạn dự-bị cho cái tương-lai được thập-phần hoàn-hảo. Ấy cái chủ-ý của hội chúng tôi là như vậy. Chúng tôi muốn thâu-thập cả bọn thượng-lưu, kết thành đoàn-thể, dựng lên chủ-nghĩa, châm-chước cái tình-thế trong nước, thương-lượng sự yếu-cần của dân, để cho xứng đáng làm người giới-thiệu Chính-phủ với quốc-dân, thông-đồng kẻ trên với người dưới, khiến cho trong buổi thế-giới biến-cách này nước chúng tôi được an-toàn trót-lọt,

dân chúng tôi được tuần-tự tiến lên. Chúng tôi thường trông thấy nhiều dân nhiều nước vì trình-độ chưa đến mà cải-cách quá mau, sinh ra nhiều sự bối-rối chẳng hay, vừa hại cái thể-thống trong nước, vừa ngăn sự tiến-hóa trong dân ; nên cái chủ-nghĩa của Hội chúng tôi là gồm trong hai chữ : *trật-tự* và *tiến-bộ*, lấy sự trật-tự làm cái thang tiến-bộ, cầu sự tiến-bộ ở nơi trật-tự. Chúng tôi muốn cho dân chúng tôi mỗi ngày một tấn-tới lên, nhưng chúng tôi lại muốn cho dân chúng tôi giữ được nền-nếp qui-củ, có tiến mà không thành ra biến, không sai cái trật-tự trong nước. Vì chúng tôi biết rằng phàm sự tiến-bộ phải tiềm-tiệm, phải lần-lần, phải điều-hòa, phải tuần-tự, không nên chậm quá mà cũng không nên mau quá, phải giữ lấy mực trung-bình mới được. Các thánh-hiền trong nước chúng tôi đã từng dậy cho chúng tôi cái đạo *Trung-dung* : trung-dung nghĩa là không thiên không lệch, vừa phải thích-trung. Trung-dung nghĩa là cứ ung-dung mà tiến lên, không chậm không mau, đi từng bước mà đi bước nào là chắc bước ấy, không đến nỗi vội-vàng vấp-ngã. Dân chúng tôi sinh-tồn tự mấy nghìn năm đến giờ, vẫn được tuần-tự bình-thường, đời nọ sang đời kia vẫn giữ được cái bản-chất tốt, thật là nhờ ở đạo Trung-dung đó vậy. Nay nhân cuộc chiến-tranh, thiên-hạ biến-đổi, chúng tôi lại càng cần phải giữ đạo Trung-dung, cho thế nước được vững-vàng, lòng dân có chủ-định, khỏi phải gặp những nỗi bối-rối khó-khăn như mấy dân mấy nước khác.

Nay Hội « Khai trí » chúng tôi lập ra là chỉ vì một cái mục-đích như vậy, nghĩa là giữ cho sự tiến-hóa trong nước được điều-hòa tuần-tự vậy. Cái mục-đích của chúng tôi đã phân-minh thì sự hành-vi của chúng tôi phải chánh-đáng, phàm chúng tôi cử-động yêu-cầu đều lấy lẽ đường-đường chánh-chánh, không dùng lối khuất-khúc mập-mờ. Hội chúng tôi là một hội công-chánh, không phải là một hội bí-mật vậy.

Vả ngày nay không có gì là bí-mật nữa. Chánh-phủ với quốc-dân đã một lòng tin cậy nhau, thì người trên mưu việc gì nên công-bố cho người dưới biết, người dưới cầu điều gì nên thông-đạt cho người trên hay ; hoặc có khi Chính-phủ thi-thố chưa đến nơi, hay thực-hành còn sai muộn, thì quốc-dân có thể lấy lời thành-thực mà trung-cáo, chánh-phủ tất lấy bụng khoan-dung mà chịu nghe ; như vậy thì còn có điều gì hiềm-kỵ nhau mà phải dấu-diếm, còn có điều gì ghen ghét nhau mà phải âm-mưu ? Thượng-quốc đã lấy cái trách-nhiệm làm thày học cho dân chúng tôi, thì chúng tôi là phận học-trò, có điều gì nghi-ngờ lẽ sao không hỏi, có điều gì mong-mỏi lẽ sao không xin ?

Nhưng mà được như vậy, được cái quyền nói-năng họp-tập dễ-dàng như vậy, là bởi đâu ? Thật là bởi cái chánh-sách quan Toàn-quyền ta đây. Hội chúng tôi sở-dĩ thành-lập được, có cái tư-cách phân-minh chính-đáng như vậy, cũng là nhờ cái chánh-sách khai-phóng của quan Toàn-quyền ta đây.

Bẩm quan Toàn-quyền, cái chánh-sách ngài thi-hành trong mấy năm nay, phàm dân An-nam chúng tôi, ai là người biết tư-tưởng, biết suy-xét, cũng phải cảm-phục vô-cùng. Ngài thật là có bụng muốn khai-hóa cho chúng tôi. Được nghe nhiều lời ngài hiếu-dụ, chúng tôi thấy cảm-động đến trong lòng ; được trông nhiều việc ngài thực-hành, thật không sai lòng chúng tôi mong-mỏi. Chúng tôi ước-ao sự gì, ngài đã đem đến trước mà tỏ bầy cho chúng tôi ; chúng tôi hi-vọng điều gì, ngài đã trù-liệu sẵn mà thực-hành cho kết-quả. Ngài thực là đứng ân-nhân của dân chúng tôi ; ngài thật là người cha hiền để đưa giắt bọn con dân lên đường văn-minh tiến-bộ. Công-đức ấy

bao giờ chúng tôi quên được ? Không những chúng tôi không quên được, mà chúng tôi hoài vọng ngài vô-cùng. Hiện nay, hơn 15 triệu dân An-nam chúng tôi ở khắp mọi nơi đều ngửng mặt mà ngóng trông về ngài, biết rằng ngài đương vì chúng tôi mà trù-tính những công-việc lớn-lao, vì chúng tôi mà mưu-toan những sự-nghiệp to lớn, chúng tôi trông cậy lắm, chúng tôi mong-mỏi lắm.

Nay bản-hội được cái vinh-dự nghênh-tiếp ngài ở đây, là chủ để biểu cái lòng thành yêu-mến, cái tình thực trông-mong của cả quốc-dân An-nam vậy. Những người đứng quanh ngài đây là thay mặt cả các dân-đảng trong nước Nam, có người làm quan, có người làm ruộng, có người học-hành, có người buôn-bán, có học-trò các trường nhờ ơn ngài giáo-hóa sẽ được trở nên những người hữu-dụng cho nước sau này ; nhiều người ở tận tỉnh xa cũng không quản công khó-nhọc về đây để tỏ lòng kính-mến ngài. Tuy tiệc này nhỏ-mọn mà lòng chúng tôi chí-thành, mong rằng ngài vui lòng chứng-quả cho. Chén nước trà chúng tôi dâng ngài đây là để buộc cái giấy thân-ái của bọn thượng-lưu nước Nam với quan khâm-mạng nước Pháp, giấy thân-ái ấy chúng tôi mong rằng càng ngày càng bền-chặt, càng ngày càng đậm-đà mãi lên.

Bẩm ngài, chúng tôi nghe nói ngài sắp về quí-quốc để bàn-soạn những công-việc quan-trọng. Được tin ấy chúng tôi luống những bàn-hoàn. Nhìn lại những công-nghiệp ngài đã làm, trông xa những công-nghiệp ngài đương tính, cảm cái ơn-huệ trước, nghĩ đường trông-cậy sau, mà chúng tôi buồn, chúng tôi lo, buồn rằng gặp thày tốt mà không giữ được lâu, lo rằng thày chuyến này đi không biết có trở lại nữa không, và trong khi vắng thì cái công-nghiệp tốt, cái chánh-sách hay, có giữ được bền không, có người kế-tục không. Chúng tôi lo, chúng tôi buồn như vậy, mà đáng lẽ buổi hôm nay phải vui mừng để chúc tiễn ngài cùng phu-nhân chầy về quí-quốc cho thuận gió xuôi buồm, thành ra trong lòng luống những ngậm-ngùi, nửa mừng mà lại nửa tiếc, mừng rằng ngài sắp về Mẫu-quốc thấy cái cảnh-tượng chiến-thắng, hưởng cái hạnh-phúc hòa-bình, mà lại tiếc rằng sẽ vắng mặt một người thày tốt hết lòng trông cậy, một bậc quan hiền hết sức mến-yêu.

Lần thứ nhất ngài trở về quí-quốc có hứa với chúng tôi rồi lại sang để làm cho hoàn-thành công-nghiệp. Ngài đã giữ lời hứa mà lại sang tái-nhậm, lần thứ hai công-nghiệp lại to hơn lần thứ nhất. Chúng tôi ước-ao rằng lần này ngài lại hứa với chúng tôi như vậy, và trông mong rằng lần thứ ba sau này công-nghiệp lại còn to hơn lần thứ nhất thứ nhì.

Nay xin kính-chúc :

Đại-Pháp vạn-tuế !

Đại-Nam vạn-tuế !

Quan Toàn-quyền SARRAUT vạn-tuế !

II

BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA QUAN
TOÀN-QUYỀN ALBERT SARRAUT

Các ông,

Lời nói đầu của tôi là để tỏ lòng thành cảm ơn các ông. Tôi trông thấy các ông đến đông như vậy, lại được nghe những lời qui-hóa của một người danh-giá trọng-vọng như quan Tổng-đốc Đoàn-Triển mới thay mặt các ông mà diễn-thuyết vừa rồi, thật trong lòng tôi lấy làm vui vẻ lắm. Tôi thương dân như người cha thương con, nay cả các dân-đảng trong nước Nam tự lòng thành-thực đến họp-tập lại đây để biểu cái tình ân-ái kỉnh-trọng với người khâm-mạng của Mẫu-quốc là tôi đây, thật tôi lấy làm hoan-hỉ lắm.

Ngay tự ngày đầu tôi vẫn có bụng tin Hội « Khai-tri-tiến-đức » của các ông lập đây, nay trông cái tiệc rực-rỡ hôm nay, nghe những lời trân-trọng vừa rồi, tôi lại thêm bụng tin lắm nữa. Tôi đã biết từ trước rằng Chính-phủ Bảo-hộ có thể cậy ở Hội các ông đem lòng thành mà giúm-giúp Chính-phủ được. Cứ nghe lời quan Đoàn Triển tuyên-bố cái chủ-nghĩa của Hội thì đủ biết rằng tôi xét không lầm. Ngài đã diễn-giải ra một cách rất mạnh-mẽ, rất phân-minh, cái lòng hi-vọng nó liên-lạc bọn thượng-lưu trong nước Nam với người Đại-Pháp chúng tôi để cùng nhau mà mưu-tính những công-việc lớn-lao trong nước sau này cho có trật-tự, cho được tấn-tới. Ngài lại giải-thích rất rõ-ràng về cái nghĩa-vụ của bọn thượng-lưu phải giữ trách giáo-dục kiểm-đốc cho quốc-dân sau này. Ngài lại đoan chắc với Chánh-phủ Bảo-hộ rằng cả đoàn-thể An-nam sẽ đem hết tinh-lực mà giúm-giúp nước Đại-Pháp trong cái công việc khai-hóa ở đây. Tôi biết rằng cái chí của Hội các ông là muốn cho mỗi người trong nước hiểu rõ rằng sự tiến-bộ cần phải tuần-tự điều-hòa mới được, và ai ai cũng nên biết chú-mục vào cái mục-đích phải đạt tới.

Cái mục-đích phải đạt tới, đó là cái tư-tưởng rất thâm-thiết, tôi muốn lấy làm đầu bài cho mấy lời diễn-thuyết tôi nói đây. Nay người Tây người Nam phải đồng-tâm hiệp-lực mà làm cho nước này được ích-lợi, dân này được sung-sướng. Vậy thời đôi bên định làm gì, và phải làm thế nào? Đó là cái mục-đích phải đạt tới vậy. Đó là cái mục-đích bao giờ tôi cũng trông thấy trước mắt vậy. Đó là cái mục-đích không bao giờ tôi quên được. Tôi nói thế là có ý muốn giải cái lòng lo-sợ của các ông về sự tôi sắp về Mẫu-quốc, như quan Đoàn Triển vừa nói mới rồi.

Tôi sắp dời đất Đông-dương thật; nhưng tôi không có bỏ dân An-nam. Dân đã quá mến tôi mà gọi tôi là người cha hiền: người cha có lẽ nào lại bỏ con? Thời-hồ có lúc gặp cái cơ-hội phải biệt nhau, dời nhà mà đi ra hành-động ở xa; nhưng đi cũng là để mưu việc sau đây, tìm đường danh-phận cho lũ con ở nhà. Tôi đi tức là như vậy; tôi về Pháp tức là để mưu-toan như vậy; tôi về là lại để làm việc ích-lợi cho cái đất Đông-dương qui-báu này, lại để bênh-vực cho những lợi-quyền-liên đái (*intérêts solidaires*) của người Pháp người Nam cùng nhau hiệp-lực như người chung vốn một công-ti mà làm cho cái cõi thuộc-địa lớn này ngày một mở-mang thêm ra. Vả tôi đã đem hết lòng

hết dạ yêu mến xứ này, hết công hết sức gây dựng cho xứ này, thể nào mà bỏ cho được, mà quên cho đành ? Cái giây luyến-ái nó buộc tôi với đất nước này đã bền chặt quá, không sao dứt cho được. Hai lần tôi sang cai-trị đây, cả thảy là hơn 5 năm trời ăn ở xứ này, thật đã ra sức cần-cù, làm nên được nhiều việc tưởng cũng có ích cho dân. Kể từ khi tôi mới ra gánh vác công việc với đời cho đến nay đã được ngót 30 năm, tôi tưởng dễ chỉ có cái quãng đời tôi ở đây là quãng hay hơn cả ; trong 5 năm ăn ở với dân xứ này đã in vào trong tư-tưởng được lắm cái kỷ-niệm, có cái vui mà cũng có cái buồn, gồm lại dựng nên được một tấm thân-thế ; những cái khoái-lạc tối-cao trong đời cũng là ở đây mà tôi được hưởng ; và cũng là ở đây mà mấy lần cái chết đã bay qua trước mắt tôi ; trong một đời người có cái khoảng linh-lợi nhất thì tôi đem cống-hiến cho xứ này, là cái khoảng lúc người đã đứng tuổi, kinh-lịch đã nhiều; bấy giờ ra sức hành-động mới thật dễ thành công.

Nhưng mà chính là trong khi hoạt-động, đương lúc thực-hành, mà tôi được kinh-nghiệm nhiều, được suy-nghĩ nhiều về cái tương-lai đất Đông-dương này, về cách nên làm thế nào cho cái tương-lai ấy được tốt-đẹp vẻ-vang, cho đường tiến-bộ sau này được mau chóng. Nay tôi về Pháp chính là để yêu-cầu về sự đó, đem những việc tôi đã kinh-lịch trong năm năm mà làm chứng-cớ. Các ông coi đó thì đủ biết không những tôi không bỏ dân An-nam, không quên dân An-nam, mà tôi lại còn sửa soạn giúp cho dân nữa, tôi trở về Mẫu-quốc là để tìm phương-kế làm cho cái xứ này được phát-đạt thêm lên.

Tôi muốn giải ngay cái ý đó cho các ông rõ, và cho những người Pháp sẽ đọc những lời tôi đương nói với các ông đây cũng được hiểu rõ, vì việc này là việc quan-hệ cả người Pháp cùng người Nam, trong cái cuộc lớn mở-mang cho cõi đất này, người Pháp phải đồng-tâm hiệp-lực với người Nam mới được. Tôi muốn giải rõ ngay cho về phần người Pháp cũng vậy và về phần người Nam cũng vậy khỏi có kẻ xét không đến nơi mà hiểu ý sai lầm.

Cái ý tôi muốn nói đó là đất Đông-dương này là một cõi đất cực lớn, đường phát-đạt sau này cũng cực to, từ nay muốn cho hết sức mở-mang, hết sức giàu-có, hết sức thịnh-vượng, cần phải có *quyền tự-do trong sự hành-động*, (*liberté d'initiative et d'action*) quyền tự-do ấy hiện nay hãy còn thiếu-thốn lắm. Đất Đông-dương là một nước Pháp nhỏ ở cõi Á-đông, như người con nhỏ của Đại-Pháp mà hiện nay đã đến tuổi khôn lớn rồi; thủa nhỏ đi còn chập-chững, còn chưa vững, cần phải buộc cái giây lưng để nắm cho khỏi ngã, chớ đến nay đã lớn rồi mà vẫn còn bắt buộc như vậy thì xoay sao cho được, cựa sao cho được, có khác gì như bó chân bó tay lại hay không ? Cái giây lưng để giữ đứa con đỏ đó là tự quyền trên ở bên Pháp đặt ra, cái tay cầm hai đầu giây để khi co khi nới đó cũng là ở tự bên Pháp. Tức là những luật, những lệ, những sắc-lệnh, những điều-qui, đặt ra tự khi xưa, lúc xứ này còn như đương mới lớn lên, cần phải giữ-gìn mọi điều cho cẩn-thận, cần phải giám-đốc những người có quyền cai-trị cho đến nơi đến chốn. Vậy thì ngày nay muốn cắt hay là muốn nới cái giây buộc ấy, phải sang yêu-cầu tận bên Pháp mới được. Không phải là yêu-cầu cho xứ Đông-dương này dời hẳn với Mẫu-quốc, không có liên-lạc gì với Mẫu-quốc nữa, không, không phải thế. Tức là làm cho cái giây liên-lạc ấy bền chặt thêm lên, mà lại mềm-mại rộng-rãi thêm ra ; vì hiện nay bởi xứ Đông-dương lớn mạnh rất mau, cái giây ấy đã thành như cái thừng ngắn quá và căng quá, mỗi lần

rật lần co làm cho người đứng hai đầu phiền-nhiễu vô-cùng.

Chắc các ông cũng hiểu rõ cái ý tôi. Lúc đầu Nhà-nước Đại-Pháp mới sang cáng-đáng công-việc khai-hóa trị-an bên này, thì cần phải đặt một cái cơ-quan kiểm-chế mạnh để trước là dẹp bình sửa yên trong nước, gây-dựng các mối chánh-trị cho đủ sự cần-dùng, sau là trang-trải cái tài-chính suy-sút của xứ này, khai-khẩn các nguồn lợi-sản, đặt các phương-kế cho đường kinh-tế được phát-đạt, làm đường-xá cầu-cống, sắp đặt cuộc y-tế[1], mở-mang nền giáo-dục, coi-sóc việc biên-phòng, việc cảnh-sát ; làm bấy nhiêu công việc nước Pháp đã phải chịu tổn-phí nhiều, phải đem bao nhiêu tiền mà cho vay, lại phải đảm-bảo (*garantir*) những tiền vay ấy, tiêu tốn nhiều trong bao nhiêu lâu, nên cần phải giữ quyền kiểm-đốc rất kỹ, trước là để cho những của những công ấy dùng cho phải đường, sau là để cho những người chịu mệnh sang cai-trị bên này phải tuân theo phép tắc. Nhưng từ đó đến nay đã trải bao nhiêu lâu rồi ; năm nọ đến năm kia, cõi Đông-dương này đã tiến-hóa biết bao nhiêu rồi ; thế nước đã vững lớn, vận nước đã thịnh-vượng, sức-mạnh tài-sản đã tăng-tiến lên nhiều. Những giây buộc thủa trước để giữ cho khỏi ngã, nay làm ngăn cho khó đi ; cái quyền trên để chỉ đường cho bước lên nếu ở xa cách những mấy nghìn dặm thì biết sao cho thấu được; phải ở *ngay đây*, không thể ở tận bên Pháp được. Chắc rằng cái cơ-quan để chủ-trương mọi việc chính-trị ở Đông-dương này bao giờ cũng phải thuộc quyền giám-đốc của Mẫu-quốc. Nhưng mà cái quyền xử-định, cái quyền hành-động phải ở đây, ở ngay Đông-dương này mới được. Cứ thực ra thì có được đâu như thế ; tuy trong luật-lệ đặt ra phủ Toàn-quyền Đông-dương là có ý muốn phân-uỷ quyền-chánh cho, nhưng cái quyền của phủ Toàn-quyền ấy thật còn khuyết-hãm nhiều lắm, lời công-văn thường có nhiều nghĩa, khiến cho Mẫu-quốc trao quyền cho tay này mà hình như lại muốn rút quyền lại tay kia. Trên công-văn thì nói một đường, mà lúc thực-hành lại làm một nẻo. Tôi làm Toàn-quyền tôi đã biết, chỉ thấy phần trách-nhiệm là nhiều, việc gì cũng trách-nhiệm đến mình, việc gì cũng đổ vào một mình, mà thật cái quyền quyết-định thì mình không có để cho đáng cái trách-nhiệm ấy. Cái quyền của tôi ấy thật là ở trong tay quan Thượng- thư bên Pháp, nghĩa là quan Thượng-thư có bụng tin tôi, muốn để cho tôi được rộng đường thi-thố, thì tôi mới có quyền. Như về phần riêng tôi, nếu tôi đã từng nhiều lần tự-tiện làm được nhiều công-việc có ích, là bởi quan Thượng-thư bây giờ đã để cho tôi được tự-do hành-động. Nhưng mà ví quan Thượng-thư cố-ý muốn ngăn-cầm tôi, muốn bó-buộc tôi, muốn làm cho chậm trễ các công-việc cứ theo lệ tôi phải dệ-trình ngài, thì cũng không phải là không được. Cứ đem một đống công-văn cũ ra mà kiện nghĩa cũng đủ tìm được lắm lẽ mà ngăn cho không có quyền tự-ý phát-khởi ra điều gì mới lạ. Như vậy thì quan Thượng-thư để rộng quyền cho tôi là vị tôi, chớ không phải vì cái chức Toàn-quyền vậy. Thành ra cái quyền hành-động xử-trí phần nhiều là tùy người cả ; như vậy thì nếu quan Thượng-thư ngày nay biết hiểu các lẽ cần phải để cho ông Toàn-quyền được rộng quyền thi-thố, chắc đâu rằng quan Thượng-thư mới sau này lại không nghĩ khác, làm khác, và cái cách nghĩ

(1) *Y-tế* nghĩa là việc cứu-tế về đường bệnh-tật, thuốc men, như đặt nhà thương, đi trồng đậu, v.v. (*assistance médicale*).

cách làm ấy lại không theo cái khuynh-hướng tự-nhiên của các ti-thuộc, xưa nay vẫn hay có thói quen làm hạn-chế cái quyền hành-động của bọn ta ở đây? Thật không biết lấy gì làm chắc được. Ấy chính cái hiểm-tượng là ở đó, vì một xứ lớn như xứ này, sự sinh-hoạt, đường phát-đạt không thể dễ bấp-bông như thế được; cái người có trách-nhiệm cầm quyền cai-trị xứ này không thể chịu phấp-phỏng như thế được, ngày nay thế này mà không chắc ngày mai thế nào, thứ nhất là ở đây nhất-cử nhất-động cũng phải chịu mệnh-lệnh tự bên Mẫu-quốc, thành ra công việc chậm-trễ, thì thể nào mà thi-thố việc gì được. Vậy thời phải yêu-cầu thế nào cho về đường chính-trị, về đường hành-chính riêng trong thuộc-địa này, được một cái hiến-pháp mới cho cái quyền cai-trị đã có trách-nhiệm cũng phải có đủ quyền-lực, đủ vững-vàng thời mới có thể làm công nọ việc kia được, điều đó cứ lấy lẽ thực-hành cũng biết là cần lắm vậy.

Nay nếu được cái hiến-pháp như vậy thời Chính-phủ ở đây được rộng quyền tự-trị hơn, có thể làm việc mau hơn, thắng hơn, thuộc điều lợi hại, sự yếu-cần của dân hơn, thật là ích-lợi cho sự sinh-hoạt trong thuộc-địa nhiều lắm, nhưng chắc các ông cũng hiểu rằng được như vậy tất là ích-lợi cho cả các ông nữa, vì cứ trong tư-tưởng tôi và cứ cả lẽ thực nữa, thời người dân bản-xứ sẽ được hiệp-lực một cách mật-thiết hơn với Chính-phủ ở đây để thi-hành cái quyền nội-trị ấy. Điều đó trong một lát nữa tôi sẽ giải tường cho các ông nghe. Thành ra rút lại thời cái sự cải-cách tôi định sang yêu-cầu bên Pháp đó tức là lại làm cho vững thêm cái nền chính-trị tôi đã thực-hành ở đây. Nghĩa là cái chính-trị ấy không sợ hỏng mất đâu, cái công-nghiệp đã dựng nên không sợ đổ mất đâu, trong bài diễn-thuyết của ông Đoàn Triển vừa rồi có ý lo về sự đó, tưởng các ông không nên lo vậy.

Các ông không nên lo là vì cái công-nghiệp ấy không thể phá đổ được, và dễ cũng không ai có cái tư-tưởng như vậy. Không thể phá đổ được, trước nhất là bởi cái nguyên-lý nó đã từng-trải lâu ngày mà không suy-vi, đủ biết là đích-đáng và hợp-thời; sau nữa là bởi cái nguyên-lý ấy ngoài sự thực-nghiệm ở riêng một đất Đông-dương này, hiện bây giờ lại được cả thế-giới văn-minh đương trịnh-trọng mà tuyên-nhận là quyết phải, mà đứng đầu thế-giới văn-minh vẫn là nước Pháp là nước Bảo-hộ của các ông.

Nhân-loại vừa mới qua một hồi chiến-tranh kinh-thiên động-địa. Cuộc chiến-tranh ấy đã kết-cục, công-lý thắng cường-quyền, văn-minh đoạt dã-man, sự công-nghĩa đánh đổ được sự tàn-bạo. Thế-giới trong bốn năm trời như bị cơn giông cơn tố che mờ ám, nay mới lần lần sáng dần ra, và xuất-hiện ra rực-rỡ như mặt trời mới mọc một cái lý-tưởng gốc tự nước Pháp, là cái lý-tưởng về công-quyền của nhân-loại, (*l'idée des droits supérieurs de l'humanité*) theo cái lý-tưởng đó thời phàm người ta đã họp thành xã-hội phải lấy đạo công-bình mà xử-trí, kẻ yếu cũng được có quyền sinh-tồn như người khỏe, văn-minh mỗi ngày một mở-mang thời các giống người phải được mỗi ngày một tốt đẹp, thế-giới phải tiệt cho hết cái mầm áp-chế (*tyrannie*).

Như chúng tôi đây thật là không phải đợi Hội Nghị-hòa tuyên-bố những điều đó mới lấy những cái lý-tưởng quảng-đại ấy làm gốc cho quyền bảo-hộ của nước Pháp ở đất Đông-dương này. Về phần tôi, đã tám năm nay, hồi tôi mới sang đây lần thứ nhất, tôi đã từng nói lời các quan Toàn-quyền trước, mà tuyên-bố những lý-tưởng như vậy, ngày nay lại thấy biết bao bậc danh-nhân ở Hội Nghị-hòa cũng đồng-thanh mà

xướng-suất như vậy, thật trong lòng lấy làm cảm-động vô-cùng. Mấy bữa trước, tôi có giở ra đọc lại những lời diễn-thuyết cùng lời tuyên-ngôn của tôi hồi sơ-nhậm xứ này, từ năm 1911 đến năm 1914; tôi đem đối-chiếu những ý-kiến tôi hồi bấy giờ với cái thời-thế ngày nay, thấy rất là thích-hợp, tưởng không cần phải đổi chút nào, tôi thật lấy làm bằng lòng lắm. Bấy giờ tôi có nói rằng cái quyền chính-trị của nước Pháp ở đất Đông-dương này muốn cho được *chánh-đáng* và cho có *đặc-biệt*, thời phải lấy sự công-lý công-nghĩa làm gốc, không thể lấy cái cường-quyền làm gốc được.

Nay tôi muốn tóm tắt những ý-kiến ấy lại đây, trước là để cho các ông nghe, sau là để cho những người Pháp cùng ở xứ này cũng được biết nhân thể. Tôi tưởng rằng những ý-kiến ấy là làm gốc cho cái chính-sách tôi ở đây, gồm lại có thể dựng thành được một cái chủ-nghĩa vững-vàng, chắc-chắn, hợp lẽ, rõ-ràng, để làm nêu cho mọi việc chính-trị trong một xứ lớn như xứ này, việc chính-trị ấy phải có phương-châm nhất-định, không thể mỗi ngày một thay đổi, không thể tùy người tùy tính mà khác đi được, thậm-chí những người khâm-mạng nước Pháp mà sang cai-trị ở đây cũng không hiểu rõ cái lẽ làm sao mà mình đã đến đây, và mình đã đến đây thời phải làm nên sự-nghiệp thế nào cho nó chánh-đáng.

Chắc các ông cũng biết rằng tự đời thượng-cổ đến giờ vẫn có những dân nọ đến đặt chủ-quyền hay là đặt quyền bảo-hộ ở dân kia. Sự đó là bởi nhiều cớ, tùy cái tinh-thần, tùy cái mục-đích của các dân các nước ấy mà khác nhau. Có nước như nước Pháp thì vì người dân bản-xứ hoặc vì vua chúa trong bản-xứ gọi đến để giữ hộ cho khỏi người ngoài đến chiếm-đoạt hay là người trong làm áp-chế, như nước Pháp đã giúp cho nước Nam về đời vua Gia-long vậy. Lại có nước thì vì cái lòng xâm-đoạt, vì cái bụng tham lợi mà đi đánh lấy các đất xa. Lại có nước nữa thì bởi công-lệ trong thiên-hạ hễ nhân-loại càng phát-đạt thời những nước nào là nước văn-minh hơn tất phải đi ra ngoài tìm những đất mà người dân không thể tự mình khai-hóa được hết, để thay vì mà khai-hóa cho khỏi bỏ uổng-phí mất một phần của báu trong trời đất. Nhưng dù cái duyên-cớ thế nào mặc lòng, phàm nước nào đi đến đặt chủ-quyền ở nước khác cũng là không ngoài hai cách thực-hành cái quyền ấy như sau này.

Cách thứ nhất là do những lối thực-dân từ đời cổ xưa (*vieilles théories de colonisation*), chỉ chủ lợi-dụng người bản-xứ, bắt người bản-xứ làm nô-lệ cho mình, cốt thu được nhiều lợi cho mình thời thôi. Bọn cường-tộc đến đâu bắt người ở đấy phải theo quyền phép mình, theo phong-tục mình, mua đồ hàng mình, người dân chẳng qua là một lũ trâu ngựa, truyền cho làm gì phải làm nấy, bắt sinh-sản hết sức cho mình được hoạch-lợi thật nhiều. Khi ấy thời cái cường-quốc đó không có biết gì đến tâm-hồn tư-tưởng, đến cái phần tinh-thần của người bản-xứ, chỉ biết cái phần vật-chất mà thôi, chỉ biết cho ăn no rồi bắt làm nhiều, hình như cả cái đám người đó chỉ dùng làm một cái *đồ dùng để làm việc*, ngoại-giả không có giá-trị gì nữa.

Cái cách thực-dân ấy có mấy nước Âu-châu xưa nay vẫn thường dùng, và trước khi chiến-tranh thì chính nước Đức là hay dùng trong các thuộc-địa, nhất là ở Phi-châu, đãi người trong bản-xứ thật như trâu ngựa, tàn-nhẫn quá cho đến nỗi ông bác-sĩ Solf, hiện nay là một người tai mắt ở nước Đức bây giờ, cũng phải lấy làm tức-giận.

Còn cái lối thực-dân kia, là lối của nước Pháp đã mở-mang ra quảng-đại vô-cùng, thời là chủ đem cho các dân bảo-hộ những sự tốt-đẹp của văn-

mình thời nay; là dạy cho những điều công-lý nhân-đạo khiến cho được hưởng những sự kết- quả hay, vừa về đường vật-chất, vừa về đường tinh-thần. Theo cái lý-tưởng đó thì dân cường-quốc tự coi như người *anh lớn* đến giúp-đỡ che-chở cho người *em nhỏ*, không coi dân bản-xứ như một lũ nô-lệ để lợi-dụng cho mình, như một cái máy để bắt làm cho hết sức, mà coi như một người *chung phần giúp việc* với mình, mình phải trông-nom săn-sóc đến, phải giúp cho mỗi ngày một phát-siển cái nhân-cách ra, phải làm cho thỏa-mãn những sự yếu-cần về đường tinh-thần tri-thức, để cho cái trình-độ mỗi ngày một cao dần lên và đến được bậc « nhân-cách hoàn-toàn » vậy. Lại phải cứ để cho tiến-hóa ở nơi chốn cũ, không có cưỡng-bắt theo những lề-lối ngoài, hoặc có phải cải-lương những lề-lối cũ cho hợp với nhân-đạo thì cũng lấy sự ôn-hòa mà giải cho biết, không lấy cái áp-lực mà bắt phải theo, dần-dần mở-mang cho biết những cuộc văn-minh tiến-bộ mới, những điều tư-tưởng trí-thức lạ, để cho có đủ tư-cách mà làm được việc ích-lợi cho tổ-quốc mình, cùng với người anh lớn hiệp-lực đồng-tâm. Nay tôi muốn thuật cái chánh-sách ấy cho các ông nghe, tưởng không gì bằng đọc lại những lời tôi đã từng nói tự sáu năm nay, hồi tôi diễn-thuyết ở Chánh-phủ-nghị-viện năm 1913, cũng trước khi ở bên này đã ngót ba năm trời sắp sửa-soạn trở về Mẫu-quốc. Tôi có giải tinh-cách và ý-nghĩa cái chủ-quyền của nước Pháp ở Đông-dương như sau này :

« Cái chủ-quyền của nước Pháp ở xứ này là một điều trọng-yếu không thể xâm-phạm. Không ai được có phép nghi-ngờ. Phàm người giữ trách cai-trị ở đây không được để cho ai nghị-luận đến cái chủ-quyền ấy, không những rằng bởi nó đã là một sự hiển-nhiên, *mà chính là bởi cái tinh-thần, cái đặc-tính của nó.* Vì cái chủ-quyền ấy không phải là cường-quyền. Cái chủ-quyền ấy trước nhất là cái quyền của sự Tiến-bộ vậy. Cái chủ-quyền ấy không có làm cho mất nước người ta đi : nó bênh-vực cho các dân các nước, nó giúp cho các dân các nước được mở-mang thêm lên. Phàm nước Pháp đến cắm cờ ở đất xa-xôi nào, không có lấy cái cường-quyền tàn-bạo mà bắt một lũ dân phải cực-khổ làm nô-lệ cho mình. Không có bao giờ như thế. Không có cái quyền làm như thế. Nước Pháp mà làm như thế thì không phải là nước Pháp nữa ! Nước Pháp không có ức-hiếp người ta bao giờ. Phàm trong nhân-loại có giống nào phải sầu-khổ phải khốn-ách, thì nước Pháp lấy cái tình anh em mà nâng đỡ lên cho Nước Pháp có đi lấy nước ngoài để làm nơi tiêu-thụ cho cái của sinh-sản trong nước mình thật, nhưng đến lấy đâu lại đem lại cho người dân ở đấy biết bao nhiêu mà kể những sự tiến-hóa văn-minh, những ơn-huệ làm sung-sướng cho loài người. *Cả cái vinh-dự của cái chánh-sách nước Pháp ở các thuộc-địa là ở đó, chính ở đó.* Ngày xưa có những kẻ đi sang các thuộc-địa ở châu Phi châu Mĩ mà buôn những giống người da đen gọi là hắc-nô, thuộc-địa chỉ coi là chỗ buôn người : cái chánh-sách buôn người đó, nước Pháp xin để cho các nước khác, vì nước Pháp là nước đã từng đi tháo cũi xổ lồng cho những kẻ bị lao-lung. Nước Pháp *coi hết thảy mọi người ta, dù sắc mặt thế nào mặc lòng, đều là người cả, là giống có nhân-cách, có tâm-hồn cả.* Không có bề cầm roi mà xua đuổi người ta vào trường lao-động, bắt kiệt-lực mà làm như giống trâu ngựa để cho đầy túi những nhà cổ-phần của các « Công-ti Ấn-độ »[1] đời xưa. Không,

(1) Grossir les douaires des Grandes « Compagnies des Indes ». — Nước Anh đời xưa sang lấy đất Ấn-độ là chỉ cốt vị mấy công-ti buôn lớn, cướp lợi-quyền của người dân để làm lợi riêng cho các tay buôn nước mình.

cái chánh-sách của nước Pháp không có thế. Nước Pháp như cầm tay các dân bảo-hộ mà đưa dắt vào đường làm ăn lương-thiện, hoặc làm bằng chân tay, hoặc làm bằng tinh-thần, chỉ chủ khiến cho người ta được *cao thêm cái nhân-cách lên*, tăng thêm cái giá-trị trong xã-hội, trong nhân-loại, và làm cho cái « gia-tài » chung của thế-giới ngày một tăng-tiến hơn lên.

« Nước Pháp là kẻ bảo-hộ, không phải là tay áp-chế. Bởi thế nên cái chủ-quyền của nước Pháp vẫn có ý nhân-từ và vẫn có cách khôn-ngoan. Song tuy nhân-từ, tuy khôn-ngoan mà không mất được cái giá-trị làm *chủ-quyền*. Như trong một nhà, cái chủ-quyền là ở trong tay người cha hay là người anh-trưởng. Nước Pháp cũng vậy, vì văn-minh tiến-bộ hơn, nên *cứ theo cái phép công trong nhân-loại*, được có quyền chúa-tể đối với dân xứ này. Xứ này vì như một cái vốn lớn những của những công, nếu không có người đến đặt lời đặt lãi cho thì thành ra cái vốn vô-dụng, bởi vậy nên nước Pháp phải đến để quản-trị những công những của ấy cho. Một lẽ đó cũng đủ chứng cho cái quyền nước Pháp ở đây. Cái quyền ấy là cái quyền rất cao-thượng, *vì tức là cái quyền của người mạnh phải bênh-vực cho người yếu vậy* ! Nhưng túng-sử một cái lẽ đó còn chưa đủ, thì cứ kể ngay những sự tổn-phí nhọc-nhằn của nước Pháp đã phải chịu ở đây cũng đủ làm một lẽ nữa vậy. Biết bao nhiêu người Pháp tự xưa đến nay đã vì văn-minh mà phải chết ở đất này, nào là quân lính đi đánh giặc đuổi cướp, nào là quan cai-trị giữ cho nước được yên-ổn, dân được công-bằng, nào là quan thầy thuốc hết sức mà chống với bệnh-tật, nào là quan kỹ-sư mở-mang những nơi hoang-địa cho thành chốn phồn-hoa, nào là nhà dồn-điền phá quang nơi cỏ rậm, nào là các hạng quan-lại cố-công cùng-sức làm cho cái đất này được tốt đẹp thịnh-vượng cho người dân, mà đã bị cái đất này vùi rập ! Cái chủ-quyền ấy, nước Pháp lấy được, giữ được là bởi công-phu nhọc-nhằn, không phải là bởi hành-hạ người dân mà được. Con đường tiến-bộ ở xứ này như một con đường dài, hai bên nhan-nhản ra những chữ thập là mả những người Pháp đã chết ở đây, mà cái số những chữ thập ấy thì cứ mỗi năm một nhiều mãi lên. Cái ơn-huệ, sự nhọc-nhằn, đó là hai cái nền vững-vàng của cái chủ-quyền nước Pháp ở đây, bởi thế nên nước Pháp có phép bắt các dân bảo-hộ phải tôn-trọng cái chủ-quyền ấy ».

Đó là cái chánh-sách đối với người bản-xứ, đó là cái lý-tưởng về sự bảo-hộ, về sự khai thuộc-địa của nước Pháp : các ông thử xét kỹ cái lý-tưởng ấy, cái chánh-sách ấy mà coi. Cái kết-quả thứ nhất, cái kết-qnả to lớn nhất của cái chánh-sách ấy, cái lý-tưởng ấy là thế nào ? Là thế này : Nó đã gây hẳn ra một cái hiện-tượng rất to, rất quan-trọng, trước kia không có, mà dễ thường không mấy người chú-ý đến. Nó đã biểu rõ, nó đã diễn-xuất ra cái tư-tưởng về nhân-quyền (*le droit de l'homme*), về cái quyền của con người ta. Tôi khuyên các ông nên ngẫm-nghĩ kỹ về cái ý đó, vì cái ý đó là một cái ý rất sâu-sắc, trong người Pháp chúng tôi dễ thường cũng có người chưa từng nhận đến. Trước khi người Đại-Pháp sang Đông-dương này thì dân An-nam tuy là một dân đã có văn-hiến, có pháp-luật khôn-ngoan của vua hiền chúa giỏi đặt ra, song cũng vì như một đám đông chưa thành hình (*masse amorphe*), còn lộn-xộn, cái nhân-cách từng người (*la personne individuelle*) còn chìm đắm vào trong đoàn-thể, người ta còn ngập vào trong đám đông, như cái cây lẫn trong rừng lớn vậy. Cái giá-trị của người ta (*la valeur humaine*), nghĩa là những quyền-lợi của

mỗi người cùng là pháp-luật để giữ cho những quyền-lợi ấy, còn hầu như chưa có. Người ta đối với quốc-gia chẳng qua là một chút mảy-may, cũng vi như một hột cát trong đống cát vậy. Cái đám người đông u-u ầm-ầm ấy dã mấy mươi đời nay vẫn cứ chịu ép một bề mà theo cái quyền chuyên-chế của người trên, dù cái quyền ấy sai khiến thế nào mặc lòng, bắt sống phải sống, bắt chết phải chết, dẫu lạm-dùng quá-độ cũng không biết tố-cáo vào đâu, vì trên ông vua không còn có cái quyền nào cao hơn nữa. Người ta an-toàn được chỉ là nhờ ở cái bụng tốt, cái trí công, cái lòng nhân-từ của ông vua cầm quyền đó, cùng những người khâm-mạng vua mà thi-hành cái quyền đó. Gặp được vua hiền quan giỏi thì cái nhân-thân mình được trọn-vẹn, gặp phải vua xấu quan xằng thì khó lòng mà giữ cho trọn được. Đối với cái quyền tối-cao tuyệt-đối ấy thì không còn có pháp-luật nào mà tố-cáo được nữa. Chắc rằng một cái tình-trạng như vậy thì dễ việc cai-trị cho quan-quyền nhiều lắm, vì dân chỉ là một cái lũ dã sẵn lòng phục-tòng, không phải là những người dã có quyền-lợi riêng ; bởi dễ-dàng cho việc cai-trị như vậy, nên chính các quan cai-trị Pháp cũng thường muốn theo lối cũ mà cứ giữ y-nhiên như vậy, lấy làm tiện-lợi nhiều, vì chỉ phải can-thiệp với cả đoàn-thể mà không quản gì đến quyền-lợi riêng của mỗi người.

Nay nhờ sự kết-quả của cái công-nghiệp nước Pháp ở đây, nhờ cái công khó nhọc, nhờ cái chí công-bằng, nhờ cái lòng quảng-đại của nước Pháp, mà cái giá-trị, cái quyền-lợi của mỗi người (*individu*) đã phát-biểu xuất-hiện ra rõ-ràng vậy. Tôi lấy một câu thí-dụ như thế này cho các ông dễ hiểu. Người thợ nặn muốn nặn ra hình người thì phải dùng đất thó, có đất rồi mới nặn thành người được. Xã-hội An-nam cũng vi như là cái đất nặn, mà nước Pháp vi như là người thợ nặn ; cái tay nước Pháp lấy cái đất nước Nam ấy mà nặn lên thành những người có nhân-cách, mỗi người có quyền-lợi và có cách để giữ được quyền-lợi, vì đã có pháp-luật cao hơn mà che-chở cho. Thật là nhờ công-nghiệp nước Pháp mà người An-nam đã thành những người có nhân-cách hoàn-toàn vậy.

Muốn nói cho đúng hơn thì phải nói rằng nước Pháp vẫn dụng công và hiện nay cũng còn dụng công để gây cho người An-nam có cái nhân-cách hoàn-toàn ấy. Vì cái công-nghiệp nước Pháp về đường ấy chưa phải dã xong đâu ; còn phải lâu dài nữa rồi mới mong tới ngày trong suốt cõi nước này cái công tạo-thành ra nhân-cách có đủ quyền-lợi pháp-luật ấy sẽ được hoàn-toàn và sẽ được hiển-nhiên công-nhận vậy. Hiện nay còn gặp nhiều sự ngăn-trở lắm, hoặc bởi phong-tục, hoặc bởi quyền-thế, hoặc bởi cái trình-độ giáo-dục trong dân còn kém, hoặc bởi những lề-thói cổ tự đời nào đến giờ làm ngăn sự tiến-bộ, ngại đường công-lý. Nhưng cái nguyên-lý cốt-yếu thì hiện nay đã phát-minh ra rõ-ràng rồi, cái nguyên-lý ấy là thế này : người bản-xứ ở đây cũng là người, cũng có nhân-cách như mọi người khác, như người Âu-châu chúng tôi vậy. Nhân cái nguyên-lý đó, để duy-trì, để thực-hành cái nguyên-lý đó, thì nước Pháp cùng những người khâm-mạng nước Pháp để cai-trị ở đây vẫn hết sức làm cho vững bền cho rõ tỏ những quyền-pháp để bảo-toàn cho người ta, những kế-hoạch để giữ-gìn cho cái nhân-thân, sự tự-do, cái sinh-mạnh, sự tài-sản của người ta, cùng là giúp cho người ta về thân-thể về tinh-thần mỗi ngày một phát-đạt thêm lên, sau này được sung-sướng hơn lên, và hoặc-giả có bị xâm-phạm đến những quyền-lợi cùng tư-cách ấy

thì có chỗ mà kháng-cáo được. Ấy cái mục-đích cao-thượng của công-nghiệp nước Pháp là đó, công-nghiệp ấy hiện đã làm thành, và ngay bây giờ cũng vẫn đương làm, hoặc là cải-lương lại các chế-độ cùng pháp-luật, hoặc là mở-mang sự giáo-dục, cuộc y-tế (*assistance médicale*), hoặc là cho người An-nam được tham-dự vào việc cai-trị trong xứ hay là ra thay mặt dân nơi Nghị-viện. Nước Pháp đã ra công gắng sức cho đạt tới cái mục-đích đó, không hề bao giờ trễ-nải chút nào, thật là một sự danh-dự cho nước Pháp vô-cùng vậy.

Về phần tôi thời tôi để cả cái chí-nguyện tôi mà hết sức duy-trì cho cái chánh-sách đó. Cái chánh-sách đó chắc là khó-khăn hơn cái « chánh áp-chế » (*politique de domination*), hay là cái « chánh lợi-dụng » (*politique d'exploitation*), chỉ biết lấy võ-lực thay vì cái tài kinh-luân mà thôi. Cái chánh-sách đó đem thực-hành ra mới lại gian-trước lắm nữa, vì phải cẩn-thận lắm mới đem được những tư-tưởng mới mà thích-hiệp với những phong-tục cũ ; về phương-diện đó thì thời-hồ cũng có người An-nam thủ- cựu quá, — tôi chắc ngày nay không còn mấy nữa— cho cái chánh-sách ấy là không lợi cho cái quốc-túy của các ông ; nhưng cũng lại có nhiều người Pháp chúng tôi không chịu khó quan-sát về sự sinh-hoạt, sự tiến-hóa các dân các nước, cho là bạo quá, sợ sự mơ tưởng có khi thành ra nguy-hiểm. Song mà cái chánh-sách đó đã đem ra thực-nghiệm, đã từng-trải lâu năm thấy đắc-lợi cả, thì đủ biết rằng thật là khôn-ngoan và thật là khéo tiên-liệu vậy. Vì bởi có cái chánh-sách ấy mà dân An-nam mới có lòng trung-thành kia, đủ chứng rằng dân biết hiểu cái chánh hay và cảm cái ơn tốt của nước Đại-Pháp. Trong cuộc chiến-tranh vừa rồi, các ông đã tỏ cái lòng trung-thành ấy một cách rực-rỡ vậy. Giữa lúc nước chúng tôi gặp sự nguy-hiểm, không những cái lòng tin lòng yêu nước Pháp của các ông không giảm đi chút nào, mà lại phát-biểu ra mạnh-mẽ thêm lên, hoặc là gửi từng 10 vạn người sang giúp Mẫu-quốc, hoặc là xuất tiền xuất của rất nhiều mà giúm-giúp cho mọi việc quốc-phòng, hoặc nữa giữ được trong suốt cõi Đông-dương yên ổn, trước sau chỉ xảy ra có một vài việc con con thì hoặc là bởi kẻ ở ngoài vận-động, hoặc là bởi những quan-lại của Chánh-phủ bảo-hộ bất-cần mà làm lầm, điều đó chánh-phủ cũng phải thành-thực mà thú-nhận mới được. Như vậy, một cái chánh-sách đem ra thực-nghiệm mà đã đắc-sách như vậy, mà đã thành được những kết-quả như vậy, thời những cái lý-tưởng quảng-đại làm gốc cho cái chánh-sách ấy thế nào mà bỏ được, và về phần riêng tôi có lẽ nào tôi lại không hết sức sang yêu-cầu bên mẫu-quốc cho sau này không cái gì, không người nào dám đổi phương-châm của cái chánh-sách ấy, hay sao ?

Vả ở xứ này, ngoại cái chánh-sách ấy không có cái nào là có thể được, vì nếu nước Pháp mà dùng cái chánh-sách khác thì nước Pháp không phải là nước Pháp nữa. Chính chúng tôi, chính người Pháp chúng tôi cũng có một cái lịch-sử vẻ-vang hình như nó bó-buộc chúng tôi không thể dùng những cái chánh-sách cường-quyền, chánh-sách chuyên-chế được. Người ta đã gọi nước Pháp là mẹ các dân-tộc. Chính nước Pháp đã dựng ra cái nền công-pháp ngày nay, để bảo-tồn cho các dân các nước. Chính nước Pháp đã giải-thoát cho nhiều dân nhiều nước ra ngoài chốn lao-lung. Mới rồi phải chịu cái chiến-tranh long trời lở đất kia, phải ra hết sức anh-hùng, hết tài oanh-liệt, cũng là để bênh-vực cho quyền-lợi các dân-tộc, cứu- vớt cho thế-giới khỏi phải vào vòng khốn-ách.

Nay chúng tôi đến đây để mưu việc tương-lai cho các ông, thì chúng tôi với các ông ta cũng như anh em cùng đồng-tâm hiệp-lực với nhau ; và chúng tôi là người Pháp, vì chúng tôi có tư-cách trưởng-thành hơn, nên phải giữ cái quyền bảo-hộ làm người đứng mũi chịu sào cho cả cái nhà Pháp-Việt này ; chúng tôi được giữ quyền đó không phải là dụng võ-lực mà được, thực là bởi thi-ân mà được; chúng tôi lấy tình thẳng lòng thành mà nhận cái trách-nhiệm đem cho các ông hưởng những sự kết-quả tốt của cái văn-minh cao của chúng tôi, nhưng sự lợi-lộc to của cái thế-lực mạnh của chúng tôi. Cái công khai-hóa của chúng tôi cứ tuần-tự không sai, tất-nhiên đến ngày phải mở rộng cho các ông con đường chính-trị, hễ các ông về đường tinh-thần, đường trí-thức tiến-bộ được đến đâu, thì chúng tôi sẽ cho rộng được đến đấy, cho nó xứng-đáng. Hiện nay chúng tôi đương dụng-công làm cho sự tiến-bộ của các ông được mau hơn lên. Tôi biết rằng tôi nói như thế chắc là làm cho nhiều những người cố-ý không chịu cho cái chánh-sách ấy là phải đường, lấy làm lo sợ. Lại có kẻ đọc những lời tôi nói với các ông đây tất kêu lên rằng vì tôi cho dân An-nam nhiều quyền-lợi tự-do quá, rồi có ngày các ông tất lạm-dụng những quyền-lợi ấy, giở giáo lại mà phản-đối cái chủ-quyền của nước Pháp, dùng những khí-giới chúng tôi cấp cho các ông để cho ngày được thêm mạnh, thêm giỏi, thêm khôn, thêm tài ra, mà phản lại chúng tôi chăng.

Tôi vẫn đã từng nghe thấy những lời phàn-nàn ấy đã lâu vậy ; cũng tức như ở nước Pháp khi trước, có mấy đảng thủ-cựu thấy chính-phủ khoáng-trương sự giáo-dục trong dân-gian, trách rằm lên rằng làm không phải đường. Ở đây cũng vậy, tôi cũng thường nghe thấy nhiều người trách tôi về cái công tôi mở-mang sự giáo-dục trong bản-xứ. Lát nữa tôi sẽ nói tường về sự đó, nhưng tôi muốn thuyết-minh cho ai nấy đều biết rằng những sự lo-sợ lời trách-móc như vậy là cái biểu-chứng của những kẻ không biết nghĩ, không biết để trí mà nghiền-ngẫm suy-xét về những điều cốt-yếu trong sự sinh-hoạt các dân các nước.

Tôi, tôi không có từng lo sợ như vậy. Tôi không có bao giờ sợ và hiện nay tuyệt-nhiên không có cái bụng lo gì rằng những quyền-lợi tôi sắp tìm phương-cách để ban-phát cho các ông có ngày làm cho các ông quên được bổn-phận đến nỗi giở giáo mà phản lại với chúng tôi.

Tôi không lo, không sợ, là bởi hai lẽ đích-đáng như sau này :

Lẽ thứ nhất, tôi nói trước, là vì nó quan-hệ đến cái danh-dự của các ông, là tôi biết rằng các ông là người biết nghĩ, được hưởng những quyền-lợi to chắc không quên được những nghĩa-vụ tương-đương. Thật thế tôi dám quyết chắc như thế. Tôi tưởng các ông cũng có cái bụng biết ơn, biết nhớ những sự ân-nghĩa người ta làm cho mình, tôi tưởng các ông không có bụng nào giở giáo phản thày, phản nước Pháp là người ân-nhân mình, khác nào như người mẹ nuôi mình, làm thế thì có khác gì là phạm tội « sát-thân » (*parricide*), thật là xấu-hổ nhơ-nhuốc cho loài-giống các ông đến vô-cùng vậy. Vả nếu các ông quả có cái bụng xấu-xa cuồng-dại như vậy, thì chắc các ông đã làm ngay trong khi chiến-tranh rồi, là lúc chúng tôi đương mắc nhiều việc bối-dối ; đã tới nay chắc không có làm thế nữa, không thể làm thế được, vì cuộc chiến-tranh đã xong, chúng tôi đã chiến-thắng, cái thế-lực chúng tôi trong khắp thế-giới, trong khắp các thuộc-địa, phàm nơi nào có lá cờ Pháp phấp-phơ là cái thế-lực ấy về đường thực-tế, về đường tinh-thần, đã trấn-hưng lên

nhiều vậy. Điều đó tưởng hiển-nhiên ai cũng rõ vậy.

Vậy thời không có lẽ các ông phản lại với chúng tôi, vì sự đó là trái với cái nghĩa-vụ, trái với lòng danh-dự của các ông. Lẽ đó là lẽ thứ nhất. Tưởng một lẽ đó cũng đủ. Nhưng lại còn một lẽ nữa, là cái lợi của các ông, cái lợi hiển-nhiên của các ông. Các ông không làm như thế là vì trái với cái lợi của các ông. Các ông không có thể dời chúng tôi được, các ông không thể bỏ cái quyền của chúng tôi được, vì các ông thừa biết rằng phải cần đến chúng tôi mới được, thừa biết rằng không có chúng tôi thì cái tương-lai của các ông hỏng mất, nguy mất. Ấy là tôi không muốn nói hết lời đó, vì túng-sử các ông có cuồng-dại mà muốn mong phá đổ cái quyền nước Pháp ở xứ này, cũng không có cái thế nào mà phá cho nổi được. Tôi chẳng cần phải chỉ tay các ông cũng biết cái oai-quyền lẫm-liệt của quân-binh nước Pháp, lâm-thời cần đến có thể triêu-tập ngay lập-tức mà đủ thừa giữ được cái chủ-quyền cùng cái quốc-kỳ của chúng tôi ở đây. Tôi chỉ muốn lấy lẽ phải mà nghị-luận cho các ông nghe thôi. Nay thử giả-thiết nước Pháp tự bỏ xứ này mà đi, để cho các ông xoay-xở lấy một mình. Tôi thử hỏi các ông có người nào nghĩ đến cái tình-cảnh khốn-đốn lúc bấy giờ mà không rùng mình ghê sợ trước hay không? Vì đến lúc ấy thì chỉ có hai cách mà thôi: một là trong nước rối-loạn, không trên không dưới, dần dần sức nước suy-vi tiêu-tán đi mất cả; hai là lại dịch-chủ-tái-nô, bấy giờ mới thảm thay, nhớ đến cái ơn-huệ của chúng tôi ngày nay mà khóc ra máu được.

Ử, thử nghĩ, trước nhất về đường ngoại-giao, cái thế-giới sau này tuy có hòa-bình, sự cạnh-tranh tuy có bớt kịch-liệt mà vẫn còn cạnh-tranh, vì các nước phải cạnh-tranh mới sinh-tồn được, như vậy thì một nước như nước các ông đối với vạn-quốc được một nước đàn-anh vừa giỏi vừa mạnh đại-biểu cho, che-chở cho, giùm-giúp cho, chẳng là êm-thấm lắm ru? Trong các ông, ai là người không hiểu cái lẽ đó? Ví bên cạnh mình không có một nước đàn-anh có thế-lực để bảo-hộ phù-trì cho, thì chưa biết nước các ông đến thế nào, các ông há lại không suy mà lượng trước chắc đến vào tay các cường-quốc khác trước còn xâm-lấn về đường kinh-tế, rồi đến xâm-lấn về đường chính-trị, đem cái quyền áp-chế mà xử-trí các ông, chớ chẳng mong đâu lấy cái lòng nhân-từ mà bảo-hộ như nước Đại-Pháp này, là nước vốn giàu cái bụng nhân-đạo công-nghĩa, phàm đặt chế-độ phép-tắc đều lấy nhân-đạo công-nghĩa làm chủ cả? Không có nước Pháp thì các ông làm thế nào mà gây-dựng được ở đây những cách phòng-bị để giữ cho nước các ông được độc-lập? Ở Đông-dương này có cái quyền-lực nào là đủ mạnh để mà kinh-doanh, mà tổ-chức được sự phòng-bị ấy? Ngoài nước Pháp ai là người có thể đứng lên liên-lạc được các dân các giống trong cái cõi Đông-dương to lớn này, vì chỉ có cái chủ-quyền nước Pháp mới đủ mạnh mà điều-hòa, mà giàng-buộc cho thành được đoàn-thể mà thôi. Các ông cũng hiểu rõ rằng không có chúng tôi thì trong bấy nhiêu việc không việc gì là thành cả. Nước Pháp mà bỏ đi, thì cái đoàn-thể Đông-dương này sẽ rời-rạc ra, tán-mạn ra, mỗi xứ đứng đơn-độc một mình lại càng dễ làm mồi cho nước ngoài xâm-lấn.

Nhưng về đường nội-trị, về việc kinh-doanh trong nước nữa, các ông há lại không biết rằng để cho một mình các ông thì tài nào mà quản-trị được mọi việc phiền-phức trong nước này. Ngày xưa thì được, cái đó đã cố-nhiên rồi, vì thời bấy giờ nước các ông như đóng cửa ở một mình, tuy đã có

cái văn-minh cao-thượng mà hãy còn thuộc vào chế-độ tộc-trưởng, chế-độ nông-nghiệp (*société patriarcale et agricole*); vả thế-giới chung quanh mình cũng chưa có biến-cách gì mấy. Nhưng từ đó đến giờ, cuộc sinh-hoạt của loài người đã thiên-biến vạn-hóa, khắp trong hoàn-cầu xuất-hiện ra vô-số những vấn-đề phải có sự kinh-nghiệm rộng, cái học-vấn sâu mới mong giải-quyết cho được. Như người Pháp chúng tôi cũng còn phải đời ấy đời khác suy-tầm nghiên-cứu, nghiền-ngẫm phát-minh, chế-tạo ra vật này, mở-mang ra lẽ khác, kiệt-tinh cùng-tử mới tìm được cái thuật phú-quốc lợi-dân đời nay, để ngày nay đem mà giúp cho nước các ông. Các ông tưởng dễ cái thuật chính-trị ấy, cái tài quản-trị những quyền-lợi to rộng phiền-phức như vậy, cái học đủ mà kinh-doanh giám-đốc được mọi việc, vận-dụng được các cơ-quan cốt-yếu trong một nước lớn như nước này, có thể nhất-dán đổi chính-thể trong nước đi mà tự-nhiên thành được hay sao? Các ông tưởng dễ có phép tiên mà vụt chốc gây ngay được những nhân-tài, có thể tức-thì thay được hết những người Pháp hiện đương giám-đốc các công việc trong nước, không đến nỗi ngăn-trở cuộc sinh-hoạt trong quốc-dân, sinh ra nhiều sự tai-biến hay sao? À, mà vừa rồi tôi mới đọc thấy trong mấy cái báo tàu có in lời bá-cáo của bọn cách-mệnh An-nam ở ngoại-quốc, bọn đó muốn đòi cho nước Nam được độc-lập. Tôi có đọc đi đọc lại những lời đó rất kỹ, vì người-ta phải bình-tĩnh mới được, dẫu khi có kẻ phản-kích mình cũng nên để tai mà nghe xem họ nói những gì, hoặc-giả có câu nào nói phải mình nên theo chăng. Vậy tôi cố-ý đọc kỹ, thấy thật là vô-vị quá, không có một cái tư-tưởng gì; tôi lấy làm lạ những người có cái chí muốn cải-cách cho nước mình mà sao dốt-nát như vậy, sao cái óc nghèo-nàn đến thế? Đến nỗi tôi phải ngờ rằng không biết có phải người An-nam không, dầu người An-nam cách-mệnh nữa, mà cầm bút viết được những lời vô-nghĩa vô-lý như vậy. Nhưng tôi chắc rằng bọn cách-mệnh An-nam đó vẫn kết-liên với bọn cách-mệnh tàu là những kẻ thường xui-giục người phản đối với chúng tôi, gần đây còn ăn tiền của nước Đức để mưu quấy-rối xứ này. Chính những quân khách ấy hiện nay đương lập đảng làm giặc ở biên-thùy, quân ta đương phải tầm-nã. Những lời bá-cáo của bọn đó xúi bọn cách-mệnh An-nam làm thật đủ chứng là những người cái trí còn kém-cỏi quá và trong lòng điên-đảo, đọc đến phải buồn cười. Thậm-chí có chỗ nói rằng hiện bây giờ người Pháp ở Đông-dương trị tội người bản-xứ vẫn còn dùng cái tội phân-thây (*écartèlement*), thì thật là nực cười thay! Ở, tôi đây, chính tôi đây đã bẩy năm nay truyền bỏ hết các nhục-hình, mà nay còn có kẻ trách tôi hành-hình kẻ tội-nhân bằng cách phân-thây, nghĩa là buộc bốn chân tay người ta vào bốn con ngựa cho nó sé làm bốn mảnh, thì các ông thử nghĩ có nực cười không? Ấy đại-loại cái giá-trị của những tờ bá-cáo ấy toàn như thế cả. Như vậy thời tôi không biết nếu vạn-nhất mà cái nước Nam tốt-đẹp này vào tay những bọn cách-mệnh an-nam cách-mệnh khách đó thì đến nông-nỗi thế nào. Họ tự-xưng họ là ái-quốc, đòi cho nước Nam độc-lập, mà cùng-kế phải đi nhờ đến những kẻ ngoại-quốc kia, là kẻ thù của nước Nam, xưa kia ông cha các ông đã nhờ chúng tôi giúp mà đuổi được ra ngoài bờ-cõi: thử nghĩ có kỳ không? Họ lại muốn ra tay thay đổi lại cái chính-trị của chúng tôi bây giờ, muốn làm hay hơn tốt hơn, mà lấy bọn khách cách-mệnh ở Quảng-đông làm thầy, nhưng có biết bọn

khách cách-mệnh ấy là người thế nào không, tức là những kẻ đã cách-mệnh được ngót mười năm nay mà tới nay trong nước vẫn còn nát như tương, chẳng thành thể-thống gì cả, đến nỗi lương của quân-lính cũng không lấy gì mà trả được, quân lính phải đi cướp mà ăn, đến nỗi những người lương-thiện trong nước phải sang trú-ngụ bên nước ta mới giữ được an-toàn tính-mệnh tài-sản : thử nghĩ có kỳ không ? Có phải những hạng cách-mệnh đó mà đủ tài kinh-doanh được một nước lớn như nước An-nam này không, mà đủ tài giải-quyết được biết bao nhiêu những vấn-đề khó về chánh-trị, về kinh-tế, về tài-chánh, về xã-hội không ? Nếu muôn-một khốn-nạn cho nước Nam mà phải vào tay những bọn đó cầm quyền cai-trị, thì chẳng bao lâu mà lung-tung rối-loạn cả. Rồi đến đâm-giết xâu-xé nhau, quan không thể trị được dân, dân không biết cậy vào ai, bấy giờ người nào là người có tài-trí, là người biết yêu nước tất phải ra tay mà đánh đổ cái chánh-phủ bất-tài kia đã làm cho nước phải khốn-đốn. Cái cảnh-tượng tôi vẽ đó không phải là cái ảo-tượng đâu. Tỉnh Quảng-đông bên Tàu đã thế, nay nước Nga bên Âu-châu cũng đương thế đấy, nước rối như bòng-bong, dân cực khổ không thể nào kể cho xiết, không bị chết đói thì bị giặc giết. Phải, tôi vẫn biết rằng túng-sử nước các ông có gặp cái cảnh như vậy, thì cũng chưa đến đâu nông-nỗi ấy. Vì tất có ngày trông thấy bọn cải-cách làm rối-loạn quá, thế nào chẳng có một cường-quốc như tình-cờ mà đến, đem quân lính sang lấy cớ để bảo-ngữ cho người nước mình trú-ngụ ở đây, giả-danh đến để giúp cho các ông dẹp yên trong nước. Nhưng đã đặt chân vào đây rồi, tất kiếm cớ mà ở đây, mà kiên-cố cái quyền-lực ở đây, rồi lần lần đến áp-chế các ông mà các ông không tài nào thoát khỏi. Than ôi ! bấy giờ đem so sánh cái quyền áp-chế ấy với cái quyền bảo-hộ của chúng tôi ngày nay, thì các ông mới biết. Qua một tuần rối-loạn, rồi lại đem thân làm nô-lệ lần nữa ; bấy giờ mới cực thay, thật, tôi tưởng nghĩ đến có thể khóc ra máu được.

Ấy đó, trong các ông phàm người nào biết ngẫm-nghĩ việc trước, suy xét việc nay, đều hiểu như vậy. Bởi thế nên người An-nam nào biết suy-nghĩ, biết lo-lắng đến việc tương-lai nước mình, không có ai để bụng tin những cái mơ-tưởng hão-huyền về sự độc-lập, cái mơ-tưởng ấy tức là cái bẫy của những kẻ ngoại-quốc tham-lam, lợi-dụng bọn An-nam xuất-dương để đạt cái mưu tham của mình, bọn kia một là lũ phải lừa, hai là lũ đồng-mưu làm xấu. Độc-lập mà như vậy là một cái cuồng to, nước An-nam tất khốn-nạn vì đó. Nhưng mà không, nước Pháp như người mẹ nhân-từ, không có để dứa con bên Á-đông này phải nguy-hiểm như vậy. Nước Pháp sẽ ở đây, lấy cái chủ-quyền mạnh mà giữ-gìn, mà bênh-vực cho cái tương-lai, cái sinh-mệnh, sự hạnh-phúc của các con bên An-nam này.

Nước Pháp sẽ ở đây để làm trọn cái công-nghiệp khai-hóa, mỗi ngày một thêm ơn-huệ cho các con.

Thật, tôi mà đem so-sánh cái vô-tài vô-lực của bọn cách-mệnh kia đương muốn về làm thầy các ông, với cái công-nghiệp khai-hóa lớn-lao của nước Pháp đã làm thành ở đây, thì thật dễ cho tôi quá. Vả có cần chi mà phải so-sánh, mắt các ông trông, trí các ông nghĩ, cũng đủ biết công-nghiệp ấy vĩ-đại là dường nào, và đã biết tất phải đem lòng cảm-phục. Sáu năm trước tôi diễn-thuyết nói về người bản-xứ đã đem mình ký-thác dưới quyền bảo-hộ của nước Pháp, tôi có đọc mấy lời như sau này, tưởng ngày

nay nói lại cho các ông nghe, cũng là hợp. Tôi nói rằng :

« Này, người dân kia, thử đem so-sánh cái tình-cảnh của ngươi ngày nay với cái tình-cảnh ngày xưa, trước khi nước Đại-Pháp sang đây. Thử trông ngày nay chốn nhà-quê yên-ổn như vậy, mà sánh với khi xưa giặc-giã biết là bao nhiêu. Thử coi ngày nay pháp-luật công-bình biết dường nào, mà sánh với ngày xưa xử án không có bằng-cứ gì, sinh-mệnh tài-sản dân chỉ thuộc trong tay một ông quan. Lại thử nhìn mỗi ngày đất rừng hoang biến thành ra ruộng tốt. Thử cúi đầu xuống nhìn cái mỏ sâu kia, lấy của dưới đất lên cho người dùng. Thử tính những đồ thổ-sản trong nước mỗi năm đem bán ra các nước ngoài lời-lãi biết là bao. Thử nhìn những con đường rộng, những dải đường sắt kia, chạy qua rừng rậm, qua núi qua đồng, khi xưa chẳng qua là những đường hẻm khó đi, phải hằng ngày mới đi được từ tỉnh này sang tỉnh khác; lại nhìn những cái cầu cao bắc qua những sông lớn kia, khi xưa chỉ chiếc bè nhỏ còn những run những sợ. Thử nhìn cái nhà học-đường sáng-sủa kia ngày nay trẻ con đến học vui vẻ như thế mà ngày xưa là chỗ dốt-nát u-mê. Thử trông cái nước máy, nước giếng trong mát kia, mà sánh với cái nước bùn thủa xưa còn phải ra múc ngoài ao. Lại bước vào những chốn nhà thương kia, những nơi chữa bệnh kia, là chỗ kẻ đồng-bào đau khổ, đến nhờ thuốc tây mà khỏi bệnh-tật. Thử coi thử nhìn kỹ những cái cảnh-tượng ấy mà tự hỏi mình có phải cái công bảo-hộ của nước Pháp là một sự hư-không hay không, và suốt hoàn-cầu này còn có nước nào làm ơn cho ngươi được hơn nữa không, và chính ngươi tự-lực có thể gây dựng được những sự tốt đẹp như thế không ? »

Ấy sáu năm trước tôi nói như vậy : lời nói ấy có phải là lời nói không thực không ? Cái hiện-tượng hàng ngày có phải là hệt như những lời nói ấy không? Tôi không muốn đem xứ Đông-dương ngày nay mà so-sánh với xứ Đông-dương tự ba mươi năm trước, vì so-sánh như thế thì chẳng hóa ra dễ quá. Nhưng tôi muốn chứng rõ cho các ông biết rằng nhờ công chúng tôi cai-quản, nước các ông đã tấn-tới mau biết là dường nào, và nhân thể trả lời lại cho những kẻ nói rằng Chính-phủ trọng đường lý-tưởng quá thành ra những bỏ đường thực-tế, thì tôi kể qua cho các ông biết những việc đã làm thành trong mấy năm gần đây để mở-mang đường kinh-tế cho xứ Đông-dương, khiến cho nước mỗi ngày một thịnh-vượng, dân mỗi ngày một sung sướng thêm lên.

Có nhiều người Pháp chúng tôi thường trách tôi rằng mở trường nhiều quá, lời trách đó rồi tôi sẽ bàn kỹ sau này. Phải, tôi có mở trường nhiều thật, và sau này còn mở trường nhiều nữa. Nhưng có mở trường mà có quên làm việc khác đâu, có quên làm đường xá, làm cầu cống, làm xe-lửa, tưới ruộng, tháo nước, mở đồn-điền, toàn là những công việc làm cho nước càng ngày càng giàu, càng ngày càng thịnh-vượng. Tôi muốn kể mấy việc, chứng mấy số cho các ông biết cái kết-quả đã tốt đẹp là dường nào.

Mới rồi sở Công-chánh có trình tôi một cái biểu kê những số tiền kinh-phí về các việc công-chánh lớn đã làm ở xứ Đông-dương trong hai khoảng bằng nhau. Khoảng thứ nhất tự năm 1904 đến năm 1911, cuối năm ấy là hồi tôi mới sang Đông-dương này lần thứ nhất; khoảng thứ nhì là tự năm 1912 đến năm 1919.

Trong khoảng thứ nhất, thì cái tổng-số những khoản kinh-phí về các việc công-chánh ở sổ chi-tiêu chung Đông-

dương và sổ chi-tiêu riêng các xứ tới 64 triệu bạc. Trong khoảng thứ nhì cũng bấy nhiêu năm mà tổng-cộng tới 108 triệu bạc, hơn khoảng trước 44 triệu. Ấy cái công mở-mang đường kinh-tế trong mấy năm nay to lớn như vậy; tuy trong khoảng thứ hai ấy cũng có công các quan Toàn-quyền trước tôi là ba quan Vollenhoven, Roume và Charles, nhưng công tôi cũng có một phần.

Ấy là nói cái số chi-tiêu, nay xét cái kết-quả hiển-nhiên thời cũng thấy to lớn như vậy. Khi tôi mới tới Đông-dương thì các đường cái quan mới được cả thảy là 3500 kilomètres. Năm 1912 tôi có trù-hoạch một cái chương-trình làm đường mới, bảy năm sau cái chương-trình ấy thi-hành xong thời số đường được tới ngót 9000 kilomètres. Thế là có trong bảy năm trời làm được gần gấp hai lần trong hai mươi năm trước.

Lại còn nhiều cái chứng-nghiệm nữa đủ rõ rằng cũng trong một khoảng ấy của-cải trong nước đã tăng-tiến lên nhiều lắm, sự tăng-tiến ấy tưởng cũng không phải là sự ngẫu-nhiên vậy. Cứ tra trong các sổ tổng-kế thấy được nhiều cái minh-chứng rằng xứ Đông-dương này về đường kinh-tế đã phát-đạt được lắm lắm.

Trước nhất ta hãy xét cái số buôn-bán xuất-nhập. Thử đem sánh các số buôn-bán của xứ Đông-dương năm 1911 với năm 1918 thời thấy sự buôn-bán trong nước và buôn-bán với ngoài, năm 1911 tổng-cộng là 678 triệu quan tiền tây, mà đến năm 1918 thi tới hơn một nghìn triệu (*milliard*), đúng số là 1112 triệu.

Xứ này là xứ chuyên nông-nghiệp, gạo là cái sản-vật thứ nhất trong nước; nay ta lấy cái số xuất-cảng gạo thời thấy trong khoảng tự năm 1910 đến năm 1912 tổng-cộng là 1 triệu 20 vạn tấn, mà năm 1918 tới 1 triệu 60 vạn tấn.

Còn các sản-vật khác xuất-cảng trong khoảng trước năm 1912 mỗi năm trung-bình là 220 triệu quan tiền tây. Hiện bây giờ thời mỗi năm tới hơn 280 triệu.

Nay ta lại chứng-nghiệm thêm mấy điều như sau này nữa: Sự kinh-tế trong một nước phát-đạt thời cứ xét cái số những hành-khách đi lại các đường xe-lửa cũng đủ làm một cái chứng-nghiệm vậy. Nay xét số hành-khách trước năm 1912 có 5 triệu mà đến năm 1918 tới 6 triệu người. Lại còn một cái chứng-nghiệm nữa, là các sổ chi-tiêu thâu-nhập trong một năm, tức như cái gương phản-chiếu sự thịnh-suy một nước. Vậy nay xét về các sổ chi-tiêu, so sánh trước sau lại càng rõ-ràng lắm nữa, thứ nhất là tự năm 1912 đến giờ cuộc tài-chính trong nước không có thay đổi gì, thuế mà không tăng lên chút nào mà có phần lại giảm đi nhiều, như thuế rượu vậy.

Vậy thời nước có giàu, các sổ chi-tiêu mới rộng được. Nay xét các sổ chi-tiêu ở Đông-dương thời thấy cứ mỗi năm một tăng thêm lên nhiều lắm, sổ chi-tiêu chung Đông-dương cũng vậy, mà các sổ chi-tiêu riêng các xứ cũng vậy. Năm 1912 tổng-số những tiền thâu-nhập thường của các sổ chi-tiêu là 57 triệu bạc, mà đến năm 1918 thời tới hơn 78 triệu, ấy là không kể tiền thuế thuốc-phiện đã phải giảm đi nhiều.

Sau nữa còn một cái chứng-nghiệm sau cùng này, vừa tỏ ra cái lòng dân Đông-dương yêu mến Mẫu-quốc, mà lại vừa tỏ ra xứ Đông-dương này giàu có là bao nhiêu và thịnh-vượng biết dường nào; tôi không cần nói các ông cũng biết, cái chứng-nghiệm ấy tức là cuộc Quốc-trái ở Đông-dương vậy. Bốn lần Quốc-trái Đông-dương thâu được cả thảy là hơn 190 triệu, những hai lần sau là năm 1917 và năm 1918 được tới 150 triệu. Tôi thử hỏi vì trong nước không giàu có thời thế nào mà

giúp vào Quốc-trái được nhiều như vậy.

Quả thế, xứ này mỗi ngày một giàu-có thêm lên thật, mà nhân-dân cũng lại lẫ một cái của-cải lớn trong nước nữa. Nhân-dân cũng mỗi ngày một tăng-tiến, ăn uống được sung-túc, giao-tiếp được trọng-hậu, nhờ có các cuộc vệ-sinh, các cuộc y-tế của nước Pháp đã lập ra ở đây, được bớt những dịch-tệ cùng tật-bệnh khi xưa làm chết hại không biết bao nhiêu.

Về phương-diện ấy cái công-nghiệp cũng to lớn chẳng kém gì. Trên kia tôi đã kể số cho các ông biết, đây tôi lại xin kể mấy số nữa để làm chứng.

Năm 1911, tổng-số những khoản kinh-phí cho toàn-hạt Đông-dương về các việc vệ-sinh việc y-tế là 1 triệu 40 vạn bạc. Đến năm 1919 thời tăng tới 2 triệu 23 vạn 8 nghìn đồng, không kể ngót một triệu bạc riêng về việc sửa-sang các thành-phố cho hợp vệ-sinh, về việc xây dựng các nhà thương, nhà đẻ, nhà tắm, nhà mát, vân vân. Số người ốm đến thăm bệnh ở các nhà thương trong năm 1911 có một triệu người, đến năm 1917 tới 2 triệu 40 vạn người; số các người ốm nằm nhà thương trong năm 1911 có 6 vạn 3 nghìn người, đến năm 1918 tới ngót 10 vạn người. Xưa kia các trẻ con trong nước thường phải cái bệnh sài « uốn-ván » (*tétanos ombilical*) một trăm đứa chết đến 30 đứa, bệnh đó nhờ phép vệ-sinh cho con trẻ ngày nay đã hầu tiệt hẳn. Ấy cái công-nghiệp của nước Pháp ở đây như thế đấy.

Coi đó thời biết chúng tôi chú-ý nhất là mỗi ngày tìm phương đặt kế để bảo-tồn cho cái chủng-tộc An-nam, để giúp cho cái chủng-tộc ấy mỗi ngày được tăng-tiến lên, làm cho được thoả-mãn những sự yếu-cần trong cuộc sinh-hoạt, mở mang cho đất nước mỗi ngày được giàu có thịnh-vượng lên. Đó chính là cái nghĩa-vụ thứ nhất của chúng tôi. Người La-mã là tổ nước chúng tôi thường có câu nói rất khôn-ngoan rằng: « Phải ăn cho sống người trước đã, rồi ta bàn triết-học sau. » Lại có câu rằng: « Phải có cái thân-thể mạnh mẽ thời mới mang được cái tinh-thần sáng-sủa. » Về phần tôi, tôi thật không có những bỏ cái đường vật-chất của người dân, bởi thế mà tôi trông thấy giống An-nam nhờ sự ăn uống tốt, nhờ cách vệ-sinh tốt, như thay hình đổi dạng hẳn. Tôi thường nhận những bọn lính mộ sang Pháp năm ngoái. Hồi mộ đó kén chọn kỹ lắm, chỉ lấy những kẻ thực mạnh mẽ. Thế mà sang Pháp ở chừng ba bốn tháng ăn ở theo phép vệ-sinh, cơm nước được có điều-độ, thấy hình-dạng người đổi khác hẳn đi. Người lực-lưỡng ra, bắp thịt to, vành ngực lớn, coi không biết là người thủa xưa nữa. Khi ra trận, xông-pha khó nhọc, mà đương nổi như không. Coi đó thì biết trong cái chánh-sách đối với người dân sự chăm-chút về đường vật-chất quan-trọng biết là dường nào.

Nhưng tôi xin nói rõ cho ai nấy đều biết, chăm-chút về đường vật-chất không chưa đủ. Cái nghĩa-vụ đó đã làm trọn rồi, thời còn một cái nghĩa-vụ nữa, không nên vì cái trên mà quên cái dưới. Người dân không phải là chỉ có cái bụng với chân tay mà thôi đâu. Còn có cái óc, còn có cái tư-tưởng nữa; cái óc ấy, cái tư-tưởng ấy, ta cũng phải chăm-chút để phát-đạt nó lên, như ta chăm-chút cho thân-thể vậy. Trên kia tôi có thuật mấy câu cách-ngôn của các bậc tiền-hiền La-mã về sự nuôi-nấng thân-thể là cái yếu-cần thứ nhất của đời người. Nay tôi lại xin thuật một lời cách-ngôn khác của một bậc tiền-hiền nước Pháp chúng tôi là ông Danton, ông nói rằng: « Phàm các dân, dân nào cũng vậy, thứ nhất là cần bánh mà ăn, thứ nhì cần đến sự học. » Thật thế, có cơm gạo tốt thời mới nuôi

được sức-khỏe cho thân-thể, có học thời mới nuôi được sức-khỏe cho tinh-thần, gây được giá-trị trong xã-hội. Cái sự-nghiệp của tôi có thể lấy một câu này làm biểu-hiệu : « Nuôi cho nhiều người được mạnh-khỏe, dạy cho nhiều người được khôn-ngoan. » Bởi thế nên trong cái chánh-trị của tôi, tôi vẫn lấy cái vấn-đề giáo-dục làm quan-trọng.

Chúng tôi đã giữ cái trách-nhiệm bảo-hộ thời cái nghĩa-vụ của chúng tôi về đường chính-trị, đường tinh-thần, chỉ gồm lại trong hai câu : một là bảo-trì cho cái quyền-lợi người ta, hai là phát-đạt cho cái nhân-cách người ta. Bởi vậy nên các ông đã từng trông thấy tôi chuyên-dụng công-phu về hai cái vấn-đề pháp-luật và giáo-dục. Hai cái đó thật là hai cái trụ của cái chánh-sách của tôi đối với người dân bản-xứ vậy. Những sự tôi cải-cách về hai đường đó thật là liên-tiếp nhau, theo nhau răm-rắp, đủ biết là do một cái chủ-nghĩa đã nhất-định phân-minh, đã tự-nguyện đem ra thực-hành, thời thực-hành cho đến cùng mới nghe.

Tôi sửa đổi lại luật-lệ An-nam là muốn bảo-hộ cho sinh-mệnh, quyền-lợi, sự-nghiệp, tài-sản của người dân ; là muốn cho người dân thoát khỏi cái quyền chuyên-chế, chỉ phải phục-tòng cái quyền tuyệt-đối của pháp-luật mà thôi, và pháp-luật thời là cao hơn hết thảy, dẫu tôi đây cũng là ở dưới quyền pháp-luật vậy,

Tôi mở-mang sự giáo-dục là muốn cho người dân hay lên, tốt lên, muốn cho tài-năng tri-tuệ mỗi ngày một phát-đạt ra, muốn cho có đủ tư-cách mà làm nên được những sự-nghiệp xứng-đáng. Tôi lại muốn cho người dân cái sức tới được đến đâu thì đi cho đến đấy, không có hạn cái tài học-hành đến đâu là cùng, đến đâu là hết, không có bó-buộc, không có cản-trở chút nào.

Tôi biết rằng tôi nói câu đó là tuyên-bố một lời quan-trọng. Nhưng tôi nói là có-ý vậy. Vả không phải là lần này mới nói là một Đã hai năm nay, ngày 22 tháng 2 năm 1917, ở lễ khánh-thành trường Nữ-trung-học Sài-gòn, tôi đã từng nói như thế này:

« Công giáo-dục của nước Pháp ở xứ này, cũng phải theo cái công-lệ của sự tiến-bộ, phàm cái nguyên-lý đã xướng lên, đã quyết-định, thời phải để cho hết sức bành-trướng ra, không thể tự-ý hạn-chế lại được, vậy thời ta đã nhận trách giáo-dục cho người dân ở đây, phải giáo-dục cho hết sức, không có hạn- định là đến bậc nào, cái tri-thức người dân có thể tới được đến đâu thời phải dạy cho đến đấy. Nếu cái giống người mình giáo-dục mà có cái tư-cách bước được lên bậc cao, dung-hóa được cái phương-pháp của mình, thời không có lý gì, không có cớ gì hạn-chế sự giáo-dục ấy lại được, không có lý gì không có có gì bảo cái người mình dạy rằng : « Thôi đến thế thì thôi, mi không được biết hơn nữa. »

« Nước Pháp có cái nghĩa-vụ phải khai-hóa cho người ta, nếu nước Pháp lại làm như thế thì thật là phản-bội cái nghĩa-vụ của mình vậy. Nước Pháp đã cho thời không có giữ nữa. Nước Pháp đã nhận trách gây-dựng cho giống người nào thì không có gây-dựng nửa chừng bao giờ. Nếu trong các dân ở dưới quyền bảo-hộ có một dân nào có đủ tư-cách xứng-đáng như dân An-nam, thì tuy cái bổn-phận người bảo-hộ là phải điều-hòa sự giáo-dục với cái luật tiến-hóa tự-nhiên trong nước, không nên cho học vội quá mà thành những hạng người mất căn-bản, nhưng cũng phải tùy trình-độ trong dân mà ban-bố cho cái học tương-đương với sự cần-dùng thời mới được ».

Ấy những lời tuyên-bố của tôi phân-minh như thế. Chắc có nhiều kẻ thường lấy sự dạy dân làm nguy-hiểm, nhất

là dạy cho có cái thông-tài, nghe thấy những lời đó mà khiếp. Nhưng ai khiếp mặc ai, tôi đây không có đổi ý-kiến. Họ thường khuyên tôi chỉ nên dạy cho các ông những nghề-nghiệp mà thôi, chỉ nên luyện lấy những tay chuyên-môn, những tay thợ mà thôi ; vì tôi theo họ thì chắc họ phục tôi lắm. Nhưng mà không, tôi không có làm như thế. Tôi muốn hơn kia, tôi muốn cho các ông được hơn kia.

Không phải rằng tôi có khinh gì cái học nghề-nghiệp, không phải rằng tôi không biết sự học nghề-nghiệp là quan-trọng. Tôi tưởng cái công tôi giúp cho sự học ấy ở xứ này cũng đã nhiều. Chính tôi sáng-lập ra mấy cái trường nông-nghiệp lớn, như Nam-kỳ thời có trường thực-nghiệm-nông-nghiệp ở Bến-cát, Bắc-kỳ thời có trường thực-nghiệm-nông-nghiệp ở Tuyên-quang, cao hơn nữa thời có trường « Cao-đẳng-nông-nghiệp » ở Hà-nội. Chính tôi trong hồi đầu và hồi giữa tôi cai-trị đây, vẫn hết sức tưởng-lệ khoáng-trương cho mấy trường thực-nghiệp ở Hà-nội, Hải-phòng, Huế, Thủ-dầu-một, Biên-hòa, ngày nay cái kết-quả thấy đã tốt-đẹp vẻ-vang lắm. Chính tôi ngay năm ngoái đây đã cùng với quan Khâm-sứ Cao-man lập ra ở Nam-vang (Pnom-Penh) cái trường kỹ-nghệ Cao-man để thâu-thập lấy những tay thợ khéo trong các nghề, mỗi ngày chế-tạo ra được những đồ-vật tuyệt-sảo. Chính tôi đã quyết-định mở ra mấy trường cao-đẳng về các khoa : cơ-khí-học, hóa-học, điện-học, kỹ nghệ-học, hiện nay quan Giám-đốc Cognacq đương về Paris để đón thầy giáo và mua đồ dùng. Lại chính tôi đã truyền để bên Pháp chọn lấy trong hạng lính mộ An-nam những kẻ nào có tư-cách thì nên giữ ở bên ấy mà cho vào học các trường công-nghệ cho thành-tài. Tôi hết sức mở-mang sự học thực-nghiệp đó là bởi hai lẽ : Thứ nhất là ở nước nào cũng vậy, cần phải luyện cho nhiều những tay thợ giỏi nghề tài, những người chuyên-môn trong các công-nghệ. Thứ nhì là các ông có cái thói khinh rẻ những việc thủ-công, những việc kỹ-nghệ buôn-bán, phải biết rằng những việc ấy cũng cao-thượng như việc văn-chương, việc tư-tưởng ; vậy tôi muốn sửa cho các ông bỏ cái thói ấy đi. Mới rồi tôi có bảo các học-sinh trường Nông-nghiệp Tuyên-quang rằng : « Các anh phải biết một nhà làm ruộng giỏi cũng có ích cho nước bằng một nhà văn-sĩ tài. » Ấy trong bụng tôi thâm-tín như vậy.

Nhưng mà sự đó đã đành, song tôi đây lại là người đại-biểu của một nước lớn xưa nay vẫn làm thày dạy học cho loài người, tôi đối với một dân như dân An-nam này từ xưa đến nay vẫn lấy sự văn-chương, sự học-vấn làm trọng, thì cái bản-phận của tôi là phải ban-cấp cho cái dân ấy hết các phương-tiện để mà học-tập lấy hết các môn-loại trong cái bể học của loài người, cái trí tới được đến đâu thì để cho lên đến đấy. Phàm môn học gì mà cái tư-tưởng người An-nam có thể kịp được, tôi cũng để cho mà học, không có hề ngăn-cấm. Phàm nhà trường nào đã mở ra, ai có đủ tư-cách mà vào học được, tôi cũng để cho mà vào, không có hề cản-trở. Tự năm 1912, tôi đã mở rộng cho con em các ông vào trung-học, và trường trung-học Paul-Bert đã thành một chốn công-đồng cho cả người Tây người Nam, con các ông cũng cùng ngồi học với con tôi một ghế. Hiện nay chúng tôi đương trù-liệu một cái chương-trình nhất-định, dùng những phương-pháp đến nơi, để mà hết sức ban-bố cái sơ-đẳng-giáo-dục khắp trong dân-gian, lại mở những trường sư-phạm rất nhiều để mà tập-luyện lấy đủ thầy cho các trường tiểu-học ; trong khi ấy thời chúng tôi lại lập các trường cao-đẳng để gây-dừng lấy cái bọn

tôi xin nói thật, tôi là con nước Đại-Pháp, không có gì tôi lấy làm sướng bằng khi trông thấy bọn học-sinh trường Đại-học ta, con mắt sáng-sủa thông-minh, trừng-trừng nhìn thẳng, coi vẫn có ý kính-trọng tôi, mà nhận kỹ ra lại còn có một cái ý thâm-thiết nữa, là cảm-tạ tôi cái ơn tôi đã giáo-hóa cho.

Tôi đã nói, tôi muốn nói cho hết ý. Nước Pháp đã sửa-sang lại luật-lệ để phát-minh cái công-quyền của người ta, lại mở-mang sự giáo-dục để có ngày người xứ này biết cái *dân-quyền*, cái quyền-lợi làm dân là thế nào. Có kẻ nghe tôi nói *dân-quyền* mà lấy làm kinh-ngạc. Tôi không hề chi. Tôi xin công-cáo cho ai nấy biết rằng cái đó phải có mới được, cái đó sau này tất có, vì cái nghĩa-vụ cần nhất của chúng tôi là phải dạy cho một bọn thượng-lưu càng ngày càng có học càng ngày càng đông thêm lên, biết cái danh-nghĩa làm *dân*, vừa có quyền-lợi vừa có nghĩa-vụ, khiến cho những người nào tài-giỏi có thể cùng với chúng tôi ra cáng-đáng cái trách nặng-nề trong việc cai-trị xứ này.

Tôi nói bọn thượng-lưu, tôi muốn chú-ý vào chữ đó. Tôi muốn cho các ông đừng ngộ-nhận, tôi muốn không có ai hiểu lầm. Trong một nước thế nào cũng phải có một bọn thượng-lưu thì nước mới sống được. Phải có bọn thượng-lưu thì nước mới có tiến-bộ. Phải có bọn thượng-lưu thì mới vừa có tiến-hóa mà vừa giữ được trật-tự, giữ được kỷ-luật trong nước. Phàm các dân-quần, và rất là trong dân-quần An-nam, lại cần phải có trật-tự lắm, vậy thời phải có một bọn thượng-lưu để mà duy-trì cái trật-tự đó. Phá đổ bọn thượng-lưu đi là một sự cuồng-dại. Hạn-chế bọn thượng-lưu lại là một sự nguy-hiểm, vì nếu hạn-chế lại thì bọn thượng-lưu thành một bọn hào-trưởng chỉ biết lợi riêng mình và hay áp-ức kẻ bàn-dân. Phàm chánh-phủ muốn giữ đạo công-bằng, muốn theo phép khôn-ngoan, thì phải tìm đường mở rộng lần-lần cái bọn thượng-lưu ấy ra, xem cái trình-độ của dân đã cao, lòng trung-thành của dân đã chắc, thì phải liệu mà ban cho những quyền-lợi tương-đương cho xứng-đáng.

Bởi thế nên tôi đã lấy mấy cái lý-tưởng trên kia làm tôn-chỉ cho cái chánh-sách của tôi, tôi không muốn trái những cái lý-tưởng ấy, không muốn trái cái chánh-sách của tôi mà theo cái tư-tưởng của nhiều người tự nói rằng muốn mở rộng cho dân mà kỳ-thực là *muốn đem ngập bọn thượng-lưu vào trong bàn-dân*, như vậy thì tuy nói rằng để giúp cho sự tiến-bộ, mà kỳ-thực là muốn ngăn-cản sự tiến-bộ vậy. Tôi thời tôi thật là thành-tâm muốn cho bọn thượng-lưu An-nam những người nào có học-thức, có danh-giá, có phẩm-cách, có sự-nghiệp, càng ngày càng được rộng quyền mà giúp chúng tôi trong các công việc.

Tôi nói thế là có ý muốn thuyết-minh về một cái vấn-đề quan-trọng, đã khởi ra tự ở Nam-kỳ, có mấy người chủ-trương xướng-suất, tuy tôi cũng biết rằng cái bản-tâm là tốt, mà cái ý-kiến thực là sai-lầm. Mấy người ấy nghị-luận rằng dân An-nam muốn ước-ao một điều, là xin cho cả toàn-thể dân được nhập-tịch làm dân Pháp, hưởng quyền-lợi như người Pháp. Nhân người Nam-kỳ có mời tôi mấy bữa nữa vào dự một tiệc trong ấy như tiệc các ông hôm nay, tôi sẽ nhân dịp đó mà giảng-giải rõ-ràng về cái vấn-đề ấy cho họ biết. Nhưng hiện nay, tôi muốn tuyên-bố ngay trước rằng tôi rất là phản-đối cái ý cho cả bàn-dân nhập-tịch Pháp (*la naturalisation en masse*), và cứ như ý tôi thì muốn cải-cách cho sự chánh-trị trong xứ này được rộng-rãi thêm ra không nên yêu-cầu về mặt đó.

Tôi cũng biết rằng cái luật-lệ về sự nhập-tịch ngày nay cần phải thay đổi đi nhiều, vì nó hẹp-hòi quá và không có bằng-cứ gì. Phải để cho người An-nam được rộng quyền vào làm dân Pháp mới được. Phải cho dân An-nam cũng gần được giống như dân bên Algérie ; hiện nay cái cổng làng Pháp còn mới hé mà thôi, phải mở rộng hơn ra mới được. Thứ nhất là phải cho cái thể-thức về sự nhập-tịch được giản-dị hơn, thoát được cái quyền độc-đoán của Nhà-nước.

Nhưng mà cho cả bản-dân An-nam nhập tây-tịch thời thật là một sự lầm to, vừa hại cho người dân và vừa không lợi cho nước Pháp. Vả lại không phải là cả bản-dân An-nam muốn yêu-cầu sự nhập-tịch đó. Cái sự dân ao-ước rồi lát nữa tôi sẽ nói cho mà biết. Dân không có ao-ước muốn nhập-tây-tịch, vì nhập-tây-tịch thì được cái quyền-lợi làm dân tây, nhưng mất cái quyền-lợi làm dân An-nam, bỏ cả phong-tục lề-lối trong nước là những điều người An-nam rất mến rất trọng. Nay hạ-lệnh cho cả bản-dân nhập-tây-tịch, thật người dân cho là một sự cưỡng-bách, một sự áp-chế, không ai có phép cưỡng-bách dân, áp-chế dân như thế được. Vả lại dân nhập-tây-tịch, được nhiều quyền-lợi mới về đường chính-trị, thì có dùng để làm gì? Chắc là không biết cách dùng vậy. Các ông cũng thừa biết rằng sự giáo-dục dân An-nam còn khuyết-hám nhiều lắm ; một cái dân chưa có học như vậy, có lẽ nhất-đán đem cho ngay quyền bầu-cử hay sao ? Vì mà có quyền bầu-cử như thế thì thật là những quá : dân không biết gì, tất có mấy anh yêu-hãnh, mấy bác « thầy giời », hay là mấy kẻ quan-lại người Tây người Nam lợi-dụng, truyền cho phải bầu thế này hay là bầu thế kia, dân tất tăm-tắp mà nghe, khác nào như trong làng có lệnh quan gọi phải ra đắp đê vậy ; như vậy thì có quyền bầu-cử mà làm chi? Một Chánh-phủ biết trách-nhiệm không có bao giờ cầu cho dân một sự hại như thế, vì dân còn chưa có đủ tư-cách biết thi-hành quyền chính-trị mà đã vội cho cả quyền chính-trị thì tất là dùng xằng, tất là đánh gẫy cái máy tự-do của mình đã cho, khác nào như đứa con trẻ chưa biết chơi đánh gẫy cái đồ chơi vậy. Thí-nghiệm một sự như vậy lại còn một điều thậm-hại hơn nữa, là thí-nghiệm đã không thành thì chớ, lại làm lắc mất cái nguồn khai-phóng về sau, sự khai-phóng ấy mới thật là có ích-lợi cho dân An-nam, mới thật là hợp với lòng dân sở-nguyện.

Cái ý-kiến tôi là như thế này. Trước nhất phải nên mở rộng cái đường nhập-tịch Pháp ngày nay, phải đặt một cái luật định tư-cách người bản-xứ thế nào thì được làm dân tây, hễ ai hợp-cách và xin nhập-tịch thì nên lấy lòng công-bằng rộng-rãi mà cho.

Nhưng có một điều nữa cũng phải nên làm, là ban cho những người dân không phải là dân tây, những người tôi gọi là « công dân của bản-xứ » (*citoyens indigènes*), được rộng quyền chính-trị ở nơi làng nước, ở trong xã-hội mình. Tôi muốn nói cho rõ điều đó, là ở đâu đã có nghị-viện rồi thời nên cho cái số đại-biểu người An-nam ở nghị-viện ấy được rộng thêm lên, ở đâu chưa có người An-nam làm nghị-viên thì phải cho được cái quyền ấy, lại phải mở rộng quyền bầu-cử nghị-viên cho người dân, để cho những người ra đại-biểu dân là tự ở dân mà ra, không phải một là người của nhà nước cử ra.

Bài diễn-thuyết này đã dài quá, tôi không thể diễn-giải được tường-tận các cái ý-kiến tôi nói đó. Tôi định khi về Nam-kỳ sẽ đọc một bài diễn-thuyết nữa nói tường hơn, rồi các ông xem sau này cũng biết.

Nói tóm lại những việc tôi trù-tính thời đại-khái có mấy điều như sau này. Muốn cho xứ Đông-dương này được mở-mang, muốn vừa lợi cho Mẫu-quốc, vừa lợi cho cái đoàn-thể Pháp-Nam ta đây, là cái đoàn-thể lấy văn-minh, lấy công-lý làm chủ, thì cần phải xin Chánh-phủ Đại-Pháp cho ta một cái hiến-pháp (*charte*) mới, để cho sự sinh-hoạt chung trong nước được rộng-rãi hơn, được tự-do hơn. Nhờ cái hiến-pháp mới ấy thì phủ Toàn-quyền ở Đông-dương này là đại-biểu cho cái chủ-quyền của nước Đại-Pháp, chịu mệnh-lệnh tự bên Mẫu-quốc, nhưng ở ngay đây thuộc việc hơn là Chánh-phủ Mẫu-quốc, biết nên cai-trị thế nào là phải đường, thời phải có đủ quyền-pháp mà tự xử-trí mọi việc, tự sắp-đặt các cơ-quan chính-trị, tự lập lấy pháp-luật cho toàn-thể thuộc-địa, không phải mỗi lúc đệ-trình tư-báo về Mẫu-quốc. Nói tóm lại thì phủ Toàn-quyền ở đây phải có « toàn-quyền » mà cai-trị, mà sắp-đặt, mà quyết-định mọi việc nội-chính. Nhưng mà cái quyền ấy nếu được hoàn-toàn như vậy mà không có gì hạn-chế kiểm-đốc, thời sợ có lẽ lạm-dụng mà thành ra nguy-hiểm chăng, vậy thời trong hiến-pháp mới sau này phải đặt ra những cơ-quan gì để mà đề-chế lại cái quyền quá rộng ấy.

Thứ nhất thời phủ Toàn-quyền phải thuộc quyền giám-đốc của Chánh-phủ và của Nghị-viện bên Đại-Pháp, sẽ phái những quan thanh-tra của bộ Thuộc-địa cùng những quan ủy-viên của Nghị-viện, hạn mấy tháng lại sang bên này một lần để kiểm-soát các công-việc trong bản-xứ.

Thứ nhì là ngay ở đây thời quan Toàn-quyền cùng các quan thủ-hiến các xứ sẽ có những đại-biểu có đủ tư-cách thay mặt dân tây và dân an-nam để trước là giúp việc, sau là kiểm-đốc Chính-phủ. Những đại-biểu ấy sẽ sung vào các hội-đồng cùng các nghị-hội đặt ra ở các Chính-phủ các xứ và ở Chính-phủ trung-ương, tức là phủ Toàn-quyền. Cách bầu-cử những đại-biểu ấy thì sẽ dùng một lối rộng hơn và công-bằng hơn là cái lối hiện bây giờ. Mỗi một xứ trong toàn-hạt Đông-dương sẽ đặt, ngoài các hội-đồng hàng tỉnh, một cái « kỳ-hạt-nghị-hội », gồm những người đại-biểu của các tỉnh-hạt cùng các đoàn-thể bầu lên. Những hội-đồng cùng nghị-hội ấy phải bàn-bạc về hết thảy các công-việc trong hàng tỉnh cùng trong cả xứ.

Trên các « kỳ-hạt-nghị-hội » lại sẽ đặt một cái « Đông-dương-nghị-hội », cũng giống như Hội-đồng Chính-phủ ngày nay, nhưng mà quan-trọng hơn, nhiều người hơn, cái cách bầu-cử các nghị-viên sẽ đặt cho có thể gồm được hết các lợi-quyền, các dân-tộc trong toàn-hạt, chức-quyền của các nghị-viên cũng to rộng hơn và nhất-định hơn bây giờ, mỗi năm sẽ họp mấy kỳ để bàn-bạc về các sổ dự-toán và về các vấn-đề lớn quan-hệ đến cả toàn-thể Đông-dương. Dân tây thì bầu các đại-biểu tây, dân bản-xứ cũng bầu các đại-biểu cho bản-xứ, cái số những đại-biểu ấy sẽ nhiều hơn ngày nay, và cách bầu-cử cũng rộng hơn, để cho có đủ tư-cách biểu được hết dân-tình trong bản-xứ. Như vậy thời người bản-xứ thật là được hiệp-lực và giúp công với Chính-phủ.

Trong cái hiến-pháp mới đó thời việc giao-thiệp của Chính-phủ Bảo-hộ với các vì Quân-chủ các xứ bảo-hộ sẽ theo y như các điều-ước cùng các sắc-lệnh định cách thi-hành những điều-ước ấy. Các ông cũng biết rằng tôi đối với những điều-ước ấy thật là một lòng tôn-trọng, phàm cái gì quan-hệ đến quyền-chính của Đại-Nam Hoàng-đế, Cao-man và Ai-lao quốc-vương, tôi hết sức giữ-gìn cho hoàn-toàn, và các Ngài đối với tôi cũng là một lòng thành-thực giúp tôi các công việc cải-

cách trong nước, để cầu sự hạnh-phúc cho thần-dân các Ngài. Sau nữa cái hiến-pháp mới đó cũng vẫn theo như nghĩa bảo-hộ, đối với các quan-lại bản-xứ, quan hành-chánh, quan tư-pháp An-nam là những bậc tôi đã từng chú-ý cải-lương cho cái địa-vị được cao, tăng-tiến cho cái tài-trí được rộng, mà đặt ra các trường cao-đẳng để rèn-tập, những bậc ấy rồi vẫn giữ các chức-quyền như trước, mà lại có thể giúp việc Chánh-phủ được tốt hơn.

Như vậy thì người Pháp người Nam đồng-tâm hiệp-lực sẽ cùng nhau làm cho cái cõi đất lớn này, ngày một tiến-bộ thêm lên, ngày một phát-đạt thêm lên, phát-đạt về đường vật-chất, về đường tinh-thần, mà vẫn giữ được điều-hòa tuần-tự. Cái cuộc đồng-tâm đó đã gắn-bó tự nơi chiến-trường, từ nay sẽ thành một sự-thực hiển-nhiên vậy. Như vậy thời nhờ cái chính-sách đó vừa lấy tình vừa lấy lợi làm gốc, cái tiền-đồ của xứ Đông-dương này sẽ được vẻ-vang biết là dường nào. Nước Đại-Pháp vẫn giữ đạo nhân-từ công-nghĩa, sẽ được cái vinh-dự gây-dựng thành-thân một nước con nuôi ở đất Á-châu này, đưa lên con đường văn-minh tiến-hóa, sau này sẽ được liệt vào bậc những nước giàu-mạnh trong thế-giới.

Tôi đây hết lòng hết sức cũng là để thực-hành cái chính-sách ấy, tôi vẫn được lòng dân tin cậy yêu mến, thật là một sự tưởng-lệ cho tôi vậy. Trong năm năm cai-trị xứ này, bao giờ tôi cũng thấy các ông một lòng trung-thành, một lòng quyến-luyến tôi. Các ông không có từng làm cho tôi thất-vọng bao giờ, tôi không từng phải các ông phản-trác bội-bạc một lần nào. Bởi thế nên tôi còn nhớ khi xưa có nói một câu như sau này, mới rồi các đồng-bào các ông ở Nam-định lại mới nhắc lại cho tôi, tôi nói rằng : « Tôi cai-trị các ông bằng cái ái-tình của tôi », tôi nói câu ấy mà không bao giờ lấy làm hối-hận vậy. Bởi thế nên bao giờ cũng vậy, dù trước dù sau, dù xa dù gần, dù xảy ra việc gì mặc lòng, tôi cũng không quên các ông, bao giờ tôi cũng vẫn sẵn lòng che-chở bênh-vực cho các ông, bao giờ tôi vẫn là người bạn thiết, người thày yêu của các ông vậy.

Cái cảm-giác của một người nghe lời diễn-thuyết quan Toàn-quyền.

Quan Toàn-quyền Sarraut từ khi thay mặt chính-phủ Đại-Pháp mà cầm cái chủ-quyền quản-trị ở xứ ta, trong bấy-nhiêu năm, đã từng nhiều lần diễn-thuyết tỏ cái chủ-quyền của nhà-nước Đại-Pháp ở Đông-dương và cái chính-kiến của ngài ; nhưng chưa từng có lần nào đông-đủ dân Tây dân ta, đại-thanh tật-hộ ở giữa chỗ công-chúng mà tuyên-bố minh-bạch cái chánh-sách của nhà-nước bảo-hộ ở xứ này lấy công-lý, công-nghĩa làm gốc, không phải lấy cường-quyền làm gốc như lần này vậy. Cái ngày ngài diễn-thuyết với quốc-dân ta đó lại là cái ngày ngài sắp tạm-biệt quốc-dân ta mà về qui-quốc. Bài diễn-thuyết của ông Đoàn-Triển có nói quốc-dân ta cảm-phục cái chính-sách của ngài khi ngài ở mà lo cái vận-mạnh nước-nhà khi ngài đi. Bỉ-nhân này cũng là một kẻ trong quốc-dân, nghe lời ngài tỏ cái chánh-sách bảo-hộ như thế vừa cảm-phục mà cũng vừa lo : Cái chính-sách bảo-hộ mà thật lấy công-lý, công-nghĩa làm gốc, thì quốc-dân ta chắc nhờ công-lý công-nghĩa mà được hưởng cái hạnh-phúc tiến-hóa sau này của người Đại-Pháp chỉ-đạo cho tất nhiều, quốc-dân ta ai là chẳng cảm phục ; được thế lấy làm cảm-phục, thì không được thế phải lấy làm lo : lo là lo ngài đọc xong bài diễn-thuyết ấy rồi ngài đi, e cái chánh-sách không lấy cường-quyền làm gốc của nhà-nước bảo-hộ mà ngài tuyên-bố cùng quốc-dân ta đó lại theo ngài mà đi mất chăng ?

Một người dự tiệc trà ngày 27 *lai-cảo*.

thượng-lưu kia, là cái hạng người cái cho nước Nam bây giờ, như lời quan Tổng-đốc Đoàn-Triển vừa nói mới rồi. Hiện nay đã có mấy trường cao-đẳng lập rồi, rồi sẽ mở thêm nhiều trường nữa, để đem hết cả cái tri-thức của người ta mà truyền cho những người nào có đủ não-cân mà dung-hóa được, khiến cho sau này có tư-cách giữ được những chức-vị cao, hưởng được những lợi-quyền trọng. Các trường đó ai vào cũng được, không có ngăn cấm gì. Chỉ có một sự hạn-chế như sau này, là cái trình-độ học càng cao, thời cái trình-độ thi càng ngặt, là có ý để kiểm-điểm cái học-lực của học-trò, xét xem có thật là biết, là hiểu không, còn cái hạng những con « khướu » chỉ biết học truyền-khẩu thì phải nên loại ra cho hết.

Ấy chỉ có một cái hạn-chế đó mà thôi, là để phòng cho khỏi gây thành một bọn hay chữ giả, hại cho xã-hội. Thế mà thôi, chớ ngoại-giả không có sự hạn-chế gì nữa, vì tôi không có sợ đem ban-bố sự học ra mà sau này có điều quan-ngại gì cả. Những điều quan-ngại ấy tôi đã bình-tâm tĩnh-lự mà thương-lường tính-toán cả rồi. Tôi không có lấy điều gì làm lo-sợ cả. Tôi chỉ sợ có một điều, là sợ cái dốt-nát mà thôi, cái dốt-nát u-mê của bọn hạ-lưu, cái dốt-nát kiêu-căng của bọn thượng-lưu giả, ấy cái nguy-hiểm cho các xã-hội là ở đó. Trong bài tựa cho bộ « Học-chính-tổng-qui » năm ngoái, tôi có viết mấy câu rằng :

« Cái lẽ thực sâu-sắc là thế này : một chánh-phủ mà đối với một lũ dân ngu-dốt dễ làm tai nghe những bọn xuẩn-động hay quấy-đối, thời lại nguy hiểm hơn là đối với một dân có học-thức đã biết biện-biệt điều phải lẽ trái, biết rằng người nào là người thật lòng ái-quốc, kẻ nào là kẻ xuẩn-động vô-tri ; những việc ám-mưu ám-phản ở Đông-dương này từ trước đến giờ thật là cái minh-chứng cho điều đó. »

Việc mở-mang giáo-dục, ngoài cái lợi to cho đường yên-ổn đó, lại còn một cái lợi to nữa, là nhờ đó mà luyện-tập được những người giúp việc giỏi, có tài, có học, có giá-trị hơn, để ra công giúp sức với chúng tôi trong việc chính-trị, việc hành-chính, cùng là cả trong các trường hoạt-động khác nữa. Như vậy thì có chi mà sợ mà lo ? Phải, tôi đã biết, tôi sẽ nói rõ ra cái cớ mà nhiều người lo thầm trong bụng. Giáo-dục mở-mang thì tinh-thần phát-đạt, tri-thức mỗi ngày một tinh-nhuệ ra, người dân sẽ biết quan-sát, biết phẩm-bình, biết kiểm-đốc một cách trực-tiếp hay là gián-tiếp về cái công việc quản-trị của ta đối với họ. Ừ, nhưng mà nếu thế thì lại càng hay chớ gì. Vì rằng nếu người dân có mắt tinh biết xem xét, thì chúng ta lại càng phải sửa mình hay hơn lên, lại càng phải cẩn-thận trong cách cử-động dừng ngồi, nhất là cân nhắc lời ăn tiếng nói, đừng có nói-[illegible] qua lời, đừng có chỉ-trích nhau quá-độ, phải làm thế nào cho đối với người dân mình ra mặt xứng-đáng làm người có quyền cai-quản chỉ-bảo, quyền ấy không phải bởi cái võ-lực cưỡng-bắt họ phải theo, phải bởi cái tài-trí mình đủ khiến cho họ cảm-phục. Nếu như thế thì lại càng hay lắm, chớ có ngại gì.

Bởi thế nên cái công giáo-dục của tôi, cái công tôi mở trường dạy dân, dù có người công-kích mặc lòng, tôi cũng lấy làm một sự danh-dự cho tôi vậy, vì cái công ấy đã hợp với lời tôi hứa khi tôi nói rằng nước Pháp đến đây là lấy cái tình ân-ái mà mở-mang cho một giống người u-ám sầu-khổ được trông thấy cái ánh sáng văn-minh. Các ông có biết tôi lấy cái gì làm tự-cao hơn cả không ? Là có nhiều kẻ trách tôi đã dạy cho người An-nam dám nhìn ngang mặt mình. Thật thế,

CHỮ PHÁP CÓ DÙNG LÀM QUỐC-VĂN AN-NAM ĐƯỢC KHÔNG ?

Mở ra cái câu hỏi ấy tức là trả lời rồi, vì nếu quốc-văn của một dân một nước là cái tiếng gốc trong nước ấy dân ấy, thì đã gọi là chữ nước Pháp không thể làm văn nước Nam được. Tưởng phàm người An-nam không ai tự-nhiên nghĩ ra như vậy. Nhưng hiện nay chữ Pháp đối với dân ta có cái thế-lực riêng, mà quốc-văn ta bây giờ đương ở cái địa-vị kém, nên có người không xét đến nguyên-lý sâu-xa, chỉ biết cái hiện-trạng nhất-thời, mới phát ra cái lời ban kỳ-quặc như vậy. Nhất là ở Nam-kỳ, lời bàn ấy thịnh-hành hơn cả. Có nhiều người danh-giá xướng lên muốn lấy chữ Pháp thay vì tiếng An-nam làm quốc-văn : mấy người đề-xướng lên trước, rồi những bọn tây-học tán-thành vào, gây ra cái phong-trào bài-bác tiếng nước nhà, ham-mê văn ngoại-quốc. Giữa buổi những người có chí trong nước mới tỉnh-ngộ đương ra công gắng sức tập-luyện cho chữ quốc-ngữ thành một nền quốc-văn An-nam, thay được cái hán-văn đã suy, cái phong-trào ấy rất là hại, vì nếu tự Nam-kỳ lan dần ra đến Bắc-kỳ Trung-kỳ thì cái mầm quốc-văn mới nẩy ra kia sẽ bị khô-héo đi vậy. Nay tuy cái họa chưa lấy gì làm gấp, tưởng cũng nên bàn cho tường, để phát-minh cái lẽ chính cho quốc-dân khỏi nhận lầm. Tưởng nên giải-thích rõ-ràng thế nào gọi là quốc-văn, quốc-văn cần là dường nào, có ích là dường nào, cùng cái mục-đích học chữ Pháp là thế nào, không nên lẫn hai đằng mà muốn đem đằng nọ thay vào đằng kia, hai đằng đều là cần cả, phải ra công mà tập-luyện như nhau mới được. Người bàn đây là một người rất nhiệt-thành về tây-học, chỉ ước-ao cho trong nước ta được nhiều người thâm-hiểu Pháp-văn để ra công thâu-nhập lấy những văn-chương nghĩa-lý hay của một nước đệ-nhất văn-minh trong thế-giới ; nhưng cũng rất nhiệt-thành với tiếng An-nam là cái tiếng gốc trong nước mình, là cái tiếng nói chung của ngót hai mươi triệu đồng-bào mình tự hơn hai nghìn năm đến giờ, cái phận-sự mình ngày nay là phải luyện-tập cho cái tiếng ấy mỗi ngày một thêm hay, thêm tốt, thêm đẹp mãi ra, chớ không phải là sánh với tiếng ngoài thấy nó chưa được hoàn-toàn lắm mà muốn đem vứt bỏ đi cho đành. Chuộng chữ Pháp là cái văn-chương cao-thượng đời nay, mến quốc-âm là cái tiếng nói giòng-giống của mình, không phải là hai sự phản-trái nhau. Chuộng chữ Pháp không tất-nhiên là phải ruồng-bỏ quốc-âm ; mến quốc-âm không tất-nhiên là phải phản-đối chữ Pháp. Nói rằng chữ Pháp hay, phải nên học chữ Pháp, thì rất phải ; nói rằng chữ Pháp hay, phải nên đem chữ Pháp mà thay vào tiếng An-nam, bỏ tiếng An-nam đi mà học tiếng Pháp thì thật không gì sai-lầm bằng. Nay xin bàn tường các lẽ để giải sự lầm to.

* * *

Tiếng nói là cái phần cốt-yếu làm thành ra một nước một dân. Cho nên xưa nay nước nào dân nào cũng có một thứ tiếng riêng, có dân có nước bờ-cõi đã mất, quốc-thể không còn, mà còn giữ được quốc-âm, cũng không đến nỗi tiêu-diệt đi được. Coi như dân Ba-lan (Polonais), dân Triết-khắc (Tchèques) bên Âu-châu, tuy quốc-thể không còn, người một giống làm tôi mấy nước, mà quốc-âm vẫn giữ được,

nên chủng-tộc không đến nỗi mất và nhờ cuộc chiến-tranh này lại thu-phục được quyền độc-lập, từ nay lại sẽ có tên trên bản-đồ thế-giới. Nước sống về tiếng nói, tiếng nói còn nước không thể mất được, tiếng nói đã mất nước cũng khó lòng còn. Người ta thường nói cái gì làm ra một nước, ức là cái « quốc-hồn », nhưng quốc-hồn là một mối siêu-hình (1), nghĩa là một vật mắt không trông thấy, tai không nghe thấy, phảng-phất, mập-mờ, không biết lấy gì làm bằng-cứ. Quốc-hồn phải có cách gì diễn-xuất, biểu-lộ ra ngoài thì mới đủ làm nguồn-gốc cho sự sinh-hoạt một dân một nước. Cách ấy, tức là quốc-âm vậy. Quốc-âm là gì ? Quốc-âm là cái tiếng thiên-nhiên của một giống người, chỉ có giống ấy mới nói được và có nói bằng tiếng ấy mới hiểu được hết cái tâm-tình ; hình như tạo-vật sinh ra một giống người khiến cho cái lưỡi nó uốn ra một cách riêng mà thành ra một giọng riêng, cái óc nó nghĩ ra một cách riêng mà thành ra một lời riêng, giọng ấy lời ấy người giống khác tuyệt-nhiên không thể nào theo cho hệt được. Vậy thời quốc-âm là cái mối đặc-biệt một giống người với các giống khác ; đã là cái mối đặc-biệt thời tất là chỉ riêng cho một giống người ; đã riêng cho một giống người thời tất là biểu được hết cái tâm-hồn của một giống ấy, không có lẫn với giống khác. Cho nên quốc-âm tức là cái biểu-hiệu tự-nhiên của quốc-hồn. Quốc-hồn phát-hiện ra trong quốc-âm, từ lời ca-dao chất-thật cho đến giọng diễn-thuyết hùng-hồn. Muốn biết tinh-tình một giống người, không gì bằng nghe những giọng hát câu ca trong dân-gian : mẹ dụ con, vợ khóc chồng, ấy mới thật là cái tiếng thiên-nhiên của một giống, tự trong tâm-khảm mà ra. Nay vì có người nói cái tiếng ấy không hay, còn có tiếng nước khác hay hơn, người An-nam không nên dụ con bằng tiếng An-nam, phải nên dụ con bằng tiếng tây, tất ai cũng cho là người cuồng vậy !

Thế mà hiện nay có người xướng-suất như vậy, có người yêu-cầu muốn lấy tiếng tây thay tiếng An-nam làm tiếng nói phổ-thông trong nước, thì đủ biết dân-trí nước ta ngày nay thật là đảo-điên điên-đảo, không còn biết phân-biệt điều phải lẽ trái là gì nữa. Than ôi ! người một nước mà đã đến coi cái tiếng nói của ông cha mình, của cả nước mình làm đê-tiện thì thật là người bỏ đi ; mà nước nào có những người như vậy cũng là đáng thương thay !

Nay hãy xét kỹ xem những người muốn lấy tiếng tây thay tiếng An-nam, lấy những lẽ gì mà khởi ra cái lời bàn quái-dị như vậy. Nhân tiếp chuyện một ông tây-học trong Nam-kỳ, ông chính là người nhiệt-thành muốn lấy tiếng tây thay tiếng ta như vậy ; ông nói rằng :

« Các ông nói người An-nam phải thương tiếng An-nam ; các ông nói như vậy là lấy cái « tình » (*sentiment*) mà nói ; chúng tôi nói là lấy « lợi » chung cho nước mà nói. Lợi bao giờ cũng mạnh hơn tình. Nói thương tiếng An-nam, vẫn là hay lắm, nhưng một tiếng nghèo-nàn kém-cỏi như tiếng An-nam mình, thương sao cho đặng ? Chi bằng ta liệu sớm bỏ đi, mà theo học một thứ tiếng rất hay, rất đẹp, rất cao-thượng, rất hoàn-toàn, là tiếng Pháp, hiện nay là cái lợi-khí của văn-minh mà là cái tiếng thông-dụng của phần nhiều người trong thế-giới. Vả tiếng An-nam còn thiếu-thốn nhiều lắm, không những không đủ dùng mà

(1) **Siêu-hình** 超形 = Vượt ra ngoài hình-thức ; *mối siêu-hình*, là một cái ở ngoài hình thể, phải trực-giác mới biết được. – UNE ENTITÉ MÉTAPHYSIQUE.

không biết còn phải tập-luyện đến bao giờ cho thành một thứ tiếng hoàn-toàn. Đến như tiếng Pháp thì không đợi ta tập-luyện đã là một tiếng hoàn-toàn rồi, thật là cái lợi-khí sẵn-sàng cho ta dùng, cớ chi mà không dùng, chẳng là khờ lắm ru ? Ta dùng tiếng Pháp mà ta được thông-đồng với mấy trăm triệu người trong thế-giới, chẳng hơn là dùng tiếng An-nam chỉ có ngót hai mươi triệu người nói người hiểu mà thôi, ngoài cõi Đông-dương không ai biết tiếng An-nam là cái tiếng mường-mọi gì. Vả cứ hiện-tình troug Nam-kỳ chúng tôi mà nói — không những một Nam-kỳ mà ngay ở Bắc-kỳ này tôi cũng từng nhận như vậy — phàm bọn thượng-lưu giao-tiếp với nhau toàn dùng tiếng Pháp cả ; tiếng An-nam không ai bảo bỏ mà tự-nhiên ai cũng bỏ, vì dùng nó không tiện bằng dùng tiếng Pháp, vừa tiện vừa hay hơn. Bọn thượng-lưu đã như vậy thời không mấy nỗi pháp-học mỗi ngày một thịnh, cả xã-hội ta sẽ dùng tiếng Pháp làm cái tiếng phổ-thông trong nước. Đó là cái kết-quả tất-nhiên của sự tây-học, dẫu không muốn cũng không được; huống lại tiện-lợi cho ta thì việc chi mà ta không muốn ? Các ông nói rằng người An-nam học tiếng Pháp khó lòng cho phổ-thông được. Tôi xin lấy một cái chứng như sau này thì đủ biết là các ông xét lầm: tôi có thằng con nhỏ, từ thủa biết nói tôi cho vào học trường tây, nói thuần tiếng tây ; nay nó không nói một tí tiếng ta nào nữa(1), lúc ngồi không buồn mồm muốn hát cũng dịp-dàng mà hát bằng tiếng tây, theo điệu tây. Coi đó thời biết nếu bắt đầu học từ thủa nhỏ thì học tiếng gì cũng dễ. Tôi thiết-tưởng cái công-phu, cái thì-giờ tập-luyện tiếng An-nam cho thành văn-chương, thà dùng để học tiếng Pháp còn mau hơn, dễ hơn và không đến nỗi uổng-công vô-ích. Ông thử nghĩ coi : lấy tiếng Pháp làm quốc-văn thật là tiện-lợi cho ta đủ đường. Vả không phải bàn luận gì xa-xôi, xét ngay dân-tình ta ngày nay, thật là có cái khuynh-hướng muốn lấy hẳn tiếng Pháp thay vào tiếng An-nam, không những trong khi biên viết mà trong khi chuyện-trò cũng vậy. Ngay như tôi nói chuyện với ông đây, có phải tự-nhiên ta dùng tiếng Pháp hơn là tiếng An-nam không ?... »

Ôi ! Có nhà triết-học đã nói : « Người ta có cái lòng ham sống mới sống được ; đã không có cái lòng ham sống thời tiêu-diệt có kho gì ? » Các ông muốn làm người An-nam, cố giữ lấy cái quốc-âm An-nam thời mới khó, chớ đã không muốn làm người An-nam, muốn bỏ tiếng mình mà học tiếng người thì có khó gì ? Các ông nói không nên lấy *tình* mà xét, phải lấy *lợi* mà xét mới được, lợi bao giờ vẫn mạnh hơn tình. Chúng tôi vẫn biết như vậy, nhưng chúng tôi cũng biết rằng người ta có tình mới là người và phàm dân nào chỉ biết trọng lợi mà thôi là dân ấy sắp đến ngày-suy-đồi vậy. Nay có một người kia lấy vợ từ thủa hàn-vi, những lúc gian-truân khổ-sở có nhau, sau đến ngày hiển-đạt gặp được người phong-lưu phú-quí hơn, nếu chỉ biết lấy lợi làm trọng thì chắc bỏ vợ cũ mà lấy người mới, nhưng nếu biết lấy tình mà ở thì không bao giờ cư-xử một cách dã-man đê-liệt như vậy. Than ôi ! dân ta đối với quốc-âm ngày nay cùng một cảnh-ngộ như người chồng kia đối với người vợ thủa hàn-vi vậy. Ta thử đề tay lên ngực mà tự mình hỏi mình có nỡ lòng nào nên bỏ hay không ? Thiết-tưởng phàm người có tâm-huyết không người nào nỡ để cho nòi giống tự-tận như vậy, vì một giống người đến quốc-âm cũng không giữ được là một giống tự-diệt vậy.

Nhưng mà nói với những người chỉ biết trọng lợi mà thôi thì những lời tâm-huyết có cảm-động chi. Lại phải lấy lợi mà bàn mới mong phá được cái mộng cuồng. Nay dùng chữ Pháp làm quốc-văn An-nam thì được tiện-lợi những gì ? Theo ý các ông xướng-suất điều đó thì được tiện-lợi như sau này :

1º Chữ Pháp vốn là cái văn-tự hay nhất đẹp nhất trong thế-giới ; quốc-âm ta thì hiện nay còn chưa thành văn-tự, nghèo-ngặt thiếu-thốn không đủ dùng. Lấy cái đẹp-đủ mà thay vào cái kém-thiếu, chẳng phải là tiện-lợi lắm ru ?

2º Tiếng Pháp là tiếng thông-dụng trong thế-giới, kể đến ngót trăm triệu người học người nói ; tiếng An-nam không đầy hai mươi triệu người nói, ngoài bờ-cõi Đông-dương không ai biết. Dùng một thứ tiếng có thể thông-đồng với cả thế-giới chẳng tiện-lợi hơn là dùng thứ tiếng chỉ khu trong một góc địa-cầu ru ?

3º Nước Pháp là nước cai-trị dân mình, tiếng Pháp ngày nay là tiếng « quan-hoại » của nước mình, phải biết tiếng Pháp mới giao-tiếp với người Pháp, giao-tiếp với chánh-phủ Pháp được. Cứ hiện-tình ngày nay thì quốc-dân ta học chữ Pháp, dùng tiếng Pháp mỗi ngày một nhiều; không những trong các bậc thượng-lưu mà đến cả trong dân-gian nữa. Ta nên thuận cái phong-trào ấy mà lần lần lấy tiếng Pháp thay vào tiếng An-nam, chẳng là hợp với dân-tình và tiện cho đường tiến-hóa trong nước ru ?

Ba lẽ đó mới coi tưởng là chánh-đáng mà xét kỹ ra thật không lấy gì làm thiết-thực cả, chẳng qua là một cách ngụy-biện (1) mà thôi.

Nói rằng chữ Pháp là một thứ văn-tự cao-thượng trong thế-giới thời thật là xác-đáng lắm, không còn ai nghi-ngờ được nữa. Nhưng lấy chữ Pháp là thứ chữ hay mà muốn đem thay vào tiếng An-nam thì cái lý không được mạnh nữa mà thành ra lời bàn càn. Trông thấy cái nhà người ta đẹp khen rằng cái nhà này đẹp thì phải lắm, nhưng nhân cái nhà người ta đẹp mà muốn đòi đến ở, lấy làm nhà mình thì cũng khó nghe thật. Chữ Pháp vẫn là cái văn-tự hay, người mình nên học-tập nghiên-cứu cho thâm để nhờ đó mà thâu-nhập lấy những kết-quả tốt của văn-minh đời nay ; điều đó rất là đáng nên, không ai còn bàn khác được nữa ; nhưng vì chữ Pháp hay mà muốn lấy chữ Pháp làm quốc-văn An-nam thay vào tiếng An-nam thì cũng cuồng cũng dở như cái người thấy nhà người ta đẹp mà muốn lấy làm nhà mình vậy. Còn cái cớ rằng tiếng An-nam ta nghèo-ngặt thiếu-thốn không đủ dùng, thời câu ấy tuy ngày nay đã thành một câu đầu lưỡi, hễ ai bàn đến tiếng ta tất mở miệng ra là nói như vậy, nhưng xét cho kỹ cũng lại là một câu « ngụy-biện-chi-cực » vậy. Phàm đã gọi là tiếng nói của một nước, chưa từng có tiếng nào là không đủ dùng cho người dân trong nước ấy, vì tiếng nói là một cách giao-thông rất yếu-cần cho người ta, đã cần-dùng tất phải có đủ mà dùng, không có khi nào tiếng nói trong nước lại không theo kịp trình-độ của quốc-dân bao giờ. Tiếng nói trong nước nghèo là trình-độ quốc-dân thấp ; nếu trình-độ cao hơn tất tiếng nói phải giàu thêm cho xứng-đáng. Vả nói giàu nghèo cao thấp là lấy cái tỉ-lệ (2) ở ngoài mà nói, là so-

(1) **Ngụy-biện** 僞辯 = Biện luận không thật-thà, biết rằng cái lý yếu mà cố cãi cho khỏe, biết rằng cái việc cong mà cố cãi làm ngay — SOPHISME ; SOPHISTIQUER.

(2) **Tỉ-lệ** 比例 = Cái lấy làm lệ, làm chuẩn, làm mực thước mà so-sánh cho biết ít nhiều hơn kém. — POINT, TERME DE COMPARAISON.

sánh với tiếng ngoài người ngoài mà nói, chớ cứ lấy một thứ tiếng của một dân-tộc thì không có giàu nghèo cao thấp được. Tiếng nước Nam tất là phải đủ dùng cho người nước Nam, phàm cái tri người An-nam ta nghĩ được đến, đâu, tiếng An-nam ta tất phải nói được đến đấy, cái lẽ tự-nhiên như vậy. Nay nói rằng tiếng ta nghèo là so-sánh với tiếng Pháp, với chữ nho mà nói, nhưng sự so-sánh đó vị-tất đã là chánh-đáng. Nếu đem tiếng ta mà dịch tiếng Pháp, nếu đem lời ta mà diễn giọng tàu, thì chắc là thiếu-thốn, không sao đủ được. Nhưng thử đem một câu ca-dao ta mà dịch ra tiếng tây, một lời tục-ngữ ta mà dịch ra chữ tàu, chắc cũng không sao cho hết ý hết nghĩa được; như vậy thì chữ Pháp chữ nho lại nghèo hơn tiếng ta hay sao? — Không, phải phá cho vỡ cái lời ngụy-biện về sự quốc-âm giàu nghèo đó mới được, vì lời ngụy-biện đó đã làm lầm người ta nhiều lắm. Lời đó đã thành một câu khẩu-đầu, ai cũng nói mà không ai xét thực-hư thế nào, thậm-chí có người thốt ra ba câu tiếng ta không gọn cũng thở ngắn thở dài than rằng tiếng An-nam nghèo-ngặt không đủ dùng. Đủ dùng với người biết dùng, chớ không đủ dùng với người không biết dùng, với người không thuộc tiếng nước nhà. Vả có tư-tưởng thì mới có lời nói, và phàm tư-tưởng phân-minh tất lời nói gẫy-gọn. Thơ tây đã có câu rằng :

Ce qui se conçoit bien s'énonce clairement,
Et les mots pour le dire arrivent aisément,

nghĩa là cái gì trong tri nghĩ đã chín thì nói ra lời tất rõ-ràng và những tiếng để nói cũng dễ kiếm. — Thử hỏi người An-nam ta mấy người tư-tưởng bằng tiếng nước nhà ? Có người học tây thì trong trí nghĩ bằng tiếng tây, có người học nho thì trong trí nghĩ bằng chữ tàu, như vậy mà muốn nói ra lời ta thì nói sao cho được ? Tôi còn nhớ có biết một anh chàng đi đến đâu cũng phệnh-phạo nói ra bộ đắc-chí và tự-cao lắm : « Tôi thật tôi không thể nào tư-tưởng bằng tiếng An-nam, tất phải tư-tưởng bằng tiếng tây mới được. Tiếng An-nam không đủ nói những ý-kiến cao-kỳ.» Ôi ! nếu anh thật có những ý-kiến cao-kỳ, chắc anh không thốt ra những lời quái-gở như vậy, chắc anh biết rằng phàm tư-tưởng người ta đã đến bậc thâm-thiết chân-thật thì nói ra tiếng gì cũng được, mà thứ nhất là cái tiếng gốc của giống mình, cái tiếng mình bập-bẹ nói từ thủa mới lọt lòng mẹ mà ra. Anh chàng đó không phải là có một ; hiện nay có nhiều người như vậy. Than ôi ! tự người mình không biết chân-trọng tiếng mình, lại ruồng bỏ tiếng mình, còn trách chi tiếng mình nghèo ngặt ? Tiếng mình nghèo hay giàu là tự ở người mình. Nếu ai ai cũng biết lấy quốc-âm làm trọng, làm quí, nếu ai ai cũng ra công gắng sức mà tập-luyện thì mấy nỗi nghèo thành giàu, nôm-na thành ra văn-vẻ, mà cái tiếng nói của ngót hai mươi triệu con người kia sẽ trở nên một nền văn-chương xứng-đáng, diễn-tả được cái tâm-hồn của cả một giống người.

Nay phần nhiều người nói tiếng An-nam nghèo là chỉ vì tiếng ta chưa có đủ những danh-từ riêng về cách-trí, khoa-học, kỹ-nghệ. Nhưng một tiếng giàu nghèo không phải là ở những danh-từ riêng đó. Phàm tiếng nói là trước phải đã có biết cái sự-vật rồi, nhiên-hậu mới đặt tên mà gọi. Mình chưa biết tàu-bay là vật gì thì sao đã có tên *tàu-bay* được ; mình chưa biết thán-khí là vật gì thì sao đã có tên *thán-khí* được ? Mình chưa có cái tư-tưởng rõ-ràng về sự tự-do, sự bình-đẳng, thì những chữ *tự-do, bình-đẳng*, đã thông-dụng sao được ? Hễ có rộng biết, có nghĩ nhiều, thì vật gì đã từng biết, sự gì đã nghĩ tới, cốt là biết cho đích-xác,

nghĩ cho đến nơi, thế nào cũng tìm ra tiếng ta mà nói được gọn-ghẽ. Vậy cách-trí, khoa-học, kỹ-nghệ, người mình cứ nên ra công giảng-cứu cho thật thâm, và thứ nhất là phải có cái chí muốn đem những điều mình học được nói ra tiếng mình, diễn ra lời mình, khiến cho người không học cũng có thể hiểu được, mỗi người mỗi làm như vậy, thiếu chữ gì thì nghĩ đặt chữ mới ra cho gọn-ghẽ, hoặc mượn chữ ngoài cho tiện dùng, như vậy thì mấy nỗi mà tiếng An-nam lại chẳng được phong-phú bằng nhiều tiếng nước khác hay sao? Học phải có hóa; nếu học của người mà không hóa được ra của mình thì sự học ấy cũng là vô-ích, vì không có bổ gì cho cái vốn chung trong nước. Học bằng chữ tây mà cứ ôn lại bằng chữ tây, không những không ôn sao cho bằng được như người ta dạy mình, mà còn mong truyền rộng cho ai? Cái tật chung của phần nhiều người học tây trong nước ta là chỉ biết ôn lại cái bài học của người mà không biết biến-hóa ra cái nghĩa-lý của mình, nên có nhiều người học đã thành-tài mà cái ảnh-hưởng trong quốc-dân không có gì. Nay muốn cho quốc-văn phát-đạt, muốn cho sự giáo-dục được phổ-cập trong nước thì dù tây-học dù nho-học, ai ai cũng phải để bụng vào quốc-âm, học được điều hay lẽ phải, nên diễn-dịch ra tiếng nước nhà cho người mình được biết, như vậy thì tiếng An-nam ta chẳng bao lâu mà thành ra một thứ văn-tự hoàn-toàn, có lo chi; hà-tất phải mượn chữ Pháp mà thay vào, không những không đang mà cũng không tiện nữa.

Nói rụt lại thì chữ Pháp cần phải học cho nhiều cho thâm, một là thứ chữ hay nhất đẹp nhất trong hoàn-cầu, hai là thứ « chữ cai-trị » trong nước ta bây giờ, nhưng đem thay vào tiếng An-nam làm tiếng phổ-thông trong dân-gian thì quyết không nên. Còn cái câu khẩu-đầu « tiếng ta nghèo không đủ dùng » thì chẳng qua là lời « ngụy-biện » của những kẻ ngu cùng những kẻ lười, một là không hiểu rằng tiếng nói của một dân một nước là tùy theo trình-độ của nước ấy dân ấy, người mình không có lý chê tiếng nước mình là nghèo được, hai là đã biết rằng quốc-âm còn thiếu-thốn không chịu khó tập-luyện cho đều-đủ rồi-rào hơn lên.

Còn các lẽ khác, như nói rằng tiếng Pháp trong thế-giới nhiều nước học, dân mình nên theo học cả cho được tiện giao-thông với thế-giới, hay là nói rằng tiếng Pháp là tiếng « quan-hoại » của nước ta, dân mình nên theo học cả cho tiện giao-tiếp với Chính-phủ, thì những lẽ ấy không cần phải bác cũng biết là không có giá-trị gì. Giao-thông với thế-giới không phải là cả hai mươi triệu người An-nam cần phải giao-thông với thế-giới, và giao-tiếp với Chính-phủ không phải là cả hai mươi triệu người An-nam cần phải giao-tiếp với Chính-phủ. Chẳng qua là một số ít người vì chức-nghiệp vì địa-vị phải giao-thông với nước ngoài, giao-tiếp với Chính-phủ, thì số ít người ấy là cần phải học Pháp-văn cho thông, nhưng cũng lại cần phải tập quốc-văn cho thạo nữa mới đủ làm môi-giới cho quốc-dân. Còn phần nhiều người khác, không có lý lấy tiếng tây mà giao-thông với nhau được; không những không có lý như thế, mà dẫu muốn nữa cũng không có thể được. Hiện nay chẳng qua là ở những nơi thành-thị, trong một nghìn một vạn người mới có một vài người thường giao-tiếp với người Tây, sính nói tiếng tây, lấy thế làm tự-cao, khi giao-tiếp với người mình cũng dùng tiếng tây mà nói chuyện. Không nói còn những kẻ tập nói tiếng tây mà nói chửa thành lời, chỉ để lòe người không biết, thì chẳng kể làm chi. Còn toàn-thể quốc-dân quyết không thể nào học chữ

Pháp cho phổ-thông được. Nhiều người học mà học không thành, dở-dở dang-dang, thì thà rằng ít người học mà học cho thật đến nơi còn hơn. Đến ngày những hạng hàng rau hàng cá, phu điếm phu xe cũng biết bập-bẹ nói tiếng tây nửa bồi nửa mán, thì quốc-dân có tiến-bộ chi ? Không nói xa-xôi đến thế nữa, nói ngay đến ngày bao nhiêu những người thường-thường trong nước đều biết nói tiếng tây bằng học-trò các trường Pháp-Việt ngày nay, mà tiếng mình thì bỏ không dùng đến nói không được gẫy-gọn thanh-thoát nữa, có phải là một sự kết-quả hay cho nước ta không ? Lại không đợi đến ngày ấy nữa, cứ nhìn ngay bọn thiếu-niên ta ngày nay, lấy những hạng đã tốt-nghiệp tiểu-học trung-học chi-gian, từ thủa nhỏ chỉ học chữ Pháp, không tập quốc-âm, có phải phần nhiều người coi như ngơ như ngốc, như người ở xứ nào đem lại, đứng với người đồng-loại mình mà không biết nói năng giao-tiếp thế nào, hình như không phải là giống người An-nam nữa ! Đấy, cái kết-quả đã rành-rành ra đấy, còn phải mong-mỏi xa-xôi gì nữa. Hiện nay trong bọn học chữ tây được một người thành-tài, thì phải một trăm người dở-dang như thế. Mới biết rằng chữ Pháp là một thứ văn-tự cao-thượng, phải học cho đến nơi thì mới có lợi, học dở-dang thì không có ích gì. Nay trừ bọn thượng-lưu, trong nước ta ai là người học chữ Pháp cho đến nơi đến chốn được ? Những nhà thường-thường cho con đi học trường tây đến được cái bằng tiểu-học-tốt-nghiệp đã lấy làm khó nhọc lắm ; mà cái trình-độ chữ Pháp ở tiểu-học thì đã ăn-thua vào đâu ? Cho nên nói rằng chữ Pháp chỉ nên để cho một hạng có tư-cách mới nên học, mà đã học thời phải học cho thật thâm ; còn toàn-thể quốc-dân quyết không nên học làm gì. phải lấy quốc-văn làm cái cơ-quan mà dạy những sự tri-thức tầm-thường, một là khỏi mất thì-giờ học một thứ tiếng ngoài nửa chừng không dùng đến hoặc không đủ dùng, thì-giờ ấy cứ để mà học những món phổ thông khác có ích-lợi hơn và có thể dạy bằng tiếng nước nhà được ; hai là khỏi thành một hạng người « mất giống », tây không ra tây, nam không ra nam, tiếng ngoài thời học không đủ dùng, tiếng mình thì quên không biết nữa !

Nay cứ lời ông Nam-kỳ nói trên kia, vì đem hết thảy trẻ con An-nam cho học chữ tây ngay từ thủa mới biết nói cho đến lên sau tuổi tuyệt-nhiên không biết một tiếng an-nam nào ; cái cách giáo-dục kỳ-khôi đó cũng không phải là có khó gì, vì người ta như con khướu dạy chi mà chẳng được, dạy tiếng Pháp chớ giá tưởng dạy tiếng châu Phi châu Úc nào cũng không phải là không được ; nhưng phải xét cái kết-quả thế nào. Chắc rằng những đứa trẻ đó khi lớn lên nói tiếng tây tất thạo hơn người khác, giao-tiếp với người Tây tất dễ hơn người mình ; nhưng mà tiếng ta nó không biết nữa, phong-tục an-nam nó không hiểu nữa, nó không phải là người An-nam nữa mà nó chưa thành người Tây, nó là một giống trên không chẳng dưới không rễ, tức như các ông trong Lục-châu gọi là giống « lai-căn » vậy. Muốn giữ lấy chân-chủng thì mới khó, chớ muốn làm giống « lai-căn » thì có khó chi ?

* * *

Than ôi ! những lẽ đó là lẽ rất tầm-thường, thiết-tưởng phàm người biết nghĩ không ai là không hiểu. Thế mà có nhiều người vào bậc tri-thức đời nay lại không từng xét đến, thì lạ thay ! Bởi đâu mà người sáng suốt thành ra hôn-mê như vậy ? Bởi hai chữ « thế-lực » vậy.

Người ta hay có cái tính về bè với bên mạnh mà ruồng-rẫy kẻ yếu. Bên

mạnh bao giờ vẫn được phần hơn, bên yếu bao giờ cũng phải chịu kém. A-dua với người mạnh chẳng lợi hơn là đeo-đẳng với kẻ yếu rư? Ở đời nên vị *lợi* hơn là vị *tình*: cái thuật sinh-tồn là ở đó. Người mình đã sành cái thuật đó lắm, nên đối với quốc-âm thường chênh-mảng, đối với chữ Pháp hay đặm-đà, là vì một bên có thế-lực, một bên không, cứ lấy lợi mà suy thì bên theo bên bỏ đã rõ rành-rành. Rút lại cái lý-do chỉ ở đó, chẳng phải tiếng ta nghèo mà không dùng, chẳng phải chữ Pháp hay mà tiện-lợi. Một bên học thì có thể mong theo đòi người mà kiếm ăn, có của có quyền, một bên học thì chẳng thấy cái cận-lợi gì cả; không có lợi học làm chi, vị tình suông có ích gì?

Như vậy thì cái tâm-địa người nước ta ra thế nào? Nghĩ đến mà buồn thay!

Nhưng may thay còn có kẻ biết vị tình hơn vị lợi, cố ra công mà xây mà đắp lấy cái nền quốc-âm cho vững-vàng, vì có quốc-âm mới có quốc-hồn, có quốc-hồn thì nước mới còn được.

THƯỢNG-CHI

HOÀNG THÁI-XUYÊN QUẬN-CÔNG LÊN THƯỢNG-THỌ

Ngày 20 tháng ba (20 Avril 1919) vừa rồi, ở ấp Thái-hà gần Hà-nội có làm lễ thượng-thọ cụ Hoàng Thái-Xuyên quận-công.

Công-danh sự-nghiệp của Tướng-công thì đã dầy rẫy trong quốc-sử trong khoảng ba bốn mươi năm gần đây, không cần phải nói ai cũng biết. Nay nhân lễ mừng ngài lên thất-tuần, bản-quán xin kính tặng một bài thơ như sau này để biểu lòng kính-mến của quốc-dân với một bậc danh-thần nước Nam ta, sau này chắc cũng hiếm có.

Thơ rằng:

Vượng-khí Lam Hồng đúc vĩ-nhân,
Trời ban thêm tuổi chúa thêm ân.
Huân-danh sự-nghiệp Hiến-thành Lý,
Phú-quí vinh-hoa Nhật-duật Trần.
Con cháu một nhà hai tổng-đốc,
Pháp Nam hai nước một công-thần.
Tuần này hạ-thọ là tuần bảy,
Còn biết sau đây mấy chục tuần.

NAM-PHONG *cẩn-tặng.*

BÀN VỀ TIẾNG AN-NAM

Tiếng nói là một cái cơ-quan rất quan-hệ cho sự phát-đạt một dân một nước. Tiếng nói có đủ, có hay, có phân-minh nhất-định, thì mới mong có phần mở-mang tiến-hóa được. Thuộc về cái vấn-đề tiếng An-nam, nhiều người đã từng biện-luận, nay tôi không quản tài mọn lấy lời thành-thực viết một bài này, gọi là góp một phần vào cuộc công-luận, họa may có giúp được tí gì cho cái vấn-đề ấy chăng.

I

Cách dịch những tiếng mới

Tiếng An-nam nghèo hay giàu, điều ấy tôi không biết chắc ; song có một điều hiển-nhiên, là những tiếng thuộc về các khoa-học mới (như vật-lý-học (*physique*), hóa-học (*chimie*), kỷ-hà-học (*géométrie*), đại-số-học (*algèbre*), v. v.) và phần nhiều những tiếng chỉ tên riêng (*noms propres*) thời ta không có mà dùng. Vậy bây giờ ta phải nên nghĩ cách gì mà dịch những tiếng ấy ?

1 — *Cách dịch tên riêng* (noms propres)

A. Mỗi người mỗi xứ có một tên riêng là để gọi cho khỏi lầm với những người hoặc những xứ khác. Vậy cứ lẽ chính-đáng thì tên người nào ở nước nào cứ cái cách gọi cách đọc của nước ấy mà theo.

Nếu vậy thì muốn dịch một tiếng nước nào phải tìm cách viết cách đọc nước ấy : như muốn dịch một tên Hi-lạp (*grec*) hoặc một tên Ả-rập (*Arabe*) thời phải biết cái chữ Hi-lạp hoặc chữ Ả-rập chỉ cái tên ấy và cách đọc những chữ ấy : Điều đó ta có làm được không? Chắc không. Vì rằng ta không có đủ sách ngoại-quốc mà tìm những tên ấy, mà có nữa cũng không biết cách đọc cách viết những chữ ấy. Tất ta phải dịch theo chữ Pháp hoặc chữ Tàu là hai thứ chữ ta viết và đọc được. Hai đằng ấy ta phải chọn một đằng. Song những tên ta phải dịch có thể chia ra làm hai hạng :

1° Những tên người tên đất của Pháp, và những tên ngoại-quốc mà Pháp cũng viết và đọc theo như nguyên-văn. Ví-dụ như : *La Fontaine*, *Paris* (tên Pháp), *Washington*, *New-York* (tên Mỹ mà Pháp cũng viết và đọc theo như Mỹ), v. v. Những tên ấy thì chắc phải dịch theo tiếng Pháp thời mới đúng âm ; chớ nếu dịch theo Tàu thì đọc sai nhiều : tỉ như những tên *Montesquieu*, *Rousseau*, *Washington*, *New-York*, Tàu dịch là 孟德斯鳩, 盧梭, 華盛頓, 紐約, đọc lối Tàu còn hơi đúng, chớ đọc theo lối ta, thành ra *Mạnh-đức-tư-cưu*, *Lư-thoa*, *Hoa-thịnh-đốn*, *Nữu-ước*, sai hẳn chính-âm.

2° Những tên ngoại-quốc mà Pháp viết và đọc khác nguyên-văn, có mấy hạng :

a) Những tên về địa-dư (*noms géographiques*) không thuộc riêng về nước nào. Như tên ngũ-đại-châu, Pháp thời gọi *Europe*, *Asie*, *Amérique*, *Afrique*, *Océanie* ; Anh lại gọi là *Europa*, *Asia*, *America*, *Africa*, *Oceania* ; tên ngũ-đại-dương, Pháp gọi là *Océan Atlantique*, *Océan Pacifique*, v. v. thời Anh lại gọi là *Atlantic ocean*, *Pacific ocean* ; những tên bể như Pháp gọi bể *Manche* thời Anh gọi là *British Channel*, các tên dãy núi thuộc về nhiều nước, tên các cửa bể, v. v. Những vật ấy không phải của riêng một nước nào, là chung của nhiều nước, nên mỗi nước, đặt được một tên riêng để gọi.

b) Những tiếng của nước khác mà Pháp viết và đọc chẹo đi hoặc khác hẳn.

1. Tên la-tanh và tên grec, nhiều tên Pháp viết và đọc hơi khác chính-văn. Ví dụ : *Virgile*, *Horace*, *Rome*, *Florence*, theo la-tanh là : *Virgilius*, *Horatius*, *Roma*, *Florentia*, v.v.

2. Nhiều tên về địa-dư, như *Allemagne* (theo tiếng Đức là *Deutschland*), *Angleterre* (theo tiếng Anh là *England*), *Londres* (Anh : *London*), sông *Tamise* (Anh : *Thames*).

Cứ theo lẽ chánh-đáng thì những tên vào các hạng kể trên ấy dịch theo Tầu hoặc dịch theo Pháp cũng đều không phải cả, tỉ như tên nước Đức thì dịch theo Tầu là *Đức-ý-chí* mà dịch theo Pháp là *An-lo-ma-nhờ*, cũng đều không đúng với cái tên người Đức gọi nước của họ là *Deutschland*. Song cứ phương-diện của ta bây giờ thì nên dịch theo tiếng Pháp, là vì những lẽ này :

a) Trừ ít tiếng Pháp đọc và viết khác hẳn (như tên nước Đức), còn phần nhiều thì hơi chẹo đi một tí cũng không quan-ngại gì, như *Rome* (*Roma*), *Londres* (*London*) v.v.

b) Trong hoàn-cầu có hai thứ tiếng thông-dụng nhất : một là tiếng Anh dùng việc buôn bán, hai là tiếng Pháp dùng việc ngoại-giao (các nước ký điều-ước với nhau thường làm một bản tiếng Pháp làm bằng). Khi người Tầu muốn dịch tiếng ngoại-quốc thời chọn tiếng Anh vì là tiếng thông-dụng về đường buôn bán. Bây giờ ta chọn tiếng Pháp thì cũng là đích-đáng lắm, vì cũng là thứ tiếng có thế-lực to trong hoàn-cầu. Vả lại bây giờ ta giao-thiệp với người Pháp, nước Pháp nhiều, ta đọc sách Pháp, dịch sách Pháp, trẻ con học chữ Pháp, vậy thời dùng chữ Pháp chẳng tiện-lợi và người xem chẳng dễ hiểu lắm ru ?

Nói tóm lại thì những tên riêng chỉ người, chỉ đất, v. v. nên dịch theo tiếng Pháp.

Song còn một điều khó nữa là nên dịch ra tiếng An-nam trước rồi chua chữ Pháp bên cạnh để tiện sự khảo-cứu (ví dụ ông Phông-tên) Fontaine..... hay là viết chữ Pháp trước rồi chua cách đọc ra tiếng An-nam sau (ví dụ : Fontaine) Phông-tên...

Theo lối thứ nhất thời mới ra tiếng An-nam và đàn-bà trẻ con bất-kỳ người nào không biết vần Pháp cũng đọc được. Song có mấy điều khó :

1o Vần câm ở cuối cùng chữ (*Syllabes muettes*) nguyên đọc nhẹ hơn những vần khác đọc nặng (*Syllabes accentuées*), nếu đem dịch ra tiếng An-nam thì đã không đúng mà nghe nó ngờ-ngẩn lắm, tỉ như chữ *Dante*, *Boccace* mà dịch là *Đăng-tơ Bô-ca-sơ*, thì khó nghe lắm.

2o Những chữ *r*, *s*, *x*. như trong những chữ *Arnauld*, *Pascal*, *Félix* dịch ra khó đúng và khó đọc. Nếu dịch là *rơ*, *sơ*, thời không đúng, vì chính người ta đọc cũng nhẹ, nếu dịch thế thành ra *re*, *se*, *xe* mất. Mà bỏ đi không dịch thời nghe không hiểu.

3o Những chữ không âm đứng rời (*consonnes isolées*) như trong những chữ *Andrieux*, *Scribe*, *Laprade*, *Autran*, *Broglie*, v. v. Những chữ *d*, *s*, *c*, *p*, *t*, *g* ấy khó lòng mà dịch được ; dịch là *đơ*, *sơ*, *cơ*, *pơ*, *tơ*, *gơ*, thời không đúng mà bỏ đi thời nghe không hiểu. Cũng còn nhiều chỗ khó dịch nữa, song tôi kể đại-lược mấy điều hay xảy ra.

4o Vả lại tiếng Pháp là thứ « tiếng nhiều vần » (*langue polysyllabique*). Một tiếng có nhiều vần ghép lại, song lúc đọc phải đọc liền một hơi mà có vần nặng vần nhẹ, đem dịch ra tiếng ta là thứ « tiếng một vần » (*langue monosyllabique*) thành ra đọc những vần ấy rời-rạc ra, vần nào cũng như vần nào, khó hiểu lắm.

b) Vậy thời nên viết chữ Pháp trước. Viết thế thời đọc mới đúng được. Mấy chữ dễ mà người đã biết quốc-ngữ đọc được như *Kant*, *Lamartine*, *Martin*, v. v., thời không chua cách đọc theo tiếng ta cũng được. Còn những chữ khó đọc hoặc cách đọc không giống cách đọc vần Pháp như *Washington*, *Newcastle*, thời nên chua cách đọc bên cạnh ; mà có chua thế cũng là tạm đó mà thôi, để giúp những người chưa biết đọc, chớ chính cốt là phải đọc theo nguyên-âm cho đúng.

— Nếu bảo rằng : đọc theo nguyên-âm không được gọn-gàng không được êm tai, sao lại không đem những tiếng ấy mà dịch ra tiếng ta, song dịch một cách vắn-tắt lấy những vần cốt, bỏ vần phụ hoặc khó dịch đi, hoặc thay đổi giọng đọc đi một ít ; tỉ như *Marne*, *Roumanie*, *La Fontaine*, thì dịch là *Mạc*, *Lỗ-mã-ni*, *Lã-phụng-tiên*. Điều ấy cũng có lẽ. Song đã định dịch thì dịch cho thiệt đúng ; nếu dịch rở-rang thế thời nghe cũng không hiểu được nguyên-văn, thà dùng chữ Tàu còn hơn, phần nhiều họ đã dịch sẵn sàng cả rồi, tội gì mà mất công vô-ích.

— Nếu bảo rằng sao người Tầu người Nhật dịch được mà mình không chịu dịch ; song phải biết họ có dịch nữa cũng là đại-khái mà thôi, không được đúng nguyên-âm hẳn. Vả lại thế họ cũng phải dịch, không dịch không được. Vì sao ? họ không thể viết hẳn chữ các nước Âu-châu được vì người xem không ai đọc được mà không ai hiểu chi cả. Chớ chữ quốc-ngữ ta viết theo vần la-tanh cũng là cùng một lối vần (*alphabet*) với phần nhiều các nước Âu-châu dùng ; nếu để nguyên văn còn có thể đọc thể hiểu được. Mình được hơn họ cái ấy, tội gì không dùng.

Nói tóm lại thời các tên riêng nên viết chữ Pháp trước mà những chữ nào khó đọc thì chua âm bên cạnh[1].

B. Trừ ra : 1° Những tên của Tàu, vì mấy nghìn năm nay ta đọc đã quen đi rồi thời nên theo cách đọc chữ nho của ta mà dịch. ví dụ : Quảng-đông, Vân-nam, v. v.

2° Những tên mà ta đã gọi quen theo lối chữ nho hoặc lối khác, bây giờ nghe ai cũng hiểu thời nên để như cũ. Như những tên này : tên ngũ-đại-châu : *Âu*, *Á*, *Phi*, *Mỹ*, *Úc* ; ngũ-đại-dương : *Thái-bình-dương*, *Đại-tây-dương*, *Ấn-độ-dương*, *Bắc-băng-dương*, *Nam-băng-dương* ; tên mấy nước : *Mỹ*, hoặc *Hoa-kỳ*, *Thổ-nhĩ-kỳ*, *A-rập*, *Ấn-độ*, *Xiêm*, *Nhật-bản*, *Anh*, *Nga*, *Pháp*, *Đức*, *Áo*, v. v.

II — *Cách dịch tiếng về khoa-học triết-học và kỹ-nghệ*

(Termes scientifiques, philosophiques et techniques)

Có hai cách dịch : 1° đặt tiếng mới ; 2° mượn tiếng nước ngoài.

A. Đặt tiếng mới (*formation des néologismes*). Đặt tiếng mới nghĩa là : 1° lấy những tiếng An-nam (hoặc tiếng nước khác mà đã thành tiếng An-nam rồi) nguyên trước chỉ nghĩa này mà dùng theo nghĩa mới. Ví dụ : tiếng *mũ* nguyên trước chỉ « cái vua cùng các quan đội trên đầu khi có lễ-tiết gì và những người có phận-sự đội khi tế lễ » ; từ khi có người Pháp sang đây, ta bắt-chước đội thứ nón tây, thời

(1) Tôi nói nên theo nguyên-văn nguyên-âm chữ Pháp, là chỉ ở các bài, các sách về khoa-học, hoặc cần phải đúng mới được. Còn khi làm thơ văn cần phải theo âm-điệu ta cùng khi dịch sách văn-chương ngoại-quốc như tiểu-thuyết, kịch-văn, ngụ-ngôn v.v. đến các tên tác-giả bầy đặt ra không cần phải đúng nguyên-âm cũng được, thời có thể dùng chữ nho hoặc dịch ra tiếng ta hơi lơ-lớ cũng được. Như Mai-nương-Lệ cốt (*Manon Lescaut*), Lỗ-bình-sơn (*Robinson*).

cũng gọi là *mũ* : tiếng *mũ* nguyên chỉ một nghĩa, bây giờ dùng chỉ nghĩa mới, thành ra cũng như đặt một tiếng mới mà dùng ; 2° ghép những tiếng An-nam đã có rồi thành một « tiếng-chắp » mới để chỉ nghĩa mới : như những tiếng *xe-lửa*, *tàu bay*, *quạt máy*, *xe điện*, v. v.. Những tiếng ấy đều là ghép những tiếng đã có rồi để chỉ một vật mới, một ý mới.

Song đặt tiếng mới mà muốn cho thông-dụng thì những tiếng ấy không những là phải đúng nghĩa, đủ nghĩa không lầm lẫn mà lại còn phải gọn-ghẽ, nhã-nhặn mới được. Nếu mà đặt được những tiếng mới đủ tư-cách như những tiếng kể trên này, thời tôi thiết tưởng đặt tiếng mới ra mà dịch tiếng khoa-học, triết-học và kỹ-nghệ thật là một cách hay nhất, nên dùng nhất, vì tiếng là tiếng nước mình, có cái tinh-thần riêng, có cái thú-vị riêng, mà người thường-dân cũng dễ hiểu dễ nhớ.

Ngặt vì một nỗi : đặt được những tiếng đủ tư-cách như thế để cho mọi người công-nhận mà dùng thật là rất khó. Làm sao cho được đúng nghĩa và đủ nghĩa ; lại làm sao cho được gọn-ghẽ và nhã-nhặn thì người ta mới chịu dùng. Ngay như những tiếng mà thày Ng. H. V. khổ-tâm tận-lực đặt ra mà cũng chưa đủ tư-cách còn có người bẻ. Khó lắm thay là sự đặt tiếng mới ! Phải biết rằng những tiếng mới đặt ra mà được đủ tư-cách như trên kia là phần nhiều bởi người thường-dân đặt ra cả (*formation populaire*). Cả một bọn người trông thấy một vật mới, dùng một vật mới, cái hình-ảnh vật ấy in vào trong óc, bấy giờ muốn gọi vật ấy thời tự nhiên từ trong não bật ra một tiếng mới, cái tiếng ấy đã ngấm-ngầm tự bao giờ hốt-nhiên phát-hiện ra, nên thường thường đúng mà hay. Đã đành rằng cũng phải có một người thiêng miệng đặt ra cái tiếng ấy trước nhất, rồi người khác theo đó mà dùng ; song phải biết cái bọn người kia không phải là ngu-ngốc, bạ tiếng nào dùng tiếng ấy đâu, tất cái tiếng đặt ra có đủ tư-cách, hợp với cái ý-tưởng của mọi người, thì cái tiếng ấy mới thông-dụng được. Bằng không thì cái tiếng ấy ra đời chẳng bao lâu mà phải chết. Phải biết về đường tiếng nói, cái quyền là ở bàn-dân nhiều, không phải ở mấy người đặt đổi được. — Lại khốn về một nỗi nữa : là những tiếng dân đặt ra mà được hay được đúng thế, thời phần nhiều là những tiếng thường dùng không có không được, nên cái số tiếng đặt rait quá, còn biết bao nhiêu tiếng về khoa-học triết-học và kỹ-nghệ chưa có.

Vậy đương lúc bây-giờ, những vật mới ý mới mà xưa nay ta chưa dùng đến chưa nghĩ tới, thì lấy tiếng gì mà gọi ? Tiếng cũ thì không có, đặt tiếng mới thì khó khăn, biết bao giờ đặt cho xong, mà có tiếng (như những tiếng này : *algèbre*, *économie politique*, *métaphysique*, *déduction*, *induction*, *syllogisme*, v. v.) đặt sao cho nổi. Thế thời tất phải mượn tiếng nước ngoài. Nói đến sự đi mượn thời tôi cũng cực-tâm, song thế tất phải thế, biết làm sao bây giờ. Xem ngay như nước Pháp, tiếng nói cũng đã là rõ-ràng sung-túc, mà đến lúc có một cái vật mới, ý mới nào về khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ chưa có tiếng gọi, có lấy tiếng mình có rồi mà ghép lại thành chữ mới đâu, phần nhiều cũng phải chịu đi mượn tiếng ngoài ; cũng có tiếng nước ngoài đã có sẵn thời mượn theo nguyên-văn, hoặc thay đổi đi ít nhiều như những tiếng : *tungstène* (theo tiếng Đức : *tungstein*), *quartz* (theo Đức : *quarz*), *dolman* (theo y Đức) ; — *chèque* (theo Anh : *check*), *coke* (theo y Anh) ; — *attitude* (theo Italie : *attitudine*), *banque* (theo

Italie : *banca*) *v. v.* ; — Song phần nhiều là mượn tiếng la-tinh và tiếng *grec* (hi-lạp) ghép lại thành tiếng mới, như những tiếng *mammifère*, loài có vú (bởi la-tinh : *mamma* (vú) và *ferre* (mang) ; — *hydrogène*, khinh-khí (bởi tiếng hi-lạp *udôr* (nước) và *gennân* (sinh ra), vì khinh-khí hợp với dưỡng-khí sinh ra nước. Sao những tiếng ấy không đặt là « *pyrte-mammelles* » (nghĩa là mang vú, cũng hệt như chữ *mammifère*) và « *engendre-eau* » (nghĩa là sinh ra nước cũng hệt như chữ *hydrogène* ? Không đặt được thế là vì tuy những tiếng ấy có đúng nghĩa thật, song không được gọn-ghẽ, không được nhã-nhặn, mà lại có khi nhầm-lẫn nữa. Xem cái gương đó thời đủ biết rằng ta cũng phải mượn chữ ngoài.

B — Cách mượn tiếng ngoài (*Emprunts étrangers*). Đã đành rằng phải mượn tiếng ngoài, mà mượn nước nào? Có hai dẳng : 1°) Mượn tất cả các thứ tiếng trong hoàn-cầu ; 2°) Mượn riêng một thứ tiếng nào.

1° — Mượn tất cả các thứ tiếng. Điều đó nói lên chắc ai cũng bảo là không được, là vì nhiều lẽ :

a) Tiếng trong hoàn-cầu rất nhiều, lấy lệ gì tiếng nào nên mượn nước nào, không nên mượn nước nào ?

b) Cứ hiện-tình nước ta bây giờ, chưa có giao-tiếp với cả các nước, chưa từng học tiếng đọc sách cả các nước, vậy không biết nói biết viết tiếng người ta thì mượn làm sao được ?

Chắc có người bẻ tôi rằng : thế sao trong những « tiếng-mượn » của nước Pháp không phải của riêng một nước nào, mà là của nhiều nước : nào là tiếng mượn của nước Đức (như : *caleche*, *bière*, v. v.), của nước Anh (như : *antilope*, *comité*, v. v.), của Italie (như : *affront*, *aquarelle*, v. v.), của Espagne (như : *adjudant*, *bagasse*, v. v.), nào lại tiếng mượn của A-rập (như *alambic*, *alcool*, v. v.), của Perse (Ba-tư) (như : *azur*, *bazar*, v. v.), của Ấn-độ (như : *mandarin*, *banane*), của Tầu (như *thé*) ; nào lại tiếng mượn của châu Úc (như : *gutta-percha*, *Orang-outang*), của châu Phi (như *zèbre*, *maki*), của châu Mỹ (như : *ananas*, *cacao*) v. v... Tôi xin trả lời rằng : tất cả những tiếng mượn như thế không phải là một vài người học tiếng đọc sách nước ngoài đem dùng mà bắt người ta theo được đâu, chính là cả một bàn-dân mượn ; mà mượn thế không phải là vu-vơ mà mượn đâu, là bởi cái sự giao-thiệp (hoặc vì chính-trị như đánh nhau lấy thuộc-địa, vì kỹ-nghệ, v. v.) của dân Pháp với dân ngoại-quốc : một vật mới, một ý mới phải dùng đến, phải nghĩ tới, mình không đặt được tiếng mới mà gọi, nên phải mượn tiếng ngoài đã có, lẽ ấy là tự-nhiên ; mà mượn cũng không phải là theo y như nguyên-âm, tất có thay đổi trong cách đọc cách viết ít nhiều, sao cho gọn-ghẽ, nhã-nhặn, dễ đọc dễ nghe, có khi nguyên-âm dài làm thành ngắn, khó đọc làm thành dễ đọc, như tiếng *arquebuse* nguyên Italie là *archibuso*, tiếng *calèche* nguyên Đức là *kalesch* ; họa là chỉ có những tiếng nguyên-âm mà cũng đã gọn-ghẽ nhã-nhặn thì mới theo y như hệt, những tiếng đó là cả một bàn-dân mượn theo lẽ tự-nhiên, nên thường thường vẫn gọn-ghẽ, nhã-nhặn, dễ đọc dễ nghe, mà cũng bởi các sự giao-tiếp về đường chính-trị, thương-mại, hoặc kỹ-nghệ, v. v. ; như những tiếng *Sà-phòng*, *kỷ-ninh*, rượu *vang*, rượu *sâm-banh*, nhà *ga*, là bởi tiếng Pháp *savon*, *quinine*, *vin*, *champagne*, *gare*, v. v. — ; *mãn-sế* bởi tiếng Tầu, — *bồi*, *bi-tết* bởi tiếng nước Anh, v. v..... Như những tiếng đó thì ai mà không dùng, song đó là cả bàn-dân mượn và thay đổi đi, chớ không phải ở một vài người đặt-để được.

Vậy thì ta bây giờ không thể mượn tiếng của các nước được, phải mượn riêng một thứ tiếng nào.

2° — Mượn riêng một thứ tiếng. Tất là ta mượn thứ tiếng nước nào ta có giao-thiệp với, ta có học, đọc được, viết được. Hiện bây giờ thời có tiếng Pháp và chữ nho.

a) Tiếng Pháp. Ta có thể mượn tiếng Pháp được không? Thưa rằng không. Bởi tiếng Pháp là thứ tiếng không đồng-chủng với tiếng ta. Tiếng Pháp là thứ tiếng « một chữ nhiều vần » (*langue polysyllalique*), trong một tiếng có nhiều vần mà có vần đọc nặng, có vần đọc nhẹ ; tiếng ta là thứ tiếng « một chữ một vần » (*langue monosyllabique*), một âm là một tiếng mà tiếng nào đọc cũng bằng nhau. Vì lẽ ấy nên ta không mượn tiếng Pháp được. 1° — Có khi một vật gì phải nhiều tiếng Pháp mới chỉ được mà có tiếng Pháp lại nhiều vần quá ; đọc theo lối Pháp thời các vần một tiếng đọc liền với nhau còn chóng, chớ đọc theo lối ta rời-rạc lâu quá ; như những tiếng *azotate de potassium* (9 vần), *sulfate d'argent* (5 vần) v. v., 2° — Tiếng Pháp có nhiều chỗ khó đọc lắm, trừ những người đã học tiếng Pháp không kể, còn người thường không đọc sao cho đúng ; như những vần-câm (*syllabes muettes*), những chữ không-âm đứng rời (*consonnes isolées*), những chữ *r*, *s*, *x* (như ở trên đã nói). Chắc có người bảo rằng : sao không đem tiếng Pháp mà dịch ra lối An-nam, chỗ khó đọc bỏ đi, miễn cho gọn ghẽ dễ đọc thì thôi, có hơi lơ-lớ sai chính-âm cũng được. Song có một điều bất-tiện là : người nước ta học chữ Pháp càng nhiều, chắc những tiếng dịch ra thế, những người ấy không chịu đọc theo lối sai hơi lơ lớ, tất đọc đúng theo nguyên-âm, lẽ ấy tất-nhiên ; thế mà những người thường không học chữ Pháp lại đọc theo lối dịch ra, thành ra hai đằng đọc khác nhau, rất lôi thôi mà có khi không hiểu nhau nữa. 3° — Nếu mượn tiếng Pháp, cái lối đọc khác mà một tiếng có khi dài quá, thời khó đọc khó nhớ, không tài nào mà thông-dụng đi được ; như những tiếng kể trên kia thời bao giờ cho những người thường, đàn bà trẻ-con nhớ mà nói quen đi được. — Chắc có người bẻ lôi rằng : thế sao những các tên riêng chỉ người, đất, v. v. thì mượn tiếng Pháp mà đọc theo nguyên-âm Pháp mà đến những tiếng về khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ lại không mượn ? Tôi xin trả lời rằng : vì nhiều lẽ : 1° — Tên riêng cần phải đúng âm, như tên ông *Washington* thời phải đọc chung là « *Oua-chin' gh-ton'* » (theo lối đọc Pháp), chớ đọc khác đi như « *Hoa-thi ah-đốn* » thời giá chính ông ấy nghe thấy gọi tên cũng không hiểu. Chớ như những tiếng về khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ thời là tiếng chung, muốn đặt tiếng gì cũng được, không phải nệ theo nước nào. 2° — Cái tiếng chỉ tên riêng không tài nào dịch đúng ra lối An-nam được, nên đành theo nguyên-văn cùng nguyên-âm của Pháp, điều đó là bất-đắc-dĩ. Chớ như các tiếng về khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ còn có cách khác dịch được thì sao ta chịu dùng cái cách cuối cùng ấy. Cách dịch ấy tức là cách mượn chữ nho.

b) Chữ nho. Nên mượn chữ nho vì hai lẽ : một lẽ về thực-tiễn và một lẽ về lý-thuyết.

1° Lẽ về thực-tiễn (*raison pratique*). Người Tàu học khoa-học cùng triết-học Thái-Tây cũng đã nhiều, nên những tiếng về khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ, họ dịch cũng đúng và gần đủ hết. Bây giờ ta mượn chữ nho thì vừa tiện vừa chóng.

2° Lẽ về lý-thuyết (*raison théorique*). Ta xem như nước Pháp, khi có một vật gì mới, ý gì mới, muốn đặt tiếng

mới ra dùng, thời chỉ mượn tiếng la-tinh và tiếng Grèce (Hi-lạp) ghép lại thành tiếng mới. Đây là tôi nói về những tiếng các ông bác-sĩ đặt ra (*formation savante*), mà những tiếng khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ phần nhiều là ở các ông ấy đặt ra cả. Số dân đặt ra (*formation populaire*) it lắm. Tại sao mà nước Pháp mượn tiếng la-tinh và tiếng *grec*? 1° Những thứ tiếng ấy đồng-chủng với tiếng Pháp, cách đọc giống nhau. 2° Tiếng Pháp phần nhiều là gốc ở la-tinh và ít nhiều gốc ở tiếng *Grec*, vả lại trong tiếng la-tinh, cũng có nhiều tiếng bởi chữ *grec* mà ra. Nếu lấy tiếng la-tinh và *grec* chắp lại thành tiếng mới, thời người xem dễ hiểu và có thể luận nghĩa được, như tiếng *photographie* (bởi tiếng *grec*: *photos* : ánh sáng, và *graphein* : viết) người nào đã hiểu nghĩa hai chữ *photos* và *graphein* thì luận nghĩa ngay ra được là cách « viết bằng ánh sáng » tức là cách « chụp ảnh », *mammifère* (bởi la-tinh : *mamma* : vú, và *ferre* : mang) người nào đã hiểu hai tiếng *mamma* và *ferre* thì luận nghĩa ngay ra là loài « có vú » ; 3° tiếng la-tinh và nhất là tiếng *grec*, là những thứ tiếng đủ nhất, đúng nhất trong các thứ tiếng Thái-Tây, nên các ông bác-sĩ mượn hai thứ tiếng ấy.

Nước ta bây giờ cũng vậy : phải mượn thứ tiếng nào đồng-chủng với tiếng mình, lối đọc giống nhau ; phải mượn thứ tiếng nào mà tiếng ta gốc ở đó mà ra ; lại phải mượn thứ tiếng nào sung-túc, đúng-nghĩa, rõ-ràng. Thứ tiếng họp đủ ngần ấy tư-cách chỉ có chữ nho mà thôi. 1° Chữ nho lối đọc giống tiếng ta, dễ nói dễ nhớ, có thể chóng thông-dụng được. Chắc rằng tiếng *khinh-khí* còn dễ đọc dễ nhớ, chóng thông-dụng hơn là tiếng *hydrogène* ; 2° Tiếng An-nam gốc ở chữ nho nhiều : bây giờ mượn chữ nho thời phần nhiều là chữ quen, đã hiểu nghĩa, nên luận nghĩa ra cũng dễ : như chữ *toán-học* thời nhiều người đã hiểu nghĩa chữ *Toán* và chữ *học*, ghép hai chữ ấy lại thành tiếng mới thời cũng dễ luận nghĩa ra là « học tính » ; 3° Hội các thứ tiếng đồng-chủng với tiếng ta, thời có chữ nho là sung-túc, đúng nghĩa, rõ-ràng hơn cả : Cái chứng-cớ hiển-nhiên là biết bao tiếng chữ nho có mà tiếng mình cùng tiếng đồng-chủng với mình không có ; vả lại nếu chữ nho không sung-túc, rõ-ràng, minh-bạch, thì làm sao mà dịch được đúng và gần hết các tiếng mới về khoa-học, triết-học và kỹ-nghệ ?

Còn những các lẽ sợ mượn chữ nho nhiều quá lâu dần tiếng ta thành ra tiếng Tàu, cùng người Tàu là thù-nghịch với mình không nên mượn tiếng họ, thời tôi thiết-tưởng không được chính-đáng. 1° Tuy chữ nho là chữ Tầu thật, song lối đọc khác hẳn lối đọc người Tầu thời khi nào tiếng ta thành ra tiếng Tầu được, vả lại bây giờ mới mượn, nghe còn lạ tai, chớ lâu dần nói quen thời những tiếng mượn ấy cũng thành ra tiếng An-nam y như những tiếng *áo*, *quần*, *thuyền*, *đình*, *miếu*, *xã*, *lồng*, v. v. nguyên trước cũng là bởi chữ nho mà ra cả 2° Nếu người Tầu là kẻ tranh quyền cướp lợi với mình về đường kinh-tế thì ta ghét người, chớ có việc gì mà ghét đến tiếng.

Vậy thời các tiếng về khoa-học, triết-học, kỹ nghệ, ta nên mượn chữ-nho mà dịch. Trừ ra những « tiếng mới » của bàn-dân đặt ra (như : tầu-bay, tầu-ngầm, xe-lửa, xe-điện, xe-hơi, xe-đạp, v. v.) và những tiếng của bàn-dân mượn dùng quen (như : sà-phòng, dầu-săng, xe ô-tô, boong-tàu, sà-lan, v. v.) và bây giờ nói quen đã thành tiếng ta rồi thì nên dùng những tiếng ấy, không cần phải lấy chữ-nho mà dịch nữa.

Song đương lúc bây-giờ là buổi giao-thời, các người cựu-học xem sách nho thời nhớ tiếng chữ-nho, các người tây-học xem sách tây lại nhớ tiếng tây. Bây giờ định các tên-riêng chỉ người đất thì mượn tiếng Pháp mà các tiếng về khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ thì mượn chữ-nho, thật là bất-tiện cho lúc nói truyện khi viết văn, hoặc quên hoặc không biết một chữ gì, thời biết tìm tòi tra-cứu ở đâu.

Muốn cho khỏi điều khó-khăn ấy thì tôi thiết-tưởng bào-quán *Nam-phong* nên nhặt các tiếng chỉ tên riêng cùng các tiếng về khoa-học, triết-học, kỹ-nghệ (những tiếng nào cần-dùng đến, vì nếu muốn góp nhặt tất cả, thì nhiều quá mà cũng vô-ích) góp lại làm thành một quyển tự-điển con vừa chữ Pháp, vừa chữ nho, vừa chữ quốc-ngữ, như thế thì các người cựu-học, tra đó mà biết chữ Pháp, người tây-học tra đó mà biết chữ nho.

Cách xếp-đặt quyển tự-điển ấy thiết-tưởng nên làm như vầy :

Chia làm hai phần :

1° phần thứ nhất lại chia làm hai đoạn. — *a*) Đoạn thứ nhất tóm nhặt cả các tiếng chỉ tên riêng, viết chữ Pháp trước chua cách đọc đứng bên cạnh, rồi để tiếng chữ nho đối với. Tỉ như : 10. Autriche-Hongrie (ôt' ri ch ◡ hông ◡ g ◡ ri) 奧國 (số để đầu là *số chữ*). Đó tôi tạm nghĩ cái cách chua âm như thế (◡) mới đúng được : những cái rấu cong để sen vào hai vần nghĩa là phải đọc liền cho nhanh, đừng đọc rời-rạc như lối đọc tiếng ta ; — rấu phẩy (') để bên cạnh một chữ không âm là thay cho chữ *o*, song vần ấy không được đọc mạnh, phải đọc hơi nhẹ mới được. Những tiếng nào nên theo chữ nho (như : Pháp, Anh, Nga, vân vân), hoặc theo lối đọc khác (như : ả-rập, la-tinh, vân vân) thời cũng chua vào. — *b*) Đoạn thứ nhì tóm nhặt các tiếng về khoa-học, triết-học và kỹ-nghệ thì lấy tiếng Pháp làm gốc rồi dịch tiếng ấy ra chữ nho (Viết hẳn chữ nho) chua âm quốc-ngữ bên cạnh rồi thích nghĩa thật đúng mà thật vắn (Như cách thích-nghĩa những tiếng tự-vựng của *Nam-phong* làm). Thích nghĩa thế là cho người xem biết nghĩa chữ nho thì mới dễ hiểu dễ nhớ được. Tỉ như : 25 HYDROGÈNE 輕氣, *khinh khí*, (khí nhẹ) = Thứ nguyên-chất về thể hơi nhẹ nhất trong các khí và hợp với dưỡng-khí thành ra nước (tiếng hóa-học). — Thứ-tự thì theo chữ đầu tiếng (ordre alphabétique).

2°) ở phần thứ nhì cũng chia làm hai đoạn : một đoạn về tên riêng, một đoạn về các tiếng khoa-học (v. v.) thì lấy chữ quốc-ngữ làm gốc, nhặt hết cả các tiếng có dùng ở phần thứ nhất, xếp theo chữ đầu tiếng ; song không chua chữ Pháp, chữ-nho mà cũng không thích nghĩa gì cả, chỉ để rõ bên cạnh số trang, số chữ theo phần thứ nhất để người xem tìm cho dễ. Tỉ như :

Khinh-khí **10** 25 (chữ số to mà viết đứng là chỉ số trang ; chữ số nhỏ viết ngả chỉ số chữ).

Làm như thế thì người biết chữ Pháp tìm cũng được, mà người biết chữ nho tìm cũng được, tiện cả hai đằng.

Tôi thiết-tưởng báo-quán *Nam-phong* làm quyển tự-điển con ấy in làm một kỳ phụ-trương báo, và in thêm ra để bán cho người ngoài, tính giá rẻ cho nhiều người mua được, thời thật là làm thành một việc có ích cho quốc-dân. Tôi lấy làm mong lắm.

III

Tiếng về Văn-chương

(Termes littéraires)

Cái giới-hạn phân-rẽ các tiếng về văn-chương cùng các tiếng về khoa-học, triết-học, và kỹ-nghệ cũng khó mà định cho minh-bạch được. Biết bao tiếng vừa dùng ở sách văn-chương, vừa dùng ở

sách khoa-học, v. v. Song có một điều chắc, là có nhiều tiếng không thuộc riêng về một khoa-học nào, về một nghề nào (những tiếng ấy tất đã học qua, làm qua mới hiểu được), mà những người học-vấn-trung-bình cũng hiểu được : chính những tiếng đó là thuộc về văn-chương.

Các tiếng về khoa-học, triết-học và kỹ-nghệ chỉ những vật mới, ý mới, xưa nay mắt ta chưa trông đến, trí ta chưa nghĩ tới, nên tiếng ta thiếu nhiều. Còn những tiếng về văn-chương chỉ các ý-tưởng ta từng nghĩ tới nên tiếng ta đã có nhiều. Vậy nhiều tiếng chữ nho có mà tiếng ta cũng có, vừa hay vừa đúng bằng tiếng chữ nho ; tôi thiết-tưởng như những tiếng đó, thời khi nói truyện lúc viết văn nên hết sức dùng tiếng ta mà đừng dùng tiếng chữ nho. Cũng có khi một tiếng chữ nho có nhiều nghĩa, mà tiếng ta cũng đủ tiếng chỉ những nghĩa ấy, thì tôi thiết-tưởng cũng nên dùng tiếng ta, tự mình liệu chọn lúc nào nên dùng tiếng nào cho đúng nghĩa ; vì tội gì tiếng nước mình có lại không dùng, mà dùng thế chắc có nhiều người hiểu hơn, chớ dùng chữ nho lắm người không hiểu. Có nhiều ông biết chữ nho lúc nói truyện khi làm văn, buột mồm ra dùng thật nhiều chữ nho quá ; điều đó tôi không dám trách các ông, vì người ta biết một thứ tiếng gì, đã từng xem xét nghĩ ngợi bằng thứ tiếng ấy, thời vẫn có cái khuynh-hướng hay dùng thứ tiếng ấy ; xem ngay như các ông tây-học bây giờ ngồi nói truyện thường hay chêm tiếng Pháp vào thì biết : đã đành rằng cũng có nhiều vật, nhiều ý các ông ấy biết tiếng Pháp mà không biết tiếng ta nên phải dùng tiếng Pháp, song có nhiều tiếng ta có mà cũng buột mồm nói ra. — Vả lại những tiếng chữ-nho các ông nói hoặc viết ra, tự như các ông thời cho là dễ hiểu, rất tầm-thường, có khi cũng không nghĩ tới là chữ-nho nữa ; song có ngờ đâu rằng những người nghe người xem phần nhiều kém hoặc không biết chữ-nho, thành ra nhiều tiếng không hiểu ; vả bây-giờ người học chữ-nho càng ngày càng ít, mà học chữ Pháp càng ngày càng nhiều, thế thời khi các ông nói câu truyện, viết bài văn, chắc muốn cho nhiều người hiểu, vậy tất phải hết sức dùng tiếng An-nam tiếng nào đúng mà hay dùng được thì dùng. Tôi cũng biết rằng điều tìm tiếng ta dùng thay cho chữ-nho là một sự hơi khó-khăn cho các ông, vì phải đánh đổ một cái thói-quen đã tiêm-nhiễm tự lâu ngày rồi, song bụng các ông muốn nói có người nghe kẻ hiểu, thời có ngại gì cái công khó nhọc ấy ? Vả chăng sự khó-khăn đó cũng chỉ là lúc ban-đầu, lâu dần thành quen thì cũng dễ.

Tôi nói nên dùng tiếng An-nam là chỉ những tiếng nào ta có mà cũng đúng cũng hay bằng tiếng chữ-nho, chớ không dám bảo bỏ hết chữ-nho không nên dùng. 1° — Những tiếng nguyên trước là chữ-nho mà bây giờ nói đã quen ai cũng hiểu thì việc gì mà không dùng. 2° — Những tiếng ta không có, hoặc có mà không được đúng nghĩa, đủ nghĩa, hoặc gọn ghẽ, nhã-nhặn thì cũng phải dùng chữ-nho. Cái điều tiếng nào nên dùng chữ-nho hay không là tự các ông nói truyện viết văn kén-chọn và định-liệu.

IV

Sự học tiếng An-nam.

Lạ thay cho nước mình ! Có tiếng nói mà không hề ai học tiếng, không dâu dạy cách dùng tiếng, không sách nào nói đến nghĩa tiếng cùng mẹo đặt câu. Điều đó là tự xưa nay ta học chữ-nho, thi-cử, thơ-từ, sách-vở đều dùng chữ-nho, khinh dể tiếng nôm cho là thứ tiếng để nói truyện thường. Họa có người làm thơ văn nôm được hay, thời cũng chẳng qua là nhờ lúc cao-hứng, tài thiên-bẩm, chớ chưa từng ai nghiên-cứu học-hành tiếng An-nam cả.

Điều đó thật là một điều khuyết-điểm to. 1° — Vì một thứ tiếng tất có học-hành tra-xét thì mới biết được cái tiếng nói nguyên-ủy ở đâu mà ra, trưởng-thành thế nào : vì một tiếng cũng như một người, có cái lịch-sử riêng sinh bởi đâu, lớn thế nào, thay hình đổi dạng thế nào (*vie des mots*), mà có biết thế thời mới biết được minh-bạch các nghĩa một tiếng, nghĩa-đen, nghĩa-bóng. — Đã biết đúng nghĩa thì mới khỏi dùng những chữ thô-tục, những tiếng chắp bậy (là những chữ chắp hai hoặc nhiều chữ lại mà không có nghĩa lý gì) = (*mot correct*); — mới biết « tiếng đúng » = (*mot propre*): vì trong các tiếng có thể tỏ được một ý-tưởng gì, chỉ có một tiếng là thật đúng, chính phải dùng tiếng ấy — 2° Vì có học thời mới biết cách chắp tiếng thành câu ; chắp câu thành đoạn sao cho đúng mẹo = (*correction*) ; — lại sao cho rõ-ràng = (*clarté*), tự-nhiên = (*naturel*), điều-hòa = (*harmonie*), lúc thời phải bình-dị = (*simplicité*), lúc thì phải hùng-hồn = (*sublimité*). lại có lúc phải giữ mực trung-bình = (*tempérance*).

Vậy ta phải học tiếng an-nam mới được, nhưng nên học thế nào ? — Cứ như hiện-tình nước ta bây giờ, thiệt là may cho sự học tiếng an-nam lắm. Trong các trường học đã có giờ học tiếng an-nam, nào đọc sách, nào làm văn quốc-ngữ ; thi-cử giấy-má có dùng chữ quốc-ngữ ; sách quốc-ngữ đã thấy xuất-bản, nào sách về văn-chương, nào sách về khoa-học, cũng đã có sách dậy mẹo làm văn. Thế là đã có chỗ học, đã có thầy dậy, đã có sách xem, thế mà ta không chịu cố gắng thì chẳng uổng lắm ru ? Song sự học tiếng muốn cho có kết-quả thì không phải tự một vài người, mà cũng không ở một quãng đời người mà thôi đâu. Tất là cả ai ai cũng phải học, tất là học ngay tự lúc bập-bẹ nói cho mãi đến giờ. Vậy thì :

1° — Khi ở nhà, cha anh là người có kiến-thức, có lịch-duyệt hơn các con em phải nên dậy bảo chúng nó. Tôi nói đây không phải là tất cứ đọc sách làm văn mới được, ngay những lúc nói chuyện mình chỉ bảo cắt nghĩa cho chúng nó, hoặc có lầm lỗi thì mình bẻ mà sửa lại. Điều đó mới nghe thời cho là lạ và phiền, chớ thực thì rất là tự-nhiên : người Pháp thường cha anh bẻ sửa con em, thầy giáo bẻ sửa học trò. Lại nên bắt chước cái gương tốt đó.

2° — Ở nhà trường. Học trò đi học, cái trách-nhiệm của ông thày là phải dậy cho chúng nó biết nói biết viết tiếng nước nhà. Cái thì-giờ của trẻ-con ở nhà trường rất là can-hệ cho sự học tiếng, vì ở nhà chẳng qua cũng là dự-bị, mà ra khỏi trường thời tự nó phải học thêm. Chính là khi ở trong trường ông thày phải dậy-dỗ chỉ-bảo sao cho nó đủ tiếng mà dùng, lại sao cho nó đủ sức để sau học được một mình. Vậy các ông không nên lấy sự dậy tiếng an-nam làm thường mà nên đem cách dậy tiếng Pháp mà dậy tiếng ta. Khi đọc sách, lúc làm văn, cũng phải thích-nghĩa những tiếng nào học-trò không hiểu hoặc hiểu mập-mờ (nhất là những tiếng chữ-nho hoặc về các khoa-học), chỉ bảo mẹo chắp chữ, cách chọn tiếng, lối đặt câu ; các lớp lớn thời nên nói đến lịch-sử các tiếng (*vie des mots*) (nguyên-ủy, trưởng-thành, nghĩa-đen nghĩa-bóng, cách thay đổi, v. v.), đến sự làm văn (các thể văn, cách làm văn : dàn bài, ý-tứ, lời lẽ, cái tinh-chất của văn-chương) Nếu các ông tận-tâm dậy-dỗ thời học-trò chẳng bao lâu mà biết nói tiếng an-nam, biết làm văn quốc-ngữ. Trông ở các ông lắm.

3° — Lúc ra đời. Song học ở trong trường cũng chưa đủ. Chẳng qua là có cái nền đó mà thôi : ra khỏi trường là có thể học một mình được, song

phải học nữa mới được. Phải mua sách mua báo mà coi, xem xét nghĩa các tiếng (nhất là về khoa-học, kỹ-nghệ càng ngày càng nhiều), phân-biệt văn nào hay, văn nào dở, tại sao mà hay mà dở. Lúc viết thơ-từ, khi làm bài văn không nên bạ sao viết vậy, phải nghĩ-ngợi sửa sang làm sao cho chữ dùng đúng, thời văn mới hay. Như thế thời mới mỗi ngày mỗi biết rộng thêm ra được.

Bài luận-thuyết có phần khí dài quá là vì tôi muốn phát-minh các lẽ mà biện-luận phẩm-bình cho rõ-ràng minh-bạch, kẻo cứ nói quyết nên làm thế này hay nên làm thế khác mà không nói lẽ tại làm sao, sợ cứ đối-đáp nhau hoài mà vô-ích Xin các bạn đọc báo lượng cho.

DƯƠNG QUẢNG-HÀM
Sinh-viên trường Cao-đẳng-Sư-phạm

KÍNH-CÁO THANH-NIÊN

Thanh-niên ! Thanh-niên ! vẻ-vang thay ! oanh-liệt thay ! cái huy-hiệu ấy, sao không đặt cho những người lớn ba mươi tuổi sấp-tới, những cụ già sáu mươi tuổi trở lên, mà chỉ để phụng cho những cậu mười tám hai mươi đầu còn xanh, tuổi còn trẻ ? Các cậu được cái huy-hiệu vẻ-vang oanh-liệt như thế, sao nên khinh thường, sao nên nhận hão, lẽ nào lại không gắng tài gắng sức để khỏi cô-phụ cái vinh-danh? Đây xin vì các cậu thanh-niên ta thuật những điều lập-thân xử-thế phải nên chú-ý.

1° *Phải đoàn-luyện thân-thể.* — Cái tinh-thần kiện-toàn gửi ở trong cái thân-thể kiện-toàn, lẽ ấy tưởng bây giờ ai cũng đã hiểu hết. Coi ngày thường mình xem sách, làm việc, lúc nào trong mình khỏe mạnh, thì thấy tinh-thần sảng-khoái, mà nghĩa-lý mau hiểu, công việc mau xong ; còn lúc mệt nhọc, thì thấy tinh-thần đồi-bại, dù có dụng công hết sức đi nữa, cũng thấy chán thấy mỏi, luẩn-quẩn không cái gì ra cái gì. Thân-thể với tinh-thần mạnh yếu nó quan-hệ nhau như thế, không sớm biết lo cái kế tự-cường được ư ? Huống chi người ta thân-thể phát-dục, toàn tại lúc thanh-niên ; mất thời-cơ này, sau hối không kịp nữa. Không kể ăn-mặc cư-xử phải cho có tiết-độ, giữ hợp cách vệ-sinh, còn những phương-pháp vận-động để mạnh người, cũng kíp nên giảng-cứu. Lúc ở trong trường học, đừng bảo hôm nay có giờ thể-thao mới phải luyện-tập, ngày mai không công-khóa ấy thì đình-chỉ được. Lúc đi làm công việc, đừng bảo khi ở nhà trường có công-khóa thể-thao, phải luyện-tập cho bằng người, bây giờ không phải phí cái thì giờ ấy nữa. Bất-luận người nào, ngày nào cũng nên có một cái thì giờ để tập-luyện thân-thể ; cốt phải lượng thể-chất mình, tìm phương-pháp luyện-tập cho vừa phải, có thời-gian nhất-định, có trình-hạn thích-nghi, tuy bận công bận việc cũng không trừa, tuy trời nắng trời mưa cũng không bỏ ; thực-hành như thế, có ích cho thân-thể phát-dục thật nhiều ; có cái thân-thể kiện-toàn để chứa cái tinh-thần kiện-toàn, sự-nghiệp trong đời người tất gánh-vác được dư-dụ vậy.

2° *Phải ức-chế ngạo-khí.* — *Lão-ô bách tuế*, vẫn không bằng *phụng-hoàng sơ sinh* ; nhưng tự-thị quá cao, vụ hư-danh mà không chăm thực-tế, về đường tiến-đức tu-nghiệp có cái ảnh-

hưởng rất to, mà trên không kính, dưới không nhường, biện-sự sinh nhiều trở-lực, dù có tài có trí, cũng khó phát-triển cho được hoàn-toàn. Tỉ như học được hơi có trí-thức về nghề nông hay nghề công; chưa chịu tiềm-tâm nghiên-cứu cho đến đầu đến đuôi, đã vội chê mấy ông lão nhà-quê, mấy ông phó làm thợ ; cử-động như thế, túng-nhiên có giỏi đi nữa, cũng chẳng nên nuôi cái tính xấu vô-vị ấy để mất lòng người ; nếu mình chưa ra gì, thì cái tính xấu vô-vị ấy, lại làm trướng-ngại cho con đường tiến-bộ của mình một đời nữa. Đến như cái cách cùng người giao-tiếp, đừng phùng-nghênh siểm-mị ai thì chớ, còn cái lễ chu-toàn khoản-tiếp, khiêm-cung từ-tốn vẫn là hay ; nếu ăn nói lung-lăng, đi đứng lấc-cấc, đến nỗi người-ta chán, người-ta ghét, người-ta chê cười, đối với sự-nghiệp mình, thực có hại lắm. Kinh *Thư* nói : « Khiêm chịu thêm ; đầy hay đổ » ; Đức Khổng-Tử nói : « Có tài tốt như ông Châu-Công mà kiêu và lận cũng chẳng đủ khen. » Nên bội-phục hai lời nói ấy.

3e *Phải nhẫn-nại lao-khổ.* — Việc thiên-hạ không phải nhọc lòng sức mà kiểu-hãnh thành-công, gián-hoặc cũng có, nhưng lấy làm lệ thường sao được. Thử tự hỏi mình, có ai sinh ở trên đời, không làm nghề gì, không tinh việc gì, chịu làm khí-nhân, mục cùng cây cỏ mà thôi chăng ? Nếu đã có làm, có tính, thì bất-kì nghề gì việc gì tất cũng phải nhọc cân-cốt, khổ tâm-chí mới được, cân-cốt mà chịu được nhọc, tâm-chí mà chịu được khổ, tất bình-thời phải có công-phu dự-bị mới nên. Thường thấy nhiều cậu thanh-niên, có chí theo học công-nghệ, mà chưa từng tập sự khó nhọc bao giờ, nhất-đán vào trường công-nghiệp, tai nghe, mắt thấy cho đến tay mó, chân đụng cái gì cũng tinh những cảnh không thể nào chịu nổi, rồi mà hôi-tâm đoản-khí, bỏ nghề này xoay nghề khác, nhất-sự-vô-thành, ấy biết hiếm là người. Xin các cậu thanh-niên, phàm những cái làm nhọc cân-cốt ta, khổ tâm-chí ta, đều là cơ-hội tốt luyện-tập thân-tâm ta vậy ; gặp việc nên làm, nhọc cách mấy khổ cách mấy, cũng đều nên phấn-chấn mà hoan-nghênh, không nên dụt-dè mà trốn-tránh ; cân-cốt ngày thêm mạnh, tâm-chí ngày thêm bền, thiên-hạ không việc gì là không làm được.

4e *Phải giới-trừ tính ỷ-lại.* — Loài người ta-sở dĩ đáng quí là vì có tính hay tự-lập ; nhân có tính hay tự-lập cho nên hay vận-dụng trí khôn, chi-phối muôn vật, nhất-thiết những loài không tính tự-lập đều bị loài người ta khu-xử được, thế-giới mới được ngày mới tháng lạ như bây giờ. Tuy vậy, lấy tuổi từng người mà nói, đương thời-kỳ ấu-trĩ, thường giàu về tính ỷ-lại mà hiếm về tính tự-lập, một ngày một lớn, tính ỷ-lại dần tiêu-diệt mà tính tự-lập mới dần thêm lên. Lấy sự tiến-hóa trong đời người mà nói, tự sơn-man mà giã-nam, tự giã-nam mà bán-khai, tự bán-khai mà văn-minh, trình-độ tiến-hóa đến đâu, thì tính tự-lập cùng tính ỷ-lại cũng theo đó mà nhiều ít đến đấy. Khoa-học luân-lý nghiên-cứu tâm-lý trẻ-con, biết là trẻ-con có nhiều cái tính bắt-chước ; loài vượn cũng vậy. Đến lúc loài vượn tiến làm loài người, trẻ-con tiến làm người lớn, thì não-cân tư-tưởng tất có biến-hóa theo. Nhưng nếu không biết chú-ý, thường có nghiễm-nhiên là loài người, nghiễm-nhiên là người lớn mà tính ỷ-lại vẫn không tiêu-diệt, tính tự-lập vẫn không thêm lên. Xin các cậu thanh-niên ta nên gắng cố công-phu tu-dưỡng, học gì kì cho được, làm gì kì cho nên ; ta học là chủ để mở-mang trí-thức cho ta, không phải chỉ vì nốt (*note*) thầy-giáo, bằng hàn

trường mà qua-loa cho xong truyện ; ta làm là làm để thụ-lập công-danh của ta, không phải chỉ vì phạt lương, cầu thăng-trật mà nhuế-nhóa cho tối ngày ; ta có tai mắt, ta có tâm tư, ta niên-phú lực-cường, đường-đường một đứng nam-nhi trên thế-giới, lẽ nào ta lại như loài vượn, như đứa trẻ-con ; không phải ai kích-lệ ta mới học ; không phải ai giám-đốc ta mới làm ; ông MẠNH-TỬ nói : « Người tự bỏ mình, không làm gì được » ; Lời ngạn-ngữ Tây nói : « Trời giúp kẻ tự giúp mình. » tức nghĩa ấy vậy.

5° *Phải khắc-chế tư-dục.* — Người ta có dục-vọng là cái tính tự-nhiên vậy. Vì có dục-vọng mà người ta ở trên thế-giới, phàm trăm sự-nghiệp, mới một ngày một thêm lên ; cho nên cái dục-vọng chánh-đáng của người ta, giá-trị rất lớn ; đều những kẻ tinh-thần lầm loạn, mê đắm về cái sự thích con mắt, lỗ tai, thế gọi là tư-dục. Hiền-nhân quân-tử đời trước, lấy *dục* làm cừu-địch với đạo-đức mà cố làm cho tốc gốc lấp nguồn, tức là dạy người ta khắc-chế cái tư-dục đó vậy. Các cậu thanh-niên nên lập-chí từ bây giờ, trong lòng thường có một cái dục-vọng thật chánh-đáng ; hoặc có khi vui tai vui mắt, có mầm tư-dục nó nẩy ra, thì phải có nghị-lực nhổ tiệt ngay nó đi, đừng để nó tư-man mọc lên được ; như nghe người ta chơi-bời du-đãng, tức thì có bụng ham vui, thấy người ta quần nọ áo kia, tức thì sinh lòng hâm-tiễn, tình thường ai chẳng như thế ; mà cái tư-dục ấy nó hoành-hành được không thì tùy theo cái công-phu khắc-chế của mình mà định. Nếu không công-phu khắc-chế, thì chẳng ma sắc thần men nó quyến-dụ, cũng làng chơi tuồng bợm nó rủ-rê, đường quang không đi, đâm quàng đường rặm, xa cơ một bước, di-hận ngàn năm, phải sợ mới được.

6° *Phải tu-luyện thường-thức.* — Những học-vấn cao sâu, vẫn cần phải nghiên-cứu, mà những thường-thức về công việc người ta trong xã-hội, cũng có kinh-lịch, mới có thông-tài. Đại-để như những nhân-tình phong tục trong xứ nhà, cách làm ăn buôn bán trong xã-hội, cái lễ thừa thượng tiếp hạ, cái lệ tang tế quan hôn, đều nên lưu-ý cả ; còn các cái tri-thức quan về học-vấn, công-phu ở trên đống giấy, nghiên-cứu đã rất tinh-tường, mà suy ra thực-tế, lại còn có khảo-nghiệm nhiều ít mới được. Lời xưa có nói : « vào cõi hỏi cấm, vào nước hỏi tục ». Lệ các nước văn-minh bây giờ, học-trò trong các trường học, khi bãi-trường hoặc khi tốt-nghiệp thường cho đi du-lịch các xứ. Phương-ngôn ta có câu : « đi cho biết đó biết đây, ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn » cũng chủ để tu-luyện thường-thức vậy.

7° *Phải cẩn-thận chơi bạn.* — Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng ; học thầy không tầy học bạn. Bạn cùng mình tuổi ngang nhau, tâm-chí hợp nhau, công-chuyện chung nhau, ngày nào cũng cùng nhau tiếp-cận, cảm-hóa thực thần-tốc không gì bằng. Bạn mà quả hay, được ích nhiều lắm ; nếu không phải thiện-loại, mà dẫn-dụ ta làm sằng, thì nguy-hiểm biết đến đâu mà kể. Cho nên băn-đầu giao tiếp, phải cẩn-thận lắm mới nên. Đức Khổng-tử nói : « Ba thứ bạn ích cho mình ; ba thứ bạn tổn cho mình ; bạn thẳng, bạn thực, bạn nghe biết nhiều; ích cho mình ; bạn gian-giảo, bạn mềm khéo, bạn siểm-nịnh, tổn cho mình ». Ở nước Anh thiếu-niên-nghĩa-dũng đoàn luyện tập phép xem người, cho là cứ cái thức đội mũ, đã đủ rõ cái phẩm-tính người ta : đội mũ hơi nghiêng, phần nhiều là người trung-hậu, séo quá, phần nhiều là người dữ-tợn, hếch đằng sau, phần nhiều là người phụ bạc, ngay phẳng, phần nhiều là người cẩn

thận mà hơi tri-độn. Lại coi lúc đi đường, người vũ-phu đi thường khinh-khoái, đồ du-thủ đi thường hoãn-mạn. Lại xem xét đôi giày người ta đi, thường cũng đoán định được nhân-phẩm : gót giày mòn hai bên bằng nhau, người đó phần nhiều tín-thực, bên ngoài mòn nhiều, người đó phần nhiều giàu có sức tưởng-tượng và tinh mạo-hiểm, mòn quá vào bên trong, người đó phần nhiều nhu-nhược mà ít tính quyết-đoán, Phàm ấy đều là những khoé nên chủ-ý ở trong trường giao-tế vậy, Tổng-chi mình biết cẩn-thận, mình chịu tĩnh-tâm xem xét, tự-nhiên không đến nỗi lầm.

Mấy điều kể trên, điều là yếu-trước các cậu thanh-niên ta lập thân xử thế, nên thường thường xét mình mãnh-tỉnh, tùy thời tùy việc, lưu-tâm giác-ngộ, tất nhiên về đường đạo-đức, về đường tri-thức, có tấn-tới được nhiều. Thanh-niên ! Thanh-niên !, vinh-danh ấy xin đừng có phụ ; đường mây muôn dặm, gánh vác còn xa, một con đường đi ngược đi xuôi, một sợi tơ nhuộm xanh nhuộm đỏ, ấy tại các cậu !

TUYẾT-HUY.

VIỆT-SỬ LUẬN

I

Chuyện đời thượng-cổ

Sử cũ chép cháu ba đời vua Thần-nông tên là Đế-minh, đi tuần phương nam đến Ngũ-lĩnh, lấy bà Tiên-vụ, sinh ông Lục-tục, lập làm vua nước ta, ấy là vua Kinh-dương. Vua Kinh-dương sinh vua Lạc-long, lấy con vua thủy hồ Động-đình tên bà Âu-cơ, đẻ một bàu trứng, nở trăm con trai, một nửa giống rồng theo cha ở biển, một nửa giống tiên theo mẹ ở núi, sau là tổ trăm đất Việt, chọn người con lớn chủ việc nước, ấy là vua Hùng-vương, xưng họ Hồng-bàng, dựng nước gọi nước Văn-lang, đóng đô Phong-châu, (tỉnh Sơn-tây bây-giờ) chia trong nước làm mười năm bộ. Cõi đất nước Văn-lang nam giáp đất Hồ-tôn, tây giáp đất Ba-thục, đông giáp biển, bắc giáp hồ Động-đình.

Thay họ Hồng-bàng là vua Thục-phán, xưng họ An-dương, đổi tên nước gọi nước Âu-lạc, đắp thành Cổ-loa (di-chỉ bây giờ hãy còn, ở huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên). Tương-tuyền vua đắp thành, thành đổ mãi, thần rùa vàng hiện lên, giúp vua đắp xong thành, tuốt móng tặng vua ; vua sai Lỗ-cao chế làm nỏ thần, bắn một phát trúng kẻ muôn, không giặc nào dám phạm. Sau quan Tàu Triệu-đà ở Phiên-ngu (thuộc tỉnh Quảng-đông Tàu bây giờ), mưu lấy nước Âu-lạc, cho con là Trọng-thủy lấy con vua Phán tên nàng Mỵ-châu, qua ở rể, lừa ăn cắp được móng rùa, về bảo Đà ; Đà phat binh đánh vua, nước Âu-lạc bị Đà lấy.

Triệu-đà vốn làm lịnh Long-xuyên Tàu, kiêm-lĩnh Nam-hải (Quảng-đông bây giờ) Quế-lâm (Quảng-tây bây giờ) các xứ, lại lấy thêm được Âu-lạc, thống-nhất thành một nước to, xưng Triệu-vũ-vương, đóng đô Phiên-ngu, cự với quân Hán ; đến đời Hán-văn-đế sai Lục-giả lại, ti từ hậu lễ ; Đà mới chịu Tàu phong, ngoài xưng thần trong vẫn tự đế, đem lễ giáo trung-quốc truyền-bá vào xứ ta. Đà chết, cháu tên Hồ nối, xưng Triệu-văn-vương. Hồ chết, con tên Anh-tề nối, xưng Triệu-minh-vương. Anh-tề chết, con tên Duệ nối, xưng Triệu-ai-vương. Lúc trước Anh-tề ở làm con-tin bên Tàu, có lấy

con gái Hàm-đan họ Cù ; Ai-vương làm vua, tôn họ Cù làm hoàng-thái-hậu. Cù-hậu thủa nhỏ tư-thông với người Tàu tên Thiếu-quí ; khi ấy Hán bèn dụng kế sai Thiếu-quí sang dụ Cù-hậu đem nước nộp Tàu. Đại-thần trong nước ông Lữ-Gia khởi binh giết mẹ con Cù-hậu, cự với quân Hán không được, nước ta từ đấy bị nội-thuộc Tàu.

* * *

Lời bàn. — Cha rồng mẹ tiên, một bàu trăm trứng, chuyện ấy vốn thật hoang-đường, nhưng đại-để nước nào cũng vậy, bằng-đầu mới lập quốc, văn-tự chửa có, sử sách ai là người biên ghi ; đương thời-đại thần-quyền, tư-tưởng người ta, đều khuynh-hướng về những chuyện thần-dị, linh-quái, nghe tên Lạc-long thì mục là giống rồng, nghe người ở Động-đình thì bàu là con vua thủy, nghe có trăm đất Việt thì bày ra chuyện trăm trứng nở trăm trai, cũng vị một lòng ái quốc, muốn cho trọng quốc-thể mà quí giống mình, nhân một hai sự truyền-văn, bèn xuyên-tạc phụ-hội cho rõ mặt con tiên cháu thánh. Có nước đã lâu rồi mới có văn-tự ; nhà làm sử cứ những sự truyền-văn mà chép lại, cũng là cái ý nghi-dĩ-truyền-nghi. Nước Nhật giòng Thiên-hoàng[1], nước Tàu giống Hoàng-đế[2] đều ý thế vậy. Người sau đọc sử, phải xét cái tình-ý của cổ-nhân trọng nòi thương giống mà không nên câu-nệ những chuyện hoang-đường.

* * *

Nước ta lúc mới lập quốc, địa-vị ở trong châu Á, đã có cái tư-cách hơn người. Trong sử chép cõi đất nước Văn-lang chia làm mười lăm bộ, nam giáp đất Hồ-tôn, tây giáp đất Ba-thục, đông giáp biển, bắc giáp hồ Động-đình. Cứ địa-dư-chí của ông Nguyễn-Trãi chua tên mười lăm bộ : bộ Giao-chỉ tức là Hà-nội, Nam-định, Hưng-yên bây giờ. bộ Chu-diên, bộ Phúc-lộc tức là Sơn-tây bây giờ, bộ Vũ-ninh tức là Bắc-ninh bây giờ, bộ Việt-thường tức là Quảng-trị, Quảng-bình bây giờ, bộ Ninh-hải tức là Quảng-yên bây giờ, bộ Dương-tuyền tức là Hải-dương bây giờ, bộ Lục-hải tức là Lạng-sơn bây giờ, bộ Vũ-định tức là Thái-nguyên, Cao-bằng bây giờ, bộ Hoài-hoan tức là nghệ-an bây giờ, bộ Cửu-chân tức là Thanh-hóa bây giờ, bộ Tân-hưng tức là Tuyên-quang bây giờ, bộ Bình-văn, bộ Cửu-đức thì không biết là đâu bây giờ, địa-thế biến-thiên, vẫn không lấy gì làm bằng cứ được. Nhưng xét ông Phán là người Ba-thục, mà lúc hòa lúc chiến, thường có việc cù-cát với nước Văn-lang, thì biết địa-giới bấy giờ, Văn-lang chắc tiếp liền với Ba-thục. Bà Ân-cơ là người Động-đình mà kết-hôn cùng vua Kinh-dương, thì Động-đình bấy giờ tất không xa nước Văn-lang lắm. Còn cái chứng-cứ này thì thật là sác-tạc, đủ nói quyết là nước ta khi trước gồm cả Quảng-đông, Quảng-tây : Ông Triệu-Đà ở Phiên-ngu sang lấy nước Âu-lạc, hợp cả Nam-hải, Quế-lâm, Âu-lạc làm một nước to ; Nam-hải bây giờ là tỉnh Quảng-đông, Quế-lâm bây giờ là tỉnh Quảng-tây ; xứ ta bây giờ cùng Quảng-đông, Quảng-tây, thật khi ấy vốn là một nước ; về miền tây nam thì man mọi đối với ta ngày một nhường bước, về miền đông thì bãi biển thuộc phần ta ngày một bồi thêm ; địa-vị nước mình ở Á-châu, thật có thể bành-trướng phát-đạt được lắm vậy.

---

(1) Nước Nhật-bản kể vua nước nó vẻ giòng Thần-Vũ-thiên hoàng, dời một hệ

(2) Nước Tàu kể người Tàu là giống Hoàng-đế.

Ông Thục-phán, ông Triệu-đà, hai vua cùng tay anh-hùng cả. Bền thành trì để giữ nước, làm khí-giới để cự giặc, mà thần rùa, mấy nỏ, lại mượn thầu-đạo để trấn-phục nhân-tâm, đủ thấy ông Thục-phán có phi-thường thủ-đoạn. Ngoài xưng thần mà trong tự đế, ai ngang ngược thì ta đề-cảng, ai khiêm-tốn thì ta chịu phong, đạt biến thông quyền, ông Triệu-đà thật vào bực tài hùng lược lớn ; bảy mươi mốt năm dân yên nước trị[1], đem lễ giáo trung-quốc, truyền-bá cho Nam-giao ; văn-minh người mình, phát-nhận từ lúc ấy. Nếu nước-nhà có phúc, vua hiền nối ra, Minh-vương không đắm sắc nghiêng thành, Cù-hậu không sinh lòng bán nước, thì vòng vàng không mẻ, cọp Tàu dù nhỏ rãi, chim Việt đâu đến nỗi lìa cành. Tiếc thay ! ông cha thì thế, con cháu chẳng được bằng ai ; Anh-tề-đãng-tử, nặng tình hoa nguyệt mà biếng chí tu phòng[2], di họa về sau, chúa bé nước nghèo, một ả má đào, cuốn gói giang-sơn về Hán mất. Từ đấy chim lồng cá cháu, khôn dễ cất mình, mấy ngàn năm trong cơ-ách người Tàu, lại những quan tham, biết bao nỗi lầm-than khổ-sở. Đến sau Đinh, Lê lập quốc, Quảng đông tây hai tỉnh, roi giài không với tới bụng ngựa, đành phải bỏ tổ-nghiệp cho chúng ăn. Tấc đất tấc vàng, nghĩ mà thương công đề-tạo gian-nan của người trước.

* * *

Nối một bài thơ. Thơ rằng :

Nước nào có nước cũng có sử.
Chuyện xưa ghi chép đều hoang-đường.
Nước ta có nước từ bao giờ ?
Họ vua đầu hết là Hồng-bàng.
Truyền rằng vua lấy bà Âu-cơ,
Con vua Thủy-đế, là nghĩa gì ?
Cha rồng mẹ tiên để trăm trứng,
Biển non hai ngả chia đường đi.
Nước mình lúc ấy chưa có sử,
Người sau thuật lại làm cho kỳ.
Thần-quyền thời-đại tư-tưởng thế.
Càng nói ma quỉ càng không nghi,
Cho hay tiền-nhân thương nước nhỉ !
Nói qui người mình, trọng quốc-thể,
Như người Nhật kể giòng Thiên-hoàng ;
Như người Tàu khoe giống Hoàng-đế.
Bấy giờ chia nước mười năm khu,
Phong-châu một xứ là kinh-đô,
Nam giáp Hồ-tôn, tây Ba-thục,
Đông biển, bắc đến Động-đình hồ.
Cứ trong bản-đồ thật không sai,
Nước ta rày giáp Quảng đông tây.
Xưa là một nước tưởng cũng phải.
Bờ cõi ba phần nay mất hai.
Thục-phán, Triệu-đà hai vua sau,
Người ở Âu-lạc, người Phiên-ngu,
Hợp với đất mình sáp làm một,
Dựng thành nước lớn trên địa-cầu.
Phải chăng giang-sơn có hào-kiệt,
Tấc vàng tấc đất đừng cho Tàu,
Sau gồm Chiêm-thành, lấy Chân-lạp,
Vẫy-vùng biển Á nhường ai đâu.
Tiếc thay ! con cháu hai nhà này,
Giấy người lừa người đốt đang tay ;
Người thì yêu con, kẻ mê vợ,
Nước đã gần mất còn chưa hay.
Nỏ rùa thành ốc khéo bầy-đặt,
Cho hay Thục-phán người quyền-quật,
Giữ gìn thành-quách nhờ binh-oai,
Trấn-áp nhân-tâm mượn thần-thuật.
Ông cha thì thế con cháu ngu,
Vô phúc để phải nàng Mỵ-châu,
Nặng tình chăn đệm nhẹ xã-tắc,
Hớ hênh bỏ nước cho quân thù.
Triệu-đà người Bắc sang làm vua,
Khai hóa người mình công cũng to.
Lễ giáo phong-tục của trung-quốc,
Du-nhập nam-thổ từ bấy giờ.

---

(1) ông Triện-đà làm vua nước ta được bảy mươi mốt năm bằng.

(2) 須防 nghĩa là sửa sang chính-trị ở trong, phòng bị các nước ngoài đến đánh.

Tội với nước mình cũng nhả Triệu ;
Vua hiền không có nước liền yếu.
Kết cục Minh-vương lấy vợ Tàu.
Đem cả non sông làm lễ biếu,
Quân gì bán nước hư là hư ?

Lịch-sử nước mình từ đấy nhớ.
Về sau Đinh, Lê lập quốc lại,
Đất nước còn có như bây giờ.

TUYẾT-HUY

CHUYỆN CÁC BẬC TIỀN-BỐI

Chuyện quan Hiệp-biện Phạm Phú-Thứ

Cụ PHẠM-PHÚ-THỨ tên chữ là GIÁO-CHI hiệu là *Trúc-đường*, người làng *Đông-bàn* tỉnh *Quảng-nam*. Ngài đỗ giải-nguyên khoa *Nhâm-dần* đời Thiệu-Trị, khoa *Quí-mão*, đỗ luôn hội-nguyên, tiến-sĩ, rồi ra làm quan. Đến đời Tự-Đức, ngài có phụng phái đi qua Tàu, sau lại sang xứ Tây nữa. Ngài lại có làm thượng-thư bộ Hộ 10 năm, làm Tổng-đốc Hải-dương kiêm coi việc thương-chánh 6 năm, công-lao với Nhà-nước nhiều lắm. Lúc ngài đi sứ Tây về, tâu mấy phen xin vua cải-lương việc chính-trị giáo-dục trong nước, lại xin phép in ra những sách mới như sách « Bác-vật tân-biên », « Vạn-quốc công-pháp », « Khai-môi yếu-pháp » để ban cấp cho các trường học và cho sĩ-phu trong nước coi. Đến năm Tự-Đức thứ 34, ngài về nhà, rồi mất, được truy thọ hàm hiệp-biện-Đại-học-sĩ. Ngài thật là một vị Đại-thần rất trung-thành, rất tài-cán, có kiến-thức, biết thời-thế, lại đủ cả văn-chương đức-hạnh, không phải như các ông khác chỉ gặp nhịp tốt làm nên quan lớn mà thôi. Trong Liệt-truyện đã có chép truyện ngài tường-tất lắm. Đây tôi chỉ thuật lại một truyện về lúc ngài mới ra làm quan, và kinh dịch luôn cả cái sớ và cái thư của ngài, để biết rằng các cụ đời trước học cốt để làm gì, chớ không phải để mà cầu phú-quí.

Niên-hiệu Tự-Đức năm thứ ba, lúc bấy giờ ngài làm thị-độc viện Tập-hiền và sung chức khởi-cư-chú ở Kinh-diên. Nhân trời mùa đông, mưa lạnh, Đức Dực-Tôn ít ra thị-triều và Kinh-diên cũng không giảng sách. Ngài bèn dâng sớ lên can vua. Sớ rằng :

« Kẻ hạ-thần có nghe : Sự siêng-« năng là cái đức tốt của thánh-nhân, « cái nết tốt của người quân-tử. Xưa « vua THUẤN là bậc đại-thánh, nối vua « NGHIÊU lên làm vua, trong thiên-hạ « đã thái-bình, mà ngài còn khăng-« khăng lo làm việc, không chút rỗi « rảnh. Vua VĂN-VƯƠNG cũng là bậc « đại-thánh, cái thánh-đức của ngài đủ « làm phép-tắc cho muôn nước, mà « ngài còn chăm lo việc dân đến nỗi « không rỗi mà ăn. Hai vua ấy siêng-« năng là dường nào ! Đức THẾ-TỔ ta, « chải gió dầu mưa, không nài khó-« nhọc, mới dựng được nghiệp lớn. « Đến đức THÁNH-TỔ, đức HIẾN-TỔ « đều là thức khuya dạy sớm, lo toan « việc nước, nên nước nhà mới được « an-trị như bây giờ. Thật là cái đức « tốt, cái nết tốt của Liệt-thánh ta « không kém gì vua THUẤN vua VĂN. « Bởi vì sự trị-yên trong nước hễ không « tới thì lui, cho nên đấng nhân-quân « phải siêng-lo luôn, rồi đâu mà chơi « nhởi. Nay đức Hoàng-thượng lên « giữ thành-nghiệp của Liệt-thánh, « bốn biển về lòng. Vậy mà kẻ hạ-thần

« trộm thấy công việc chốn triều-đình « còn bê-trễ, thần-dân trong nước còn « đương ngóng cổ trông ơn vua. Lúc « nầy chính là lúc Hoàng-thượng chăm « lo mới phải. Thế mà ngài lên ngôi ba « năm nay, nhân khi tiết-hậu đổi thay, « thường hay ngự xe, qua tiết thu-đông « lại càng săng [1] lắm. Các quan ngự- « y điều-trị, dùng ra đến bên ngoài « phương-thuật; các đình-thần dưng « sớ thỉnh-an, muốn nói mà không « dám cạn lời. Nay nhờ phúc trời, « thánh-thể đã mạnh khỏe, ngài nên tự- « cường, đừng có lòng trễ nhác, bắt « chước theo đế-vương, theo Liệt- « thánh, còn e không thỏa lòng trông « mong của thiên-hạ. Huống gì về tiết « mùa đông, ngày thì mưa, ngày thì « nắng là sự thường. Thế mà chốn « Đại-đình vắng thấy nghi chầu, nơi « hậu-uyển thường nghe tiếng trống ; « trễ nải như vậy, tôi e trị-hóa càng « ngày càng lùi. Nơi kinh-diên không « giảng sách, thì điều được điều mất « không xét vào đâu, mà lời nói lành « ngày vắng. Bầy tôi ít thấy vào ra- « mắt, thì phận vua-tôi xa cách, mà « tình kẻ dưới ngày sơ. Các quan phủ, « huyện các nơi, chực dẫn-kiến mãi « mà không được, thì sự lợi sự hại « trong dân sao thấu tai vua, mà dân- « chánh ngầy kém. Phương-chi việc « trong nước không phải chỉ mấy điều « đó mà thôi. Vậy kẻ hạ-thần cúi xin « Hoàng-thượng hãy nghĩ đến các vua « đời trước vì siêng-năng mà làm nên « chính-trị, rồi ngài nhớ lấy mà đừng « quên, gắng lấy ma đừng trễ; nước « nhà được yên-ổn mà dài-lâu cũng « bởi đó mà ra. Kẻ hạ-thần ngôi thấp « nói cao, mình biết mình chắc có tội, « ngửa nhờ lượng thánh xét cho. »

Sớ ấy dâng lên, đức Dực-Tôn ban quở, vì trong sớ nói có điều thất thực. Liền có « chỉ » xuống bảo đình-thần nghị tội ngài. Ngài phải chịu tội đồ, bị phát-phối vào trạm Thừa-nông [2]. Ngài có ông anh tên là Phạm-phú-Duy, đỗ cử-nhân, làm hành-tẩu bộ binh, lúc bấy giờ đình-gian về ở nhà. Ông anh nghe ngài bị tội thì lấy làm lo, tin theo lời họa-phúc của thế-tục, toan rời mộ tiên-nhân, bèn gửi thư bàn với ngài. Ngài được thư trả lời rằng :

« Tiếp người nhà đến, đưa thư của « anh và nói rằng anh vì có em mắc « tội mà ăn không ngon, ngủ không « yên : cầu thần phật, khấn ông bà, « rước thầy địa, phúc mồ-mả. Anh « làm như thế thật đã hết lòng với em « lắm. Em đọc đi đọc lại thư anh mà « biết lòng anh thương em dẫu người « hiền đời xưa cũng không bằng. Song « em trộm nghĩ rằng : trời với người « vẫn một *lý* thông nhau, ông cha với « con cháu vẫn một *khí* liền nhau ; hễ « việc người xong thì không oán-hận « gì trời; hồn phách ông cha được yên « thì con cháu ắt thạnh. Nhưng cốt « mình phải ở cho chánh, thì dẫu gặp « phải bân-tiện hoạn-nạn cũng đành ; « chớ trời nào có phải mỗi việc theo ý « người cho thuận-thích thì mới gọi là « không oán-hận đâu ; ông cha nào có « phải muốn cho con cháu chỉ ăn no « mặc ấm, lấy giàu-sang khoe khoang « với đời, thế mới gọi là xương-thạnh « đâu. Đạo nho ta nói rằng *lý*, nói rằng « *khí* đều là bất-ngoại một chữ « chánh ». « Tiên-nhân ta chứa đức đã mấy đời, « đến Bà-cố ta rồi đến Tiên-khảo ta « lại thêm bồi nền phúc. Mộ Bà-cố ta « trải mấy mươi năm nay bình yên vô « sự, còn phát hay chẳng phát thì cứ « coi con cháu là chúng ta đây cũng « đã thấy rồi. Vả thạnh có suy, lẽ « thường vẫn thế. Muốn cho thắng « được cái lẽ thường ấy thì mình phải

(1) Săng tiếng đàng trong là năng, nhiều lần.

(2) Trạm Thừa nông ở phía nam kinh đô Huế, tục kêu là Cung rông.

« tu đức. Huống gì trời cho người ta « cũng có chừng có đỗi, tham quá sao « được. Nay bỏ nhân-sự đi, không « nói đến truyện tu-đức, mà cứ cậy « vào địa-lý là một cái thuật mọn, thế « có phải là sai không ? Ôi ! Tiên-khảo « ta tu nhân tích đức, để che-chở cho « con cháu, nay ngài mất chưa giáp « năm, mà thằng con bất-hiếu này đã « lỗm-lụy vào vòng luy-tiết ; các nhà « địa-lý thấy vậy, chắc cho là tại chỗ « đất không được tốt, mà anh em ta « nhân đấy cũng có nghi-sợ thật. Song « họ nói vậy chớ họ không dám đoán « quyết rằng em bị tội là tại chỗ đất « ấy, và cũng không dám đoán quyết « rằng cuộc đất ấy thì phải bị tội ấy, « chẳng qua nói chống chỗ đất không « được tốt mà thôi. Những việc mà tai « mắt ta không nghe thấy thì ta không « thể tin được, ta nên tin ở lý. Dẫu « rằng lý không qua số, nhưng số mầu-« nhiệm khó biết mà lý là phải chăng « rành-rành, ta nên cứ đó mà theo. « Cho nên người quân-tử không cậy « thuật cậy số mà phải cứ-lý là thế. « Em nghĩ đi nghĩ lại, em tự tin đã « lâu ; việc rời mộ Tiên-khảo ta quan-« hệ rất lớn, xin anh phải nghĩ kỹ đã, « đừng vội. Em lại nghe : anh ở nhà « buồn-bực, việc nhà nhác không muốn « trông đến, đêm nằm thở dài, ăn không « hết bữa, đều là vì cớ em cả. Anh « nghĩ như thế là thương em đó sao ? « hay là anh đem lòng mà « lo được « lo mất » cho em ? (1) Vả người quân-« tử lấy đức thương người, đức là gì ? « là cứ đạo mà làm, mà có sở-đắc « trong lòng ta. Ta tuy chưa chắc đã « làm đạo được, nhưng bình-nhật học « đạo thánh-hiền, cũng đã biết giữ « phận, phận sao chịu vậy, thau-trách « mà làm chi ? Thưa anh, trượng-phu « ở đời, lấy chánh-học sáng đạo-nghĩa, « lấy danh-tiết neo cang-thường, cái « phận-sự của mình rất lớn-lao, được « mất nên thua là tại rủi với may, « thật không đủ kể. Thầy Mạnh-tử có « nói rằng : « Ta việc gì mà chẳng vui » « là thầy đã tự-tin lắm. Nếu người ta « mà không bụng tự-tin, hơi thấy được « đã mừng, hơi thấy mất đã lo, hoảng-« hốt mê-man, nghe ai bày chi theo « nấy : bữa nay đổi hướng nhà, đến « mai chữa ngạch cửa, làm rộn-ràng « mà chẳng nhằm việc gì. Ấy là tại « trong lòng không lấy lý làm chủ, « cho nên lời họa-phúc của thế-tục « mới làm dao-động được. Ông Tô-« Đông-Pha có câu thơ rằng : « Bốn « biển biết nhau chỉ Tử-đo » (2). Người « đời xưa anh em ở với nhau một lòng « một giạ, việc gì cũng nương theo « nghĩa-lý, thuận theo mạng trời, cho « nên mới có câu thơ như thế. Em « vẫn biết bụng anh thương em lắm, « song thấy người xưa thương nhau « là khuyên nhau lập chí cho bền, làm « việc phải nghĩa, thì cách thương « nhau ấy lại càng thiết hơn. Xin anh « lấy cách ấy mà thương em, thì em « nhờ anh nhiều lắm ».

Lời bàn. — Các cụ đời xưa, hễ đã có học mà nói ra, làm ra, đều theo nghĩa-lý, theo sách-vở. Như cụ Phạm Phú-Thứ đây, đã làm cận-thần của vua, thì cố làm cho hết bổn-phận mình, gặp việc đáng can thì can, không có sợ họa đến mình mà nín lặng. Đến khi đã bị tội thì cam tâm chịu, không nhân đó mà đổi giạ sắt đanh. Bởi cụ hay lấy lẽ chánh mà giữ mình, miễn là mình không hổ với mình là được ; còn về việc thành-bại họa-phúc thì phó mặc cho trời. Ôi ! mình làm nên

(1) Câu này dùng chữ « hoạn đắc hoạn thất » trong Luận-ngữ.

(2) Tô Đông-Pha là Tô-Thức, người đời Tống bên Tàu. Ông ấy có một người em tên là Tô-Triệt, tên chữ là Tử-đo. Hai người cùng có văn-chương đức-hạnh có tiếng thời ấy, mà ở với nhau thân thiết lắm.

tội mình mà lại đổ cho tại mồ mả của ông cha là điều rất vô lý. Cho nên cụ không nghe là phải. Thế mà lại có người đem di-hài của tổ-tiên mình bữa nay vùi xuống chỗ này, đến mai bới lên vùi xuống chỗ khác, tìm long điểm huyệt, mong cho phát phú phát quí, cũng lạ thay !

CHƯƠNG-DÂN

NAM-ÂM THI-THOẠI

Ở Bắc-kỳ có truyền-tụng nhiều bài thơ của các bậc tiền-bối mà không rõ ra là của các ngài nào. Như bài này :

Chữ chẳng xin ai gạo chẳng vay,
Trời Nam ngất-ngưởng một thằng này.
Thơ thần ít vận ngâm rồi đọc,
Rượu thánh vài chum tỉnh lại say.
Hầu gái một hai cô buổi tối,
Con trai ba bốn cậu ban ngày.
Hỏi ai hơn thế thì ta học,
Chữ chẳng xin ai gạo chẳng vay

Lại một bài này :

Hai vua ba chúa bảy thằng con,
Răng chửa long-lay.... chửa mòn ;
Nhân-vật thời giờ sinh cũng uổng,
Quan-tài sẵn đó chết thời chôn ;
Lâu-đài thành-quách trời muôn dặm,
Bị-gậy cân-đai đất một hòn.
Cũng muốn sống chơi đôi tuổi nữa,
Sợ ông Bành-Tổ tống đồng-môn.

Hai bài ấy khẩu-khí giống nhau mà bài sau cách thơ lại già-dặn hơn. Bài sau chắc là của một ông nào ở về đời Lê-Trịnh, coi câu phá thời biết.

* * *

Ông TÔN THỌ-TRƯỜNG, người Nam-kỳ, cũng là một hạng người có quan-hệ với thời-thế cách 50 năm trước. Tôi muốn tìm cho biết sự-tích ngài mà tìm chưa được. Mới đây có nghe lược-lược được thân-thế của ngài và mấy bài thơ. Nguyên là một nhà văn-học có tiếng, kiến-thức cao-xa. Lúc nước Pháp mới sang lấnh cõi Nam-kỳ, văn-thân xứ ấy nổi lên kháng-cự lại, mà ngài thì không, ra làm quan với Nhà nước Đại-Pháp. Sau ngài làm đến đốc-phủ, cho nên bây giờ còn gọi là « Đốc-phủ Tường ». Cái tâm-sự của ngài đủ trong 10 bài thơ tự-thuật.

I

Giang-sơn ba tỉnh hãi còn đây,
Trời đất chi xui đến nỗi nầy !
Chớp nhoáng thằng bon, giây thép kéo.
Mây tuôn đen kịt, khói tàu bay.
Xăng-văng chậm tính, thương đời chỗ,
Khấp-khởi riêng lo, biết những ngày.
Miệng cọp hàm rồng chưa dễ chọc !
Khuyên đàn con trẻ chớ thày-lay.

II

Thày-lay lại chác lấy danh nhơ,
Ai mượn mình lo việc bá-vơ.
Trẻ dại giếng sâu lòng chẳng nỡ,
Đàng xa ngày tối tuổi khôn chờ.
Áo xiêm sẽ thấy xăng tay thợ,
Xe ngựa nào lo gỡ nước cờ.
May rủi, rủi may đâu đã chắc,
Miệng lằn lưỡi mối hãy tai ngơ.

III

Tai ngơ mắt lấp thuở tan-tành,
Nghĩ việc đời thêm hổ việc mình.
Nghi-ngút tro tàn nền đạo-nghĩa,
Lờ-mờ bụi đóng cửa trâm-anh.
Hai bên vai gánh năm giềng nặng,
Trăm tạ chuông treo một sợi mành.
Trâu ngựa dầu kêu chi cũng mặc,
Thân còn chẳng kể, kể chi danh.

IV

Kẻ-chi danh-phận lúc tan-hoang.
Biển rộng trời cao nghĩ lại càng.....
Lên núi bắt hùm, chưa dễ láo,
Vào sông đánh cá, há rằng an.
Người sương mắt ngạo đôi tròng bạc,
Kẻ ứa gan trung bảy lá vàng.
Chiu-chít thương bầy gà mất mẹ,
Cũng là gắng-gỗ dám khoe-khoang.

V

Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn,
Bán giận khua môi cũng một phồn,
Tơ vấn cánh chuồn, kiên trí nhện ;
Gió đưa hơi cọp, khiếp oai chồn.
Siêng lo há đợi cơm kề miệng,
Chậm tính nào ngờ nước đến trôn.
Hay dở truyện trò còn rối lắm,
Múa-men xin hãy chớ bôn-chôn.

VI

Hãy chớ bôn-chôn việc cửa nhà,
Sau này còn nghĩ nỗi đàng xa.
Ma dường cơn giặc luôn hai trẻ,
Trời mỏn lòng thương sót một già.
Lái đã vững-vàng cơn sóng lượn,
Thoi toan đan-dệt lúc mưa sa.
Ở đời há dễ quên đời đặng,
Tính thiệt so hơn cũng gọi là.

VII

Cũng gọi là người ắt phải lo,
Có hay chịu khó mấy ra trò,
Bạc mênh-mông biển, cầu lăm bắc,
Xanh mịt-mù trời thước rắp đo.
Bàn rộng tính qua cờ mấy nước,
Gác cao bó lại, sách trăm pho.
Lòng này dẫu hỏi mà không hổ.
Lần xét thầm soi cũng biết cho !

VIII

Đã biết cho chưa? hỡi những người !
Xin đừng tiếc hận, chớ chê cười.
Ví dầu vật ấy còn roi dấu,
Bao-quản thân này chịu dễ ngươi.
Trăng giữa ba thu mây cũng tỏ,
Hoa trong chín hạ nắng càng tươi.
Khó lòng mình biết lòng mình khó,
Lòn-lỏi công trình kể mấy mươi.

IX

Kể mấy mươi năm nước lễ-văn.
Trời đà xui thế, thế khôn ngăn.
Bốn đời chung đội ơn nuôi dạy.
Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn.
Hết sức người theo trời, chẳng kịp,
Hoài công chim lấp biển khôn bằng !
Phải sao chịu vậy, thôi thì chớ,
Nhắm mắt đưa chân lỗi đạo hằng.

X

Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay,
Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy.
Đất vỗ đã đành bia lỗ miệng,
Chén tràn e nỗi trở bàn tay.
Nghĩa đen dạy trẻ, tranh còn lấp,
Mắt trắng xem trời, cánh khó bay.
Chí muốn ngày nào cho đặng toại ?
Giang san ba tỉnh hãy còn đây.

Coi mười bài ấy đủ biết cái khổ-tâm của ngài, Lại còn mấy bài vịnh-sử của ngài, đều là có ký-thác cả. Như bài « Tôn phu-nhân qui Hán.

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tùng,
Ngàn năm rạng tiết gái Giang-đông,
Lìa Ngô bịn-rịn chàm mây bạc.
Về Hán trau-tria mảnh má hồng.
Son-phấn thà đem đầy gió bụi,
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhắn với Châu Công-Cẩn,
Thả mất lòng anh, được bụng chồng.

Bài Tử-Thứ qui Tào :

Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi,
Muốn xát lòng ai, nấy mặn-mòi.
Ở Hán hẳn nhiều rường cột cả,
Về Tào chi xá cỏ cây còi.
Nhớ ơn từ-mẫu khôn nưng chén,
Nặng nghĩa quân-vương khó giở roi.
Chẳng đặng khôn Lưu, đành dại Ngụy,
Thân này xin gởi ngoại vòng thoi.

Đồng thời với ông Tôn có ông cử Phan Văn-Trị người tỉnh Vĩnh-long đậu khoa *kỷ-dậu* năm Tự-đức thứ 2. Ông này lại phản-đối với ông Tôn. Ông có họa 10 bài liên-hoàn tự-thật của ông Tôn để chế nhau, lời lẽ cũng cứng-rắn lắm. Tiếc tôi chưa tìm thấy. Tôi có được một bài của ông ấy họa vần bài « Tôn-phu-nhân qui Hán » chép ra sau nầy :

Cài trâm sửa trắp vẹn câu tùng,
Mặt giả trời chiêu biệt cõi đông.
Ngút tỏa trời Ngô, un sắc trắng,
Duyên về đất Thục đượm mầu hồng.
Hai vai tơ-tóc bền trời đất,
Một gánh cang-thường nặng núi sôcg.
Anh hỡi Tôn-Quyền ! anh có biết,
Trai ngay thờ chúa gái thờ chồng.

Cùng một đầu bài mà hai người nói ra không đồng nhau, ông Phan thì cái giọng nghe êm hơn ông Tôn, song hay thì đều hay cả.

Chương dân

NÊN ĐẶT TÒA HÀN-LÂM

Chẳng cần phải cắt nghĩa toà Hàn-lâm là gì thì các nhà có học ở nước ta ngày nay ai cũng biết là một đại-hội hiệp những người thông-thái có học-thức để khảo-biện, nghiên-cứu những văn-chương cổ kim, những thực-nghiệp tân cựu cho tường-tận, rồi đem ra phân giải kỹ-càng, hoặc biên-tập thành sách, hoặc đăng vào nhựt-trình, tạp-chí để quảng-cáo nhân-dân biết mà lấy đấy làm mẫu-mực, noi theo cho phổ-thông, cho hiệp-nhứt, cho qui củ, không còn hồ-đồ, mập-mờ, sai-lạc lầm-lộn. Ấy đại-đề nghĩa chữ toà Hàn-lâm các nhà triết-học thường diễn làm vậy, cho là *máy thiết-dụng* trong nước để chế-tạo những vật-liệu khẩn-yếu mà tẩm-bổ lấy quốc-hồn.

Quốc-hồn Việt-Nam ta ngày nay đã có chưa ? — Có rồi. — Thành chưa ? Chưa thành. — Tại sao vậy ?

Quốc-hồn Việt-Nam ta ngày nay đã có rồi mà chưa thành là bởi còn mới phôi-thai như đứa con nít mới đẻ ném bỏ ở vệ đường, không ai ra tay cứu-vớt đem về cho bú mớm, cho quần áo ; như thế thì sống sao được ? đã không sống được thì còn mong chi lớn thành người ! Ôi ! thương thay cho thằng nhỏ non-nớt (câu dầu lưỡi thường kêu vậy), ai đi qua trông thấy cũng nghịch mắt, cũng ghẻ nhòm, nhòm rồi mần thinh bỏ qua, không ai đoái tình mà ra tay tế-độ. Đó, quốc-hồn Việt-Nam như rứa ; còn mong gì ? Thương hại !

Độ rầy nhiều nhà lưu-tâm thương đến, có bàn tán đã lắm, song ông này bàn ông khác bác, bàn bác đã đầy giấy mà giải-quyết cũng chưa xong, vẫn lắm nhà còn muốn nghị-luận, hồ như lấy tân-văn, tạp-chí làm trường thi nói dai ; có nói dai mới ngụ được hết cái ý cao kỗ, mới tỏ cho thiên-hạ thấu được cái tài biện-lý, cái khẩu-khiếu hoạt-bát. Thiệt là quá phiền lắm vậy.

Ngồi tần-mần đem những bài tán giải của các nhà đăng báo khắp mọi nơi ra đọc suốt lượt, rồi thu cả lại để thâu lấy cái ý chung thì thấy thấy bài nào cũng đã bàn xác lý ; bài nào cũng có cái hách riêng, chẳng ai chịu thua ai mà theo cùng một lý-tưởng cho tương đắc ; bài nào cũng khúc-triết cãi lấy phải cả. Ôi ! ông nào cũng phải, biết ông nào trái bây giờ ?

Thôi, phải trái cũng chẳng làm gì, nếu các ông mà còn cãi nhau mãi, thì

chỉ thêm tổn giấy hao mực, chứ người nghe cũng chẳng được ích. Trước sau tôi chỉ có một câu nói với các ông, là quốc-hồn của ta ngày nay như đứa con nít, xin các ông ra tâm làm phúc cứu-vớt lấy nó là đại-hạnh.

Cứu-vớt lấy quốc-hồn, tôi tưởng không gì khẩn-cấp bằng dựng tòa Hàn-lâm, hiệp những nhân-tài ở trong Nam ngoài Bắc lại một nhà mà cùng nhau dựng lại nền Nam-văn cho hiệp nhứt. Dựng lại nền Nam-văn cho hiệp-nhứt thì thế tất phải khảo cứu đến Hán-văn, Pháp-văn, cổ-văn của các cụ đời xưa và tân vẫn thời nay, rồi so-sánh cho hiệp lẽ, tán-giải cho chí lý, cho thiết-thực, cho lưu-loát : điều gì xét thực thì để, điều gì trái lý-tưởng thì bỏ, tiếng nào không được thanh-thấu, không có thể chúng dụng thì nên hoán-cải lại, còn tiếng nào chưa có thì hoặc đặt tiếng mới, hoặc mượn tiếng ngoại-quốc mà dùng. Lúc nào đã thu-thập được nhiều tiếng, bàn đi tính lại đã nhiều lần, có thể đem ra công-bố cho mọi người dùng được, thì sưu-tập lại thành pho, thành sách, thành tự-vựng, mẹo-điển cho có bằng-cứ, có nghiêm-luật để chung cả ba-kỳ học-tập nguyên một nền văn nhứt-định. Như thế thì quốc-văn ta chẳng có cơ tiến-bộ ? chẳng có giá-trị như Pháp-văn Hán-văn ư ? Mấy lúc mà thoát khỏi vòng ấu-trĩ, được trưởng-thành thì mới thông-dụng suốt cả nước, mới văn-hoa thanh thế ra đến ngoài. Ngần ấy cái ảo-tưởng, phi tòa Hàn-lâm gây-dựng lên thì khó lòng mà mong được.

Quốc-hồn một nước ở như quốc-văn, quốc-văn tất do ở văn-chương mà ra, văn-chương có cơ sinh-tồn, văn-chương của ta tuy theo nho-học có đã lâu, song ngày nay ta tra xét lại đã tự chê còn khuyết-điểm, có tu-tạo chỉnh-đốn thì mới hòng tiến-hóa. Cách tu-tạo chỉnh-đốn nay mới khởi-điểm, còn lông-bông lênh-bênh như nhà thiếu cây tre nóc. Nhà mà thiếu cây tre nóc thì chưa có thể lợp được. Cây tre nóc của cái nhà văn-chương ta ngày nay sắp làm để ở và để cho con cháu ta mai sau ở, tức là tòa Hàn-lâm, nếu tòa Hàn-lâm, chưa lập thành thì cái công khó nhọc của ta ra sức khai-hóa ngày nay cũng bằng bỏ.

Xem như ngày nay các nhà làm văn chia bè đảng kình-địch nhau mà chưa phân thắng phụ là chỉ có một mục-đích tranh khí lẫn đó thôi, chứ tóm lại thì chẳng khác gì bọn hát bội ra khuênh-khoang ở sân-khấu, nào gầm hét dữ-dội, nào vẻ tươi cười, đến lúc hạ màn là tẻ ngắt, kết cục chẳng nên việc gì có ích cho người ngồi xem cả. Thiệt thế : Ông bảo : đặt tiếng mới, phải dùng chữ tây. — ông quyết cãi phải noi lối cổ, phải dùng chữ Tàu. — Ông thỏ-thẻ chẳng tàu, chẳng tây, cứ An-man mà dùng. Ba ông khăng-khăng như vậy, biết theo ông nào cho phải ? Khó lắm thay !

Như ý tôi thì ông bảo đặt tiếng mới, dùng chữ tây cũng không được ; mà ông cãi phải noi lối cổ, dùng chữ tàu cũng không xong ; còn ông thứ ba, chà ! ông này lai : ông lai khách mà không am-hiểu được nhiều tiếng khách để thường dùng nên cũng đành nói tiếng mẹ-đẻ là An-nam vậy ; ông lai tây mà không thông-tường được nhiều tiếng tây để thường dùng ? nên cũng đành nói tiếng mẹ-sinh là Annam nốt — tưởng cũng chưa là phải hẳn. Ôi ! ba hạng người này mà chưa hạng nào thắng đi cho rồi, thì chắc còn lục-đục lắm.

Nhứt là hạng « *lai-căng* » tôi e lắm ! Tôi e là vì xem ra số « *lai-căng* » mỗi ngày lại một nhiều thêm ra ; mà có lẽ chẳng lâu lại thêm vài hạng « *lai-căng* » nữa, như lai-chà, lai-nhựt, lai-ăng-lê thì bè đảng còn phân ra nhiều phái đến đâu ? Ôi ! chán ngán cho hậu-vận Nam-văn thiệt !

Bây giờ ta muốn lập cuộc hòa-bình vĩnh-viễn cho ba đảng đã có và mấy

đảng sắp có nay mai, không gì diệu hơn là lập ngay tòa Hàn-lâm làm nêu-nóc, thì mới có thể chỉnh-đốn lại được.

Trước khi lập tòa Hàn-lâm ta nên nghĩ phương-kế lập tại đâu cho tiện. Lập ở Nam-kỳ hay ở Bắc-kỳ hay ở Trung-kỳ ? Chắc có ông bảo lập ở Nam-kỳ hơn, ở Bắc-kỳ hơn ; chắc cũng có ông bảo không đâu bằng lập tại đế-đô ở Huế (Trung-kỳ) là tiện nhứt. Vậy biết lập ở đâu cho vừa lòng cả mọi người ba kỳ bây giờ ?

Tôi xin phép các ngài mà tạm trả lời câu hỏi ấy rằng : « *Nên lập tòa Hàn-lâm ở Bắc-kỳ* » là thích-hiệp hơn hết.

Tôi trả lời câu ấy chẳng phải lấy ý riêng mà đã dám quả-quyết, khư-khư cãi phải lập tòa Hàn-lâm ở ngoài Bắc. Việc ấy là việc khó, dễ một người nói đã nên, đến năm mười người hoặc trăm nghìn người nói cũng chưa chắc đã công-thuận, phương-chi một tôi nói ; một tôi nói đã ai nghe mà có lẽ chẳng ai nghe vậy. Song vì đã bàn nên phải giải, giải lẽ trái phải ra mà nghe, họa may có ông nào tương-đắc, gia công cổ-động thêm vào thì cái may mới thiệt là đại-may vậy.

Tôi vụng nghĩ lập ở ngoài Bắc chánh là hiệp ý cả mọi người, vì cứ truy-nguyên văn của các chư-quí-ông bàn giải, như bài bàn về quốc-văn của ông L. Đ. T. đăng ở báo *Trung-Bắc-tân-văn* số 550 (ngày thứ tư 8 Janvier) kỳ vừa rồi có câu kết hậu rằng :

« . . . Đồng-bào ta muốn di-dưỡng tiếng nói của tổ-tiên, làm mối liên-lạc thiêng-liêng, muốn cho tiếng nói ấy đẹp mãi, mà càng ngày càng thêm đủ, thì *ba kỳ phải đua nhau mà theo nói một lối tiếng ngoài Bắc*, là lối nói đủ ý nhứt, theo nhịp nhứt. . . . »

Vậy thì câu trả lời tạm của tôi cũng có thể vừa lòng được mọi người và thầy-thầy mọi người cũng thường cho Bắc-kỳ là nguồn cội văn-chương chung cả nước Đại-Nam ta vậy.

Lập toà Hàn-lâm tại Bắc-kỳ chẳng những đã sẵn nền-nếp văn-hóa cũ, mà văn-hóa mới ngày nay xem ra cũng thịnh, lại thêm có quí-báo *Nam-phong* là một nhà báo cao-thượng, có đặc-sắc danh tiếng nhứt ; vậy thì ta lập ở đây, được tiện dụng cả mọi đường, mà ta có thể trông cậy được vào báo *Nam-phong*, gạt quách gánh nặng-nề cho báo *Nam-phong* làm chủ-trương toà Hàn-lâm này, còn bản-phận của ta hết thảy người từ Bắc chí Nam đứng vành ngoài làm tùy-phái, ra công tháo-vát, chỉnh-đốn cho đến ngày hoàn-toàn, có thể cho là chánh đáng với cái tên gọi.

Ta nhờ có gió Nam hây-hẩy thổi đã ngót vài năm nay mới khai cái u-hồn ám-muội, mới tỉnh tao trí-thức ; nay cái tinh-tình mới khoan-hoà được đôi chút, tư-tưởng mới phát-đạt hơn trước được ít nhiều, mà đã biết mơ-màng xướng-suất đến việc tương-lai rất khó-khăn không biết vướng-víu vào đâu mà nương tựa, phải cầu cứu đến gió-nam bảo-trợ, tưởng gió nam cũng sẵn lòng dìu-dắt chẳng quản công khó nhọc, cũng là việc ích cho đồng-chưởng ngày nay và ngày sau vậy.

Cái vấn-đề lập tòa Hàn-lâm đó chính là cái trách nhiệm quan-trọng về quốc-văn mai sau ở như bọn ta ngày nay, nếu bọn ta ngày nay không biết sớm liệu cho thành-lập để người đời sau nối-dõi, thì thế tất người đời sau phải ta-thán đến ta mà cho ta ngày nay có cũng như không mà thôi.

Bởi tôi lấy cái lý-tưởng hẹp hòi ấy mà dám lạm bàn đến cái vấn-đề cao-xa này, nhờ quí-báo cổ-động thêm cho chóng thành, thì tưởng cũng là việc ích chung, mà dân-gian ai cũng đội ơn quí-báo lắm vậy. Nên chăng còn nhờ lượng chư-quân-tử ba kỳ, nay tôi chỉ vì lòng nhiệt-thành với quốc-văn, nên viết ra đây ít câu bàn với chư quân-tử cùng nghị-luận.

ĐOÀN VINH (*lai cảo*)

TỒN - CỔ - LỤC

Các bậc tiền-bối nước ta làm ra rất là nhiều sách, mà xưa nay chửa ai dịch ra được mấy quyển, nên những sự cổ-tích nước ta lắm khi sao những mà nhiều người cũng không được tường. Vậy chúng tôi mới lục trong các sách cổ-thư, không kỳ sách nào cốt là khảo-cứu được tường về những sự nước Nam ta, như là những sách : Tang-thương ngẫu-lục, Vũ-trung tùy-bút, Phủ-man tạp-lục vân vân, lựa lấy từng truyện, từng đoạn mà dịch ra, đại khái chia ra từng mục như là : điển-lễ, phong-tục, danh-nhân, danh-thắng, học-thuật, vân vân, mỗi bài lại có lạm-bình một đôi lời, để cho tỏ những sự cổ-tích nước mình mà giữ lấy những điều quốc-túy, nên mới gọi là « Tồn-cổ-lục », xin các ngài xem mà lượng xét cho.

NGUYỄN HỮU-TIẾN *cẩn chí*

I

TIỀN-TRIỀU ĐIỂN LỄ

Lễ triều-hạ đời Lê Cảnh-hưng

Năm ất-tị niên-hiệu Cảnh-hưng, vua Lê Hiển-Tôn thọ 70 tuổi. Khi ấy các đình-thần là ông Bùi Huy-Bích, Hồ Sĩ-Đống bàn dâng tôn-hiệu vua là : « Uyên-Ý khâm-cung nhân-từ đức-thọ hoàng-đế », định đến ngày thánh-thọ thì làm lễ triều-hạ. Khi bấy giờ lễ triều-yết bỏ trễ đã lâu, nền cũ ở núi Nùng đã bỏ làm đền Kính-thiên, để làm chỗ thờ hiệu-thiên thượng-đế và hậu-thổ địa-kỳ, mà tôn vua Thái-tổ lên phối-hưởng. Vua thì cứ ngày sóc vọng [1] ra ngự-triều ở đền Cần-chánh. Nhưng bấy giờ viện Đãi-lậu [2] ở hai dẫy bên tả hữu đều đã đổ nát mất cả, trong thềm thì cỏ rậm đến gối, nước đái ngựa bừa bãi. Khi ấy mới sai quan đề-lãnh đốc quân vệ-sĩ ra dẫy cỏ dọn nền, sửa lại viện Đãi-lậu.

Trước một ngày, quan Phụng-thiên phủ-doãn Hoàng-Vĩnh-Trân dóng-dả các quan-thuộc sắp đủ triều-phục đến túc-trực ở sở tư-lễ trông coi hòm biểu. Sớm ngày hôm sau, hoàng-thượng ra ngồi trên ngự-tọa ; hai ban văn võ lần lượt ra sắp hàng chầu : Hoàng-tử đệ tứ là Đại-tư-đồ Sùng-nhượng-công đầu ban võ, ông Hồ-Sĩ-Đống thứ hai ; quan quốc-lão quận-công Nguyễn-Công-Hãng đầu ban văn, ông Bùi-Huy-Bích thứ hai. Các quan Hồng-lô-tự đứng bày hàng ra trước cửa ; chia ra nội-tán, ngoại-tán để làm lễ triều-bái ; ông Phan Huy-Ích quỳ ở bên hữu ngự-điện, tuyên đọc bài biểu, tiếng vang ra đến ngoài cửa Đoan-môn. Lễ xong, quan phụ-tá-trung-quí mặc áo hồng-bào, thắt đai tê, tự bên hữu ngự-tọa đi ra xuống dưới bậc thềm tuyên-chỉ vua cho bách quan hội-yến ở viện Đãi-lậu. Các phụ-lão chốn đô-thành đều nói rằng : « Từ năm Chính-hòa (1680) đến nay đã tám mươi năm mới lại trông thấy lễ triều-hạ này ! »

(Dịch sách *Tang-thương ngẫu lục*)

Lạm bình

Nhà Lê từ đời trung-hưng trở về sau, quyền chánh về cả tay chúa Trịnh, vua Lê chỉ là hư-vị ngồi suông, cho nên lễ triều-hạ bỏ sơ-khoáng đã lâu. Nhân khi ấy có ông Nguyễn-Công-Hãng, Bùi-Huy-Bích, Hồ-Sĩ-Đống là những bậc danh-vọng đại-thần làm phụ-chánh ; mà vua Hiển-tôn là một vì thái-bình thiên-tử, trị vì đã được

(1) Sóc 朔 là ngày mồng một, vọng 望 là ngày rằm.
(2) Đãi lậu 待 漏 là một nơi các quan vào ngồi đợi đồng hồ đến sáng thì vào chầu.

hơn 40 năm, thọ đến 70 tuổi, bấy giờ mới nhân tiết thánh-thọ mà bày ra lễ triều-hạ, tuy rằng giữ cái cụ-văn [1], nhưng cũng tỏ được tấm lòng tôn-quân thân-thượng, nền-nếp hãy còn nền-nếp cũ, lễ-văn nào khác lễ-văn xưa, cũng đủ làm cho các phụ-lão chốn kinh-thành đoái trông mà động lòng hoài-cổ.

Tự đời Lê-qui đến giờ mới độ hơn một trăm năm nay, thế mà những cảnh tượng cựu-triều, trải qua mấy lớp sóng tang-thương, nay đã khó tìm cho thấy được những nền lễ văn cổ-tích. Qua Khâm-thiên mà thăm nơi Trịnh phủ, thì ngọn lửa Tây-sơn đã tàn ra tro bụi, chỉ nghe thấy những tiếng còi xe hỏa rúc tu-tu ; qua tả hữu Vọng-hồ mà thăm hồn cổ-kiếm, thì linh-quang bạch-khí đã bay tới trời xanh, chỉ thấy những bóng đèn điện-đăng sáng bừng con mắt tục ; đền Kính-thiên ở non Nùng khi trước là nơi bách-quan triều-bái, đến bây giờ hỏi thăm cố-chỉ [2] thì rồng đá đã vùi đầu đám cỏ xanh ; đình yết-bảng ở ngã ba cấm-chỉ khi xưa, là nơi tuyên chiếu sắc nhà vua, đến bây giờ là chợ cửa Nam, chỉ nghe thấy om-xòm những tiếng hàng rau hàng cá ; phàm những hình-thức văn-minh khi trước, nay đã đổi ra cảnh-tượng văn-minh bây giờ, còn biết đâu mà nhận được cái dấu cố-đô khi trước. dẫu còn có một vài nơi cổ-tích như : Bia đá nhà Giám-trụ, sầm-uất dưới bóng cây xanh ; tượng đồng quán Trấn-võ, nguy-nga trên hồ Lãng-bạc ; sau này người điếu-cổ [3] khi qua chơi còn nhận biết được nét mực cựu-thời, trông phong-cảnh mới, nhớ nước non xưa, thời những nền lễ-văn, công sáng-tạo của tiền-nhân, không lẽ cứ phó-mặc cho bèo trôi sóng vỗ, Thấm-thoắt trăm năm là mấy chốc, cố-đô phong-vật khác thời xưa, tự thời Lê-qui mà coi lại thời Lê sơ, cũng như tự thời bây giờ mà coi lại thời Lê-qui, thời bấy giờ cho thời Lê-qui là cổ, thời bây giờ là kim, biết đâu trăm năm nữa sau này lại không coi thời bây giờ là cổ, vậy ta nên sưu tầm [4] lấy những nền lễ-văn cổ-tích, để truyền lại cái tối-cổ cho đời sau, không những là tỏ được cái công-nghiệp của tiền-nhân, mà lại biết được cái cơ tiến-hoá dần-dần về sau này, cũng bởi cái nền khai-thác công-lao từ đời trước, thử ngẫm mà coi những danh-nhân những điển-lễ, những phong-tục, những danh-thắng tự triều Nguyễn ta trở về Tiền-Lê.

II

Danh-nhân truyện-ký

Nguyễn Duy-Thời

Quan thượng-thư Nguyễn Duy-Thời 阮維辰 là bậc danh-tướng đời Lê trung-hưng, tính ngài rất cương trực, lại hay can ngăn hồi lại được ý vua. Khi ấy trong Trịnh-phủ có chế ra một cái xe rất hoa-mỹ. Một hôm ông đứng ở bên, chợt trúng phong ngã lăn vào trong xe, chúa Trịnh sai đưa về dinh. Hôm sau ông vào tâu rằng : « Hôm qua tôi trúng ác-phong, may được nhờ nhà chúa bao-dung cho. Nhưng cái xe kia mà thân bệnh này đã ngã vào đó, thời không nên tiến-dụng nữa ; tôi xin kén trọn sửa sang cái xe khác để dâng nộp ». Chúa Trịnh biết ý cũng không bắt làm chi nữa.

Ông có khi cáo về ở phủ Yên-lãng. Bấy giờ chúa Trịnh có nàng Sủng-phi người làng Mông-phụ, chúa rất quyến-ái, quyền thế lừng-lẫy. Ông thường nói ý khuyên răn. Khi ấy chúa Trịnh nhân ông cáo về, thường ngự thuyền rồng mượn

(1) Cụ văn 具文 là giữ cho đủ lễ văn suông.

(2) Cố-chỉ 故址 là cái nền cũ.

(3) Điếu-cổ 吊古 là viếng thăm giấu tích đời cổ.

(4) Sưu-tầm 搜尋 là tìm tòi kê-cứu cho ra.

tiếng là đi kinh-lược trấn Sơn-tây để tiện đường qua chơi làng nàng Sủng-phi. Thuyền ghé qua bến Yên-lãng, ông bèn ra bài yết ở bến sông, tàu rằng : « Nay trấn Sơn-tây không có việc gì, mà nhà chúa chỉ vì người con gái, cần động đến sáu quân, thời như quốc-thể làm sao ? » Ông liền bảo vệ-sĩ không được chở thuyền lên nữa, hễ đứa nào trái lệnh thì cứ phép quân mà xử. Chúa Trịnh phải trở về

Dinh ông ở là Tư-chánh đường, hễ khi đi chầu về thì nghỉ ở đó, chỉ có hai tên tiểu-đồng hầu-hạ, còn bà phu-nhân cùng là các dắng-thiếp[1] không ai được ra vào, không ai dám lấy sự riêng mà cầu-cạnh điều gì. Khi ấy ông có thẩm cái án tử-tù, vợ tên tù đã đi đút-lót các cửa quyền-môn qui-thích, đều thúc-thủ không ai gỡ được. Người vợ bèn đón hai tên tiểu-đồng kêu van lạy-lục, xin đưa hai nghìn bạc để hối-lộ cho ông. Tên tiểu-đồng rằng : « Cụ lớn tôi không thể đưa vàng bạc mà làm chuyển được tâm đâu. Nhưng tôi thương nhà ngươi đau đớn quá, tôi hãy thử xem thế nào ». Bèn nhận lấy bạc đem vào dinh, để vào chỗ cạch-giường ông nằm, đêm khuya, ông tự chánh-phủ trở về, lên giường nằm chạm phải bạc rơi xuống đất loảng-xoảng, ông giật mình hỏi tên tiểu-đồng : « Sao lại có bạc đâu ở đấy ? » Tiểu-đồng quị xuống đất nói thú-thực và xin chịu tội. Ông nín lặng hồi lâu rồi nói : « Đứng dậy, tha tội cho mày. Việc án xử-tử là án nặng, mà mày còn trẻ con, dám nhận lấy món lợi to đến hai nghìn bạc, liều chết mà kêu xin, hay là tại ý trời run-rủi ra làm sao đây ? Thôi đem bạc trả lại cho nó, ta không thèm lấy ». Liền đêm hôm ấy ông lại vào vương-phủ nói xin cho tên tù miễn-tử. Chúa-Trịnh nói rằng : « Tiên-sinh thật là khó nhọc quá, sao không để đến sớm mai hãy tâu. » Ông nói : « Sợ để đến mai lại hình ra có ý tư-túi gì chăng ». Chúa Trịnh đẹp lòng, tên tù được khỏi chết.

Nguyễn-văn-Giai

Ông Nguyễn Văn-Giai 阮文階 người Thiên lộc khi làm đầu lục-bộ, các kẻ qui-thích đều nín-thít không ai dám he. Bấy giờ có Quận Mã[2] là em vợ Chúa Trịnh đi đánh trận thua chạy về, ông đem tống ngục kết án xử-tử. Chúa Trịnh muốn tha, nhưng không biết nói ra làm sao, mới đem những tờ dụ-chỉ ra để biện bác, song cũng không cãi lại được. Ông có nhiều vợ đến năm sáu bà cũng như là bậc phu-nhân cả, mà yêu nhất là bà ba. Bà quận-chúa (chị quận Mã) mới đem đồ báu ngọc nhân người vú đưa vào nói truyện với bà-ba, để gỡ tội cho quận Mã. Bà-ba trối từ nói rằng : « Ông lớn tôi thanh-liêm lắm, không dám nói những truyện ấy. Vả lại nghị-án là việc trong triều-đình, thiếp không dám can dự đến ». Bà quận-chúa cố nài ép mãi, Bà-ba mới nói rằng : « sớm mai cứ sắp sẵn con lợn luộc, mâm xôi nếp, đủ các thức nước chấm, dao thớt sẵn sàng đựng cả vào quả, chực khi nào ông lớn tôi vào chầu vắng thì bưng vào biếu » Bà quận-chúa mừng lắm từ tạ trở ra. Buổi sớm mai ông sắp vào chầu, sai dọn cơm sớm, Bà ba nói : « Bây giờ trong triều đã đông rồi, thời ông hãy đi chầu rồi về hãy xơi cơm ». Ông lên xe đi vào chầu, khi tan buổi chầu trở về, bụng đói lắm, thấy quả đồ ăn, ông bèn lấy dao cắt thịt nắm xôi ăn, vụt chốc hết nhẵn, chợt nghĩ ra mới hỏi rằng : « sao lại có những vật này thế ? » Bà Ba mới nói là của bà quận chúa đưa lễ đến để xin cho em. Ông

(1) Dăng-thiếp 媵妾 là nàng hầu vợ lẽ.

(2) Quận Mã tên là Đặng-Lân em là Tuyên-phi (Đặng-thị-Huệ) vợ Trịnh Tính-vương.

cả giận nói : « Thôi ta nhầm rồi, ta nhầm rồi ! lấy một bữa no mà tha cái tội đáng chết cho người, chẳng cũng là trời ư ? » Liền vào yết vương-phủ xin tha cho quận Mã, Chúa Trịnh mừng liền tha cho ngay.

Một hôm, ông đi vào chầu qua chợ cửa Đông, thấy bán một con cá cháy lớn dẫy thước, ông lấy làm lạ mới hỏi thử xem. Khi trở về dinh thì thấy có nhiều người đến lễ đều là từng khúc cá cháy cả, ông mới thử sai chắp lại thì chỉ thiếu có một khúc đuôi ; sau hỏi dò ngoài chợ mới biết là những người ấy đều mua con cá cháy ấy mà đem lễ. Ông than rằng : « Lộc ta hưởng hết mất rồi, con cháu ta sau này dễ thường suy kém mất ! » Sau quả nhiên như lời ông nói.

Sau này lại có ông quốc-lão Phạm Công-trứ, 范公著, khi làm tướng, thẩm án một tên phiên-tù phạm phép đáng chết. Vợ tên tù mới đút lót cho tên nhà bếp hầu ông. Tên nhà bếp biết tính ông hay ăn chả chim sẻ, bèn xui mua chim sẻ vàng rồi nướng chả đem dâng. Ông ăn rồi mới hỏi, tên nhà bếp lạy phục xuống đưa bạc ra xin thú tội. Ông cả giận, moi cổ họng thổ ra, rồi mắng rằng : « Mày phải lập tức đem ngay bạc trả cho nó » Đến khi kết án, ông cũng xin chúa tha tội chết cho tên tù ấy. Xem hai việc trên này đại-khái cũng giống nhau.

Lạm binh. — Xét thời cố-Lê làm quan chỉ có lộc-điền mà thôi, quan-bổng hãy còn rất bạc, mà quan-trường lại lắm ông thanh liêm : Nào ông Nguyễn Duy-Thời dẫu đút-lót đến hai nghìn bạc mà liền bắt tiểu-đồng trả lại chớ không thèm ; ông Nguyễn văn-Giai dẫu bà chúa đưa cho báu ngọc mà bà Ba phải trao trả chớ không dám nhận ; ông Phạm Công-Trứ cũng không ai dám hối-lộ sự gì ; sao bổng bạc mà quan liêm được như vậy ? Cũng bởi vì các cụ nghĩ đến cái giá-trị nhà làm quan là cái giá-trị cao-thượng chớ không phải cái giá-trị chỉ chuộng lấy cho được nhiều tiền : cốt là đối với vua, với dân, với nước sao cho hết nghĩa-vụ, thì cái giá trị mình càng cao, cho nên ai đã ra làm quan cần phải giữ lấy cái danh giá thanh-liêm làm trọng. Tuy về phần quan thì biết giữ cái thói thanh-liêm như vậy. Nhưng về phần dân còn nhiều kẻ ngu-dại phỏng biết phép-luật, chỉ biết đem tiền của để làm cái bùa hộ thân, hễ động có sự gì đến cửa công-môn, thì chỉ chắc về cái lễ nén bạc đàm toạc tờ giấy, hết đút-lót cửa này, lại luồn-lọt cửa kia, nào là nhờ vệ bà ba, mượn tay cậu bé, thậm chí kêu van đến cả cậu bếp bồi bài, dẫu biết rằng tiền vào cửa quan như than vào lò, nhưng chỉ cầu cho êm được việc, gỡ được tội, thì dẫu mất bao nhiêu cũng không tiếc. Ấy cái thói hối-lộ công-hành từ thủa xưa đã thế đấy, thì tài nào mà cầu cho được quan liêm ? Thế cho nên làm quan mà giữ được nết liêm cũng rất là khó, nào là cô hầu cạnh nách, cậu bếp sau lưng, cậu bồi dưới gối, hễ dòm được cái tính sở-thích của quan lớn, mà đâu ngay cái sở thích, để làm mồi cầu-cạnh, thì lắm khi quan lớn cũng phải nhòa mất cái kính thanh-liêm, xem như các bậc danh-tướng trên này : Ông thì thích xôi lợn, ông thì thích chả chim, mà cậu bếp cô hầu đã thừa cơ mà đầu-kỳ sở-thích. Huống chi là thích vàng tham bạc, ai cũng đồng tình, nếu quan mà lộ cái tính sở-thích ấy ra, thời thấy nha tôn-ngót cửa trước, cậu lệ thì-thọt cửa sau, không những là gà, là gạo, là ngỗng, là ngan, mồng năm ngày tết, đem đến như mưa, mà cái sở-thích nhất của quan lớn cũng tự-nhiên ở đâu dâng đến, dẫu gạt ra cũng không xuể, xem như các bậc thanh-liêm đã nghiêm cự đường hối-lộ như thế, mà còn có kẻ khéo lựa ý để thỉnh-cầu, vậy thì cái ý hiếu-thượng của quan há chẳng nên cẩn-thận lắm ru !

Nguyễn Công-Hãng

Quan Thượng-thư Nguyễn Công-Hãng 阮公沆 là bậc danh-tướng thời chúa An, đỗ tiến-sĩ năm hai mươi mốt tuổi, làm đốc-trấn An-bang (bây giờ là Quảng-yên), địa-thế trấn ấy gần bể sau lưng dựa theo núi ; đời Lê Hồng-thuận có câu thơ ngự-chế đề ở bia đá núi ấy rằng : « Cự tẩm uông dương triều bách-xuyên 巨浸汪洋朝百川(1) ». Ông mới sao lục lại đưa cho bạn đồng-niên (2) xem, viết nhầm chữ cự 巨 ra chữ táp 匝, các bạn đồng-niên có ý cười. Ông phẫn chí, bèn từ chức về học, kê-cứu suốt cả điển-cố triều-đình cùng là phép-luật, sổ-sách ; được vài năm, ông chắc là mình học đã giỏi, bèn lại ra cung-chức.

Khi ông làm quan trong triều, thường hay thiết-trực, chúa Trịnh lắm khi phải dẹp oai không dám giận. Năm Khang-hi nhà Thanh thứ 57, là năm lệ nước ta phải tuế-cống (3) nước Tàu, ông làm Binh-bộ tả-thị-lang sung-chúc chánh-sứ sang sứ Tàu. Nguyên khi xưa vua Lê Thái-tổ đánh quân nhà Minh ở núi Mã-yên (thuộc Lạng-sơn) chém được tướng Minh là hầu An-viễn Liễu-Thăng, đến khi giảng hòa nộp cống, người nhà Minh bắt đền, phải đúc người vàng để nộp thay. Đến khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê, nhà Minh lại sai Cừu-Loan, Mao Bá-Ôn sang đánh, họ Mạc lại đúc người vàng để hối lộ cho nhà Minh. Khi nhà Lê mới trung-hưng, nhà Minh lại sai sứ sang trách rằng sao dám thiện-tiện giết kẻ cống-thần là Mạc Mậu-Hợp, bấy giờ lại phải đúc người vàng sang tạ, tự đó về sau triều nào cũng phải thường cống như thế. Khi ông sang sứ, ông xin bãi bỏ cái lệ ấy đi. Người nhà Thanh hỏi đến những lệ cũ. Ông thưa rằng : « Nay quốc-vương tôi nối giữ tiên-nghiệp, chức-cống cũng không thiếu, còn như lệ cũ cống-nộp khoản này khoản khác, sứ-thần chúng tôi không được biết ». Người nhà Thanh lại hỏi đến cái nợ Liễu-Thăng. Ông nói rằng : « Liễu-Thăng là tướng đời nhà Minh, bây giờ đương đời hoàng Thanh, thống thuộc cả muôn nước, mà chỉ khư-khư trách đòi của hối-lộ, để báo thù người đời trước, thì kích-khuyến thế nào được người sau? » Lệ cũ vẫn phải cống mấy chĩnh nước giếng ở Loa-thành (thuộc Phúc-yên), để làm nước rửa hạt châu, ông đem đổ nước ấy đi, khi gần đến nơi múc ít nước khe núi đem nộp, người Tàu rửa thử không thấy nghiệm mới trách-hỏi. Ông nói : « Bởi đi lâu ngày nên hơi nước mới biến mùi như vậy ». Vì ông cãi lẽ như thế, nên hai lệ cống trên này mới bãi đi được là từ đấy.

Từ khi ông đi sứ về cùng với ông Lê Anh-Tuấn người Thanh-mai cùng làm tướng, khẳng-khái tự nhận lấy trách-nhiệm kinh-tế trong thiên-hạ, cố-gắng tinh-thần, sửa-sang phép-tắc, phàm những qui-mô chốn đài-các trong hơn một trăm năm, đều là tự tay ông định ra cả. Từ khi nhà Lê trung-hưng về sau, những lối y-phục triều-nghi chửa ai chỉnh đốn lại cả ; khi ông sang sứ Tàu tra xét được lối y phục nhà Minh, đến khi làm tướng mới định lại các lối phẩm phục : lúc đại-triều thì mặc áo bố-tử, chít khăn bịt đầu, chuộng mùi hồng làm hơn cả, thứ hai đến mùi huyền, mùi xanh. Lúc thường thì quan văn chít khăn lương, quan võ chít khăn đuôi vến, mặc áo cát-bá xanh phủ ra đằng sau, hạng thứ nữa thì chít khăn chữ đinh. Quân lính thì đội nón chóp kiểu thầy tu mặc áo tay chẽn.

(1) Nghĩa là cái bể nước lớn mông mênh, trăm sông chảy cả về đó.
(2) Đồng niên 同年 là người bạn cùng đỗ một khoa.
(3) Tuế cống 歲貢 là lệ ba năm một lần cống.

Lại hay kích-khuyến khi-tiết kẻ học-trò cho được cùng với các quan khanh-phu kháng-lễ ; muốn đổi văn-thể chế-nghệ, để thi học trò ; lại bớt lộc-điền của các người công-thần để chi cấp việc kinh-phí nhà-nước, vì thế nên nhiều người oán. Chúa Trịnh muốn mở phủ cầm quyền chánh, như lúc mới trung-hưng đời ông Nguyễn Duy-Thời làm tướng, nhưng ông gạt đi lại thôi. Khi chúa Uy còn làm thế-tử, chúa An sai ông dạy học, ông mật-tâu với chúa An rằng : « Thế-tử nhu-nọa lắm không gánh vác được việc lớn ». Chúa An nói : « Ta cũng đã biết, nhưng y giữ quyền bính đã lâu, mà chưa có điều lỗi gì lớn, nên ta chưa nỡ ». Ông lạy tâu rằng : « Biết con không ai bằng cha, xin chúa-thượng sớm định lấy kế nhà xã-tắc ». Chúa An nhận lấy tờ khải cất vào hòm, đến sau gặp kỳ đại-lễ, thế-tử thất nghi. Chúa An cả giận, triệu đình-thần hội bàn định chuất ngôi thế-tử, chưa thành nghị thì chúa An mất. Thế-tử nối ngôi hiệu là Uy-vương, lục ra thấy tờ khải của ông khi trước, mang lòng oán-giận, bèn bãi ông không cho làm tướng, đem an-trí trên Tuyên-quang, rồi sai quan trung-sứ đến đánh thuốc độc cho ông chết.

Lạm-bình

Nước Nam ta phía bắc tiếp giáp với nước Tàu, nên khi trước thường bị người Tàu xâm chiếm, kể từ khi nội-thuộc nhà Tiền-hán đến nhà Hậu-tấn ngót một nghìn năm, tuy rằng có thâu thái[1] được ít nhiều văn-hóa của Tàu, nhưng trong khi nội-thuộc lắm hồi rất là cực khổ : Vì có Tô-Định tham tàn, thì Trưng nữ-vương mới phất cờ nương-tử ; Tiêu-Tư bạo-ngược, thì Lý Nam-đế mới dựng ngọn đàu-mâu. Sau đến Ngô vương Quyền giết được Hoằng-Tháo, thì nước ta mới thoát vòng nội-thuộc. Kế đến đời Đinh mới gây nền độc-lập, đời Lý mới tỏ nghiệp võ-công, đời Trần lại có Thoát-Hoan, Ô-mã-Nhi ba lần sang xâm lấn, may có Trần Hưng-Đạo vương thì nước ta mới khỏi cái vạ Mông-cổ. Khi cuối đời Trần thời bên Tàu là đời Minh Vĩnh-lạc (1100), chỉ muốn thừa cơ mà quận huyện lấy nước ta, nào là khiến tướng tiên-phong, đặt quan đô-hộ, trong mười bốn năm trời, hết Trương-Phụ, Mộc-Thạnh, lại đến Hoàng-Phúc, Vương-Thông, kế đến Liễu-Thăng là một tay hung-tàn kiêu-tướng, may khi ấy có vua Lê Thái-tổ, trước đuổi Trương-Phụ đánh Mộc-Thạnh, sau bắt Hoàng-Phúc, vây Vương-Thông, rồi lại bèn được đầu Liễu-Thăng ở núi Yên-ngựa, thế thì cái trận chém Liễu-Thăng ấy nước ta nên ghi lấy làm công, mà người nhà Minh lại kể làm món nợ, ngoài cái sự cống nước rửa châu, hiến đồ phương-vật[2] là lệ thường tuế-cống không kể, lại còn phải đúc người vàng thế mạng, để trả cái nợ Liễu-Thăng. Than ơi ! Nợ Liễu-Thăng, nợ Liễu-Thăng, là cái nợ truyền kiếp hay sao ? hay chỉ là cái thói đòi nợ xít ! Thế mà trải qua đời Minh sang đến đời Thanh (Khang-hi), người Tàu hãy còn moi-móc mà đòi hỏi, kể biết bao nhiêu là người vàng tự đời Lê hiến-nộp, họ Mạc dút-lót, một năm là một lần thưởng-cống, một tượng người vàng là một giọt máu đào, cũng không thể cho thỏa được cái lòng tham dạ muốn của chú chệc. May khi ấy có ông Nguyễn Công-Hãng đem cái chính-lý mà biện bác ở chốn đại-đình[3], khiến cho người nhà Thanh phải khuất

(1) Thâu thái 輸 採 là thâu nhặt thu về làm của mình.
(2) Phương-vật 方 物 là sản-vật ở một phương nào, như là thổ-sản phương nam.
(3) Đại-đình 大 庭 là một nơi sân lớn ở chốn triều-đình.

phục, không những là bãi được cái lệ cống nước giếng ở Loa-thành, mà lại cãi được cái nợ đúc người vàng làm tuế-cống, từ đấy nước ta mới rứt được cái nợ Liễn-Thăng.

Đến bây giờ nhờ được nhà nước Đại-Pháp bảo-hộ, rộng lòng khai hóa, mở mang nguồn vàng suối bạc cho dân ta, nào là mở đường buôn bán, lập hội canh-nông, chỉ cầu cho dân ta càng ngày càng thịnh-vượng. Vậy thì nhờ ơn Bảo-hộ bây giờ được sung-sướng bao nhiêu, lại càng tỏ cái thói người Tàu hà-hiếp khi xưa cực-khổ là dường nào ; càng nhớ đến công ông Nguyễn Công-Hãng bao nhiêu, lại càng mến ơn Bảo-hộ bấy nhiêu. Than ôi ! Nước ta khi trước mà thoát được cái nợ Liễu-Thăng, là nhờ ông Nguyễn Công-Hãng đối đáp được với người Tàu ; đến bây giờ mà thoát được cái vạ Mông-cổ, không phải cống-hiến đến nước Tàu nữa là nhờ ai ? Đời Trần thì có Hưng-Đạo vương, đời Lê thì có Lê Thái-tổ, đến bây giờ thì nhờ ơn Bảo-hộ biết là chừng nào !

Nguyễn Bá-Dương

Ông Nguyễn Bá-Dương 阮伯暘 người làng Nguyễn-Sá huyện Thần-khê, là người học trò nghèo, thường khi vào kinh-đô du-học, qua phường Diên-hưng[1] gặp ông Bình-Trung-công chống gậy đứng chơi ở trước cửa, thấy ông là người học trò mới hỏi truyện, rồi trỏ bức vẽ cảnh cây thông trên vách tường bảo ông vịnh bài thơ, ông liền đề bốn câu thơ rằng :

石上青松百尺長
Thông kia trăm thước tít mù cao,

飛花滿洞水生香
Trước đồng hương bay những ngạt-ngào.

叮嚀樵子休輕伐
Nhắn nhủ chú tiều đừng vội chặn,

留取他年作棟樑
Đống lương dành để dụng về sau.

Ông đề xong, Trung-công khen bài thơ có khí-phách, thưởng cho năm quan tiền, bài thơ ấy đến cuối năm Cảnh-hưng hãy còn để ở trên vách.

Ông nhà nghèo rớt mùng tơi, mà vẫn cư xử điềm-nhiên như không, tính lỗi-lạc, hay uống rượu. Khi du-học kinh-đô, chỉ trơ trọi có một manh áo, chớ không còn có gì cả. Vì mắc nợ chín tiền rượu của mụ hàng rượu làng Hoàng-mai, mụ hàng mới đón ông qua ngang đường bắt lột áo. Nhân khi ấy có một người con gái cũng gánh rượu đi bán vừa qua đấy thấy ông bị lột mới đặt gánh xuống khuyên can mụ hàng rượu, mụ hàng nhất định không nghe, người con gái tức mình mới bỏ tiền của mình ra trả hộ cho ông, rồi lại gánh hàng đi liền. Ông chạy theo gọi : « Cô ơi cô, tôi xin đa-tạ cô, nhà cô ở đâu xin cho tôi biết ». Người con gái hắt tay đi, nói rằng : « Thầy là người học-trò, chỉ vì chè chén mà phải nhục với mụ hàng ; tôi không nỡ để cho thầy phải thế, chớ tôi mong gì báo ơn ». Nói rồi liền đi. Ông trở lại hỏi mụ hàng rượu mới biết rằng nàng ở làng Hoàng-mai, cứ nhớ đinh-ninh trong dạ. Sau ông lên học Sơn-tây, trọ ở chốn nhà quê, suốt ngày học tập làm văn, nhưng thường không có giấy viết, phải viết cả lên trên mặt bàn, nào son nào mực, mặt bàn lem nhem cả ra. Năm ấy gặp khoa thi, ông mới từ quán-chủ về đi thi, khảo hạch tự huyện lên đến tỉnh đều đỗ cả, tiếng tăm lừng lẫy, thi hương đỗ hương-cống, thi hội liền đỗ tiến-sĩ, đồng khoa với ông Ngô Thời-Sĩ người Thanh-oai.

(1) Bây giờ là phố hàng Ngang.

Khi ấy các bạn đồng-niên vồng dá xe ngựa đón rước về vinh-qui rập rịch, mà ông vẫn còn nằm quèo ở nhà trọ. Bấy giờ có bà Quận phu-nhân là mẹ nuôi bà chúa, nghe tin ông đỗ, bèn sai đem võng đến đón, hứa gả con gái cho, rồi gọi cả lũ con gái cháu gái và mười người, ăn mặc là lượt bước ra, tùy ý ông chấm lấy người nào thì gả cho người ấy. Ông nói đã đính-hôn với người con gái Hoàng-mai rồi. Bà Quận phu-nhân nói : « Không can sao ». Bèn sai sắp võng dá, vàng lụa đi đón cô ả Hoàng-mai về, cưới làm vợ cả, mà cháu gái bà Quận phu-nhân thì lấy làm lẽ, cả chốn kinh-thành đều nức tiếng khen.

Khi ông làm quan trong triều có tiếng là người chính-trực, sau bổ làm Án-sát Ái-châu, có quan trấn-thủ tên mỗ ỷ thế bà chánh-cung Đặng Tuyên-phi (vợ Trịnh Tĩnh-vương) làm lắm điều càn dỡ quá phép, ông sai gông lại đòi tiền hối-lộ, không có thì đem roi trượng khảo tấn, tên mỗ mới đem đút cho ông bốn trăm lạng bạc, ông tống giam, liền đem cái số tiền hối-lộ ấy vào kinh tâu lên chúa Trịnh. Bà Đặng-phi nghe việc tên mỗ bị ông làm nhục, mới khóc lóc kêu xin chúa Trịnh. Chúa Trịnh nói : « Bạc hối-lộ còn rành rành ra đây, còn kêu xin sao được ». Bà phi thẹn phải thôi. Tên mỗ phải phục tội, truyện ấy người chàu Ái vẫn lấy làm ngợi khen.

Lạm-bình

Học-trò thời xưa với học trò thời nay mỗi thời một khác, thời xưa chuộng khoa-cử, học-trò chỉ chuyên học hán-văn, thời nay chuộng tân-học. học-trò lại chuyên học Pháp-tự. Nhưng thời nay về đường học-phí thời tốn kém nhiều, mà thuở xưa thời không tốn mấy, thế cho nên có người nghèo cũng cố chí học được. Xem như ông Nguyễn-bá-Dương nghèo đến nỗi áo không có mà mặc, giấy không có mà viết, thế mà còn cố học thi đỗ đến đại-khoa. Đương lúc còn trong trần-luỵ, nay ra kẻ chợ, mai chợ nhà quê, bụi hồng-trần nhuộm nhám áo thanh-sam [1], khách hồng-phấn còn ai đoái chi người hàn-sĩ. Thế mà cô ả Hoàng-mai lại có bụng lân-tài [2], liền vứt tiền lưng ra để giải nạn cho người quân-tử, chớ không mong gì báo đáp. Như nàng thực là một người hào-nữ, mà khen thay con mắt cũng tinh đời ! Giá thử các bậc khuê-tú [3] bây giờ, tài học dã lầu thông quốc-ngữ, điểm trang đã theo cách văn-minh, con mắt chỉ ưa nhìn những cái mã văn-minh : Cổ-là, ca-vát, (cravat), áo đoạn, áo sa, có trông thấy cậu-khóa áo nước lòng, dẫu hay chữ mười mươi, thời cũng đưa ngay mu-soa (mouchoir) lên ngang mũi ! Đó tuy là cái thói hiếu-thượng [4] mỗi thời một khác, nhưng các bạn hồng-nhan dễ có mấy người thanh-nhỡn [5] được như ả Hoàng-mai ; tình cờ gặp gỡ, cưu giúp cho nhau, cô ả có mong gì đền ơn ; mà thầy khóa vẫn không dám phụ ngãi. Quả nhiên đỗ đến đại-khoa. đinh-ninh nghĩa cũ, còn nhớ người xưa, còn trời, còn nước, còn non, còn cô bán rượu anh còn say sưa. ơn trả ngãi đền, chớ khi nào lại quyên người ân-nữ ; dẫu các ả thi nhau mà tô son điểm phấn, để cầu xin nâng khăn sửa túi cũng không thèm. Như ông thực là một người tài giai không

(1) Thanh-sam 青 衫 là áo vải xanh mặc thường.
(2) Lân-tài 憐 才 là thương người có tài học.
(3) Khuê tú 閨 秀 là người con gái tốt ở chốn khuê-môn.
(4) Hiếu-thượng 好 尚 là yêu chuộng.
(5) Thanh-nhỡn 青 眼 là mắt xanh, con mắt đãi người một cách qui-trọng.

phụ nghĩa không quên ơn. Ấy là hàm ơn một người con gái mà còn mong báo đáp như thế, nữa là hàm ơn của cha mẹ, hàm ơn của xã-hội, bảo-chợ cho mình đi học hiện thời bây giờ tốn kém biết là chừng nào: một vài bộ Âu-trang [1] đã năm sáu chục bạc, năm ba pho sách học, đã đôi ba mươi đồng, lại còn tiền lưu-học phi-tổn kể đến hàng trăm hàng nghìn, chớ không phải tốn độ một vài quan, năm bảy tiền như khi trước. Phi-tổn như thế mà mình được nhờ có cha mẹ cấp-dưỡng cho, hay là xã-hội bảo-chợ cho, không thiếu một thứ gì, thời bây giờ đi học thực sướng hơn ông Nguyễn-bá-Dương ngày xưa, phong lưu hơn ông Nguyễn-bá-Dương ngày xưa, chỉ có một manh áo phong phanh mà còn cố công học tập; vậy thì mình mà được mặc áo vải thâm, viết manh giấy trắng, phải nên cố chí mà lập-thân, để đền ơn cho cha mẹ, báo-thù [2] cho xã-hội cũng như ông Nguyễn-bá-Dương thời mới phải.

NGUYỄN-HỮU-TIẾN.

BÀN VỀ THƠ NÔM

(Sách *Thơ nôm thích nghĩa* của hiệu CÁT-THÀNH)

Ngẫm xem cho kỹ, văn-học nước nào hồi băn đầu thịnh ra cũng từ lối văn vần, những bài anh-hùng-ca của HOMÈRE, những câu hát ở kinh *Thi* cũng đều là gốc văn-học hai nước Hi-lạp (Grèce) và Tàu, lấy đó mà làm lệ tưởng cũng đã được. Nước ta lập quốc cũng đã lâu, khai-hóa cũng đã sớm, bốn ngàn năm trở về trước, vài trăm đời đến ngày nay, nào con rồng cháu tiên, nào nước cổ văn-hiến, há có kém ai ?

Thế mà ngày nay những người sốt-sắng với quốc-văn, yêu mến cái tiếng nước nhà, cố tìm xét ra xem cội-rễ văn-học nước ta từ đâu mà lên, thực khó mà cầu cho có chuẩn-đích được. Có người cho quốc-âm ta phát-khởi từ những câu phong-dao:

1° *Cái cò lặn lội bờ sông,*
Muốn lấy vợ đẹp thì không có tiền.
2° *Nhiễu-điều phủ lấy giá gương.*
Người chung một nước thì thương nhau
3° *Ở đời muốn sự của chung,* *cùng.*
Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi: v.v

Có lẽ cũng là phải, nhưng mà hay rằng ở tự đời nào ? Sau này thời cho rằng khởi ra nghề *nôm* tự đời ông HÀN-THUYÊN mà đi, thời cũng tạm theo đó, chớ chưa lấy gì làm chứng-cớ cả.

Nhưng cái ấy là thuộc về sự khảo-cứu, nay ta hẳng bàn riêng về một tập thơ nôm cũ, sưu-tập chú-giải rất công phu, của hiệu *Cát-thành* xuất bản từ năm 1912, đề là « *Thơ nôm thích nghĩa* !

Trong bài tựa người soạn đã có bàn rõ cái lẽ sở-dĩ làm sao mà người ta hay ưa văn vần, sở-dĩ làm sao mà các nhà văn hay thích làm văn vần, dưới kết lại bốn cái mùi thơ cũng đã là xành. Ừ, con người ta khi mà đương hăng hái bước vào thế-cục, chí tiến-thủ như lửa cháy như diều tung, nóng không biết đến đâu, cao không biết chừng nào, trong con mắt nhìn đời bằng cái cách « lạc-quan », yêu người mến nước, hớn hở tình xuân, chẳng những lam thơ hay làm văn; cho đến nói truyện cũng là vui vẻ, phấn-chấn. Chí như khi

(1) Âu-trang 歐 裝 là lối ăn mặc quần áo tây.
(2) Báo-thù 報 酬 là báo đền, nghĩa là đền ơn.

đã vào cuộc đời chán chê ra rồi. thấy cuộc đời giăng-mắc. trò đời éo-le, gươm trong ruột mật ngoài môi, mượn nhân-nghĩa mà làm điều tư-lợi, lấy tình riêng mà xâm lấn lẽ công, làm cho mình trải lắm phen đáng chán, nhiều cảnh nên buồn. thời lời thơ tất là phải buồn rầu cảm-khái, giữ sao cho khỏi giọng bi-ai, nặn sao cho ra lời khoái-lạc được. Cái lúc sống phải lìa nhau, chết phải mất nhau, hoặc tai bay vạ gió, hoặc nhà vỡ nước tan, hay xa cơ nhỡ bước, hay mắc bợm thua lừa, thời giọng thở ra tất là tiêu-sái, giữ sao cho được như thường. Cái lúc ngồi buồn nhớ rỗi, bạn cũ xa khơi, tình-nhân chẳng đến, ao ước chờ mong thời lời hẳn phải thiết-tha. Bốn cái đó là tự-nhiên lẽ sẵn ; thơ là để nói cái chí mình, thơ lại là tiếng nói của con tim mình, có thể khiến cho người ta coi đó làm gương được, có thể khiến cho người ta nhân đó mà hưng-khởi được, khiến cho người ta nhân đó mà xum họp được, khiến cho người ta lấy đó mà thở than được.... Kia bài *Marseillaise* của Tây, khích được lòng dân Pháp yêu mến nước mình, bài *Nhai-sơn điếu cổ* 崖山弔古 cảm được người Tàu sinh lòng trung nghĩa ; văn vần nước nào cũng vậy, đã cảm người thời cảm rất sâu, dễ khiến được người ta nên cảm. Có một điều, làm ra thơ được thời rất khó, mà thơ lại như thơ *Đường-luật* thời lại khó lắm nữa, làm cho được hay tốn lắm công mới giải được một chút lý-tưởng, mà không khéo tả thời dễ thành ra mập mờ. Một câu thơ đứt mất hàng rầu, hao bao mảnh óc, nếu không phải là nhà thiên-tài thời phí tâm-lực vào nghề mà vị-tất đã nên công. Cho nên ở thời nay là cái đời năm châu tranh-cạnh, nòi giống mở mang, ta phải cần cướp nhau trên chốn nghị-trường, Sô nhau vào đàn diễn-thuyết, cái lò tản-văn dễ đúc ta nên chuyên, mà tả xuôi lời, thời dễ được hết ý, cái sức mạnh của một bài văn xuôi có tư-tưởng có nghĩa-lý có lẽ còn hơn mấy lần bài thơ, cái ảnh hưởng một bài văn xuôi có thể đạp đổ được nền chính-trị gây dựng được một mối lợi-quyền. Khiến cho nước nọ hòa được với nước kia, dân này hợp được với dân khác. Há ta hằng ngày chẳng nghe thấy truyện một bài diễn-thuyết của ông nọ mà Nội-các kia phải đổi ngay, một lời bình-phẩm của báo kia mà đảng-phái nọ phải trụy-liệt ?

Ôi ! tản-văn ! tản-văn ! thật là cần ở buổi đời nay, xin anh em chuyên vào nghề ấy. sự ngâm-nga xin để dành những bực nhàn-tản, những khách giang-hồ, những nhà có thiên-tài.....

Hai bên văn vần, văn xuôi là như thế, ta cũng chớ nên bảo hẳn rằng vặn vần là chẳng nên chuyên-tâm, chẳng nên xem đọc, chẳng nên yêu mến. Trong làng chơi phai biết cho đủ mùi thời trong làng văn cũng nên biết cho đủ lối..

Quyển « Thơ nôm thích nghĩa » bàn đây làm như lối « thi-thoại » mà chẳng phải là « thi-thoại, » làm như lối « khảo-biện » mà không phải là « khảo biện » bảo là lối « thích-nghĩa » thời không thực phải là lối « thích-nghĩa », chỉ biết là một tập nôm chứa cái hồn thơ các cụ ta ngày xưa, nào vua, nào quan, nào thày nho sác, nào chị tài-tình. Đọc tập « vịnh-vật » ở đầu bài thơ *dệt-vải* của vua Lê Thánh-Tôn thời lòng kính mến, sinh dạ cảm-hoài :

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,
Vậy phải lên ngồi gỡ mối giường.
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt,
Gót vàng giặm dạp máy âm dương.

Dẫu là Tiền-vương ngài tả cái cảnh dệt-vải, thực là hệt người dệt gỡ mối giường, tay ngọc đưa thoi nhật nguyệt, gót vàng giặm máy âm dương, vẽ ra người con gái mơn mởn đào tơ ngồi trên khung cửi mà lại vẽ ra một ông vua thương dân mà mong ra ân nghĩa, bảo-hộ con đỏ, một bài thơ bốn câu mà bao-

hàm biết mấy ý tứ cao-thượng, thơ thế mới là thơ : một chữ, một câu đều tả chân ra sự dệt vải, mà lại truyền-thần ra sự làm vua như vua Nghiêu Thuấn Vũ Thang. Lại cái bài thơ « con cóc » dưới này mới thực hay sao :

Bác mẹ sinh ra vốn áo chồi,
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi,
Tép miệng năm ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời.

Thực ra « cóc » mà lại ra vua, không chữ nào ra ngoài cóc, mà chẳng câu nào khác cách vua. Ôi ! bác mẹ sinh ra đã sẵn cái áo vàng, một mình ở trong chốn lầu cao gác tía, thực là đạm-bạc không tham-lam. thiên-hạ đều kính yêu một thể. Cái tâm-sự ấy hai bài thơ ta đủ biết chẳng cần xem chính sử nữa mà chi.

Bài « *Bánh trôi nước* » của cô Xuân-Hương.

Thân em vừa trắng phận em tròn,
Bảy nổi ba chìm mấy nước non.
Nhớn nhỏ mặc dầu tay kẻ nặn,
Nhưng em vẫn giữ tấm lòng son.

Thực vẽ ra một người chìm nổi trong bể khổ, đeo tài, đeo sắc vào thân mà những lụy, thôi thế thường gặp sao hay vậy, lòng ta vẫn giữ với ta thôi. Ra cái « bánh trôi » mà lại ra mình là một người hồng-phấn tài-tình, sinh ra gặp bước...

Bài « *Thằng mõ* » hai câu thực ;

Mộc-đạc vang lừng trong mấy cõi,
Kim-thanh chuyển động bốn phương trời,

Thời thực ra bác « đốp », bài này chắc cũng ở ông quan giáo-chức nào, bi-phẫn cái thân lãnh-hoạn, tự-cao tự-đại mà chơi. Ta đem vào làng báo ta, hai câu này có thể làm câu đối treo tường được vậy.

Bài « *Cái chổi* », hai câu thực rằng :

Một tay vùng vẫy trời tung gió,
Bốn cõi tung hoành đất sạch gai.

Rõ ra cái chổi, mà thực khí-tượng anh-hùng, chắc là một ông tướng trung-dũng tài-cán mà thở nên lời đó.

Bài « *Cái nón* » :

Dáng tròn vành-vạnh vốn không hư,
Che trở bao la khắp bốn bờ.
Khi đế tưởng nên dù với tán,
Nếu ra thời nhạt nắng cùng mưa.
Che dàn bao quản lòng tư túi,
Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa.
Vòi-vọi ngồi trên ngôi thượng đỉnh,
Ai ai lớn nhỏ đội ơn nhờ.

Thời bịt đầu bài đi mà ra *thai*, chắc ai cũng biết là « cái nón, » mà thực là một vì quan lớn, có lượng bao-dung, có lòng trung-nghĩa. đọc đến vô-bạn tình.

Bài « *Chó đá* » :

Quyền trọng ơn trên chấn cõi ngoài,
Cửa nghiêm chẹm chẹm một mình ngồi.
Quản-bao sương tuyết nào chi kể,
Khẻo dữ cao lương cũng chẳng nài.
Mặc khách thị phi giương trảo mắt.
Những lời trần-tục biếng vào tai.
Một lòng thờ chúa nghìn cân nặng,
Bền vững ai lay cũng chẳng rời.

Ai bảo chẳng phải « chó đá » nữa, mà thực là một ông quan võ ra trấn thủ cõi ngoài, mượn vật nói mình, như lời người soạn sách bàn rằng : « trung-trinh tiết-liệt, sau trước không phai, cùng với bài thơ « bồ-dìn » để làm gương cho nhân-thần soi chung được ».

Thiên thứ hai, các thơ tức-cảnh :

Bài « *Trách hè* » :

Cùng thời đất chở cũng trời che,
Nỡ-nã làm chi mấy hỡi hè ?
Khắc.khoải đã đau lòng cái quốc,
Băn-khoăn thêm tức cật con ve,
Người ngồi trưởng gấm bồ hôi chã,
Kẻ hái rau tần nước bọt se.
Nào khúc Nam-huân sao biếng gẩy ?
Chẳng thương bồ-liễu phận le te.

Thật vẽ ra cảnh hè nồng-nã, mà phải mong trời mát, một bài thơ thường có hai ba ý-tứ.

Bài *Thăng-long Hoài-cổ*.

Chạm ngắt từng mây mới ngợn cỏ
Kinh-thành ngày trước tính bây giờ.
Tượng đồng Chẩn Võ hơi còn ngát,
Bia đá Hoa văn nét chửa mờ.
Bảo-tháp lơ-thơ chùm cỏ mới,
Doành Tô lai-láng bóng trăng xưa
Gặp ai cố-lão ra đây hỏi,
Chốn cũ phồn-hoa đã phải chưa ?

Trông cảnh nhớ xưa, thường tình các thi-nhân vẫn thế, ai là người biết lịch-sử ta, trông đến cái di-tích ngày xưa ở Hà-thành lại chẳng phải nhớ, lời thơ này nhớ chua nhớ chát, nhà chép sách cho là lúc Tây-sơn làm loạn, mà có thơ này. Ấy bài dưới này dễ cũng ở hồi thịnh-thời của hai anh em ông Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ.

Đầu đề là « *Than-loạn* ».

Lửa hồng tứ dậy mái thành-đô,
Đòi chốn lầm-than thủa được thua.
Xanh biếc thú vui người ẩn-dật,
Bạc đen đường vạn khách bôn-xu
Xuy lường hỡi hỡi đau lòng trí,
Tình quẩn trần trần nát dạ ngu.
Mong tới Vị-nguyên mà hỏi Lã,
Rằng Thương xưa cũng thế này ru?

Xem bài này thời biết lòng dân ta bấy giờ chán Tây-sơn biết là dường nào.

Bài « *Gửi cho vợ* » hai câu luận :

Xuân vắng vườn đào mầu phấn nhạt,
Thu qua bờ liễu vóc sương gầy.

Thời vừa là cảnh xa nhà : cái vườn hoa đào, cái rào cây liễu, đã trải xuân sang thu, mà kém vẻ, lại ra « bà-đầm » ở nhà nhớ chồng có lẽ má phấn nên phai, khuôn lưng gầy vóc, cho ông trời kia cũng nên trêu ghẹo khách giang-hồ, cái bước họp ít mà cái cuộc ly nhiều, đọc mà những ngậm ngùi thay ai !

Từ trang 40 trở đi thời toàn thơ cụ Yên-Đỗ cả. Ngoan thay ! Quyển sách này có thể làm qui-mô tốt cho bọn ta kẻ tấp-tểnh bước vào thi-xã, làm có hay được như cổ-nhân hãy làm. Khó lắm thay !

Nguyễn Mạnh-Bổng.

ĐI TÀU BAY

Bản-quán mới tiếp được bài sau này của ông đội tàu bay (sergent aviateur) Phan Tất-Tạo *mới ở bên Pháp về, hiện tòng-sự ở sở Tàu-bay Đông-dương. Bài này là bài tả-thực, kể cái cảm-giác vừa sợ vừa vui, vừa lo, vừa mừng, vừa bàn-hoàn bối-rối, vừa khoan-khoái nhẹ-nhàng của người mới đi tàu bay lần thứ nhất, thật là một lối văn-chương lạ của một tay nhà nghề giỏi, xin giới-thiệu cho các bạn đọc-báo. Ông* Phan *có hứa sẽ soạn mấy bài nữa về lịch-sử và máy-móc của tàu bay, bản-báo sẽ lần-lượt đăng dần.*

Ph. Q.

* * *

Nhờ ơn từ khi Quan Toàn-quyền Albert SARRAUT cai-trị và khai sáng cõi Đông-dương, nhiều các ông bà người Nam ta đã trông thấy tàu bay, bay lượn ở trên thanh-không các xứ ta. Thường có nhiều người hỏi chẳng biết những người ngồi ở trong tàu bay đi ở trên cao thì thấy những sự gì ? Nhân cũng biết cầm máy tàu bay được ít nhiều, vậy tôi xin nhờ báo *Nam-Phong* để mời các ông bà cùng với tôi bay bổng một vài phút đồng hồ.

Ai nấy cũng biết rằng càng lên cao bao nhiêu, càng rét bấy nhiêu, càng đi nhanh bao nhiêu, gió thổi vào mặt bấy nhiêu. Vậy trước khi lên tàu xin các ông bà đội mũ (*casque pour aviateur*), đeo kính, quàng khăn cổ, mặc quần áo rạ hay quần áo lông, đi bít tất tay, đi giầy da hay ủng mà trong có lông. Sắm sửa xong, xin mời vào ngồi trong tàu và xin các ông bà nhớ quấn vào mình cái thắt lưng treo ở chỗ ngồi để cho tàu giữ chặt lấy thân-thể.

Ở trên trời xanh tốt, gió thổi hiu-hiu, xin các ông bà ngồi cho ngay và vững để cho tôi cho quay máy (*moteur*) chạy. Máy chạy thì cánh quạt (*hélice*) quay ngay, rồi tàu bắt đầu chạy ở trên mặt đất độ hai trăm thước. Mới đi tàu lần này là lần thứ nhất, mà còn đi ở dưới đất, lúc này là các ông bà chỉ thấy gió thổi vào mặt rất mạnh, tàu đi rất nhanh cho đến nỗi trông xuống không nhìn rõ một cây cỏ, trông hai bên tả hữu thấy cây-cối cùng nhà-cửa tựa-hồ như chạy đến hai bên mình rất mau. Vốn xưa nay chưa đi thứ xe chi, thứ tàu gì nhanh như thế, hóa ra trong người thấy hơi khó chịu, sự thở hơi khó một chút, song cố gượng rồi cũng quen dần, coi như thường.

Đi được một hồi -- Trong mình thấy đã dễ chịu và đi đã hơi quen gió, bỗng thấy như có người nâng lên trên cao rồi thân-thể lại nôn-nao khó chịu như trước, như có ý muốn vươn dài ra để lên cho chóng. Lúc đó là tàu bổng lên đó.

Khi còn đang lên thì ít người dám trông xuống vì rằng đi chưa quen và sợ rơi xuống đất. Tuy rằng lúc đó còn lo sợ, song chắc rằng các ông bà đã thấy trong người khoan-khoái dần lên, như nhẹ-nhàng mát-mẻ...

Bấy giờ trông đồng hồ thì tàu đã lên được hơn một nghìn thước, vậy xin vặn máy cho tàu đi ngang để các ông bà vững lòng và trông xuống dưới đất cho rõ. Lúc này tuy rằng tàu đã đi ngang rồi như lần thứ nhất cũng có nhiều ông bà chưa dám trông xuống ngay. Chỉ thử hơi liếc mắt xuống một tí, song thấy gió thổi vào mặt như tát, lại vội vàng cúi đầu vào đàng sau mui tàu ngay. Nhìn thử một đôi lần rồi đánh bạo mới nhìn thẳng xuống cõi trần, thấy chỗ thì xanh, chỗ thì trắng, chỗ thì đỏ, chẳng thiếu thứ mùi gì ; mà nhà cửa cây cối, vườn ruộng, sông núi nhỏ hơn trước nhiều (ở trên cao một nghìn thước thì thấy nhà, cây, vân vân, nhỏ đi độ mất một nửa). Xem ra tựa hồ như đất chạy chứ không phải là tàu bay ở trên.

Đương khi các ông bà còn đang ngắm phong cảnh, nhìn chỗ này, nhận chỗ kia ; bỗng thấy tàu chềnh bên này, rồi lại chềnh bên kia như là cái chi thật mạnh mà kéo hai bên tàu một cách rất dữ-dội và rất nhanh. Lúc bấy giờ có lẽ nhiều ông bà giật mình và lo, rồi vội vàng nắm chặt lấy hai bên tàu ? tưởng rằng dễ tàu sắp đổ ? Tàu mà bị chềnh đi thế là tại đi vào chỗ gió thổi cuộn. Sự đó không hiểm nghèo gì vì là trong tàu đã có máy vặn cho tàu lại đi bằng phẳng ngay được.

Cũng có lúc đang đi thấy tàu, hoặc nhẩy thẳng ngay lên độ một trăm thước, hoặc thụt ngay xuống độ một trăm thước khi gặp phải những sự ấy thì lại thêm bối rối lo sợ hơn sự tàu nghiêng lệch, vì là tưởng rằng tàu lộn nhào đi hay là ngã nghiêng ra mà có thể nguy ! Nhưng mà được may rằng tàu nhẩy lên hay thụt xuống nhanh như chớp mắt, mà khi đã lên hay xuống rồi thì tàu lại đi ngang ngay như cũ. Tàu đi phải những lúc như vậy là tại đi vào chỗ gió thổi soẩy lên hay soẩy xuống.

Tuy rằng trên trời rộng mênh mông thế mà nhiều khi đi gặp một đám mây mù mà không thể nào tránh được. Phải chịu liều đi vào trong đó đến bao giờ hết mây thì thôi ! Tàu bay ở trong mây bị mây cản không thể đi nhanh như trước được. Cái cánh quạt quay tan mây ra xung quanh làm thành ra

khói mù cho đến nỗi các ông bà ngồi ở trong tầu chỉ hơi trông thấy trắng mờ mờ thôi. Mây chạm vào cánh tàu kêu sồn-sột nghe như tiếng sỏi ở trên cao đổ xuống một miếng vải căng vậy. Bay ở trong mây rất là phiền vì không biết tàu mình bay ở chỗ nào, xứ nào ?

Đi tàu bay phải nhiều khi nghiêng lệch, lên cao xuống thấp thế mà các ông bà không chóng mặt váng đầu, không say sóng, như khi trèo lên một cái nhà cao, hay như khi đi tàu ở ngoài biển có sóng gió ! Được như thế bởi vì một là : khi bay thì tàu với quả đất lìa hẳn nhau ; hai là hễ khi nào chênh lệch thì tôi vặn máy cho tàu bằng phẳng lại ngay ; hóa ra những sự nghiêng lệch không kịp làm cho các ông bà ngồi trong tàu say được. Chỉ có khi nào mà phải đi lúc gió to quá mà đi hai ba giờ đồng hồ thì mới váng vất say một chút mà thôi.

Từ nẫy đến giờ tàu đi vào phải những nơi gió sóng không được yên, may bây giờ được lúc này tàu đi bằng phẳng mà lại qua một cái tỉnh-lỵ, xin các ông bà nhìn xuống đất để xem ra làm sao ? Hẳn các ông bà thấy các lâu đài cao đẹp, các phố phường ngang dọc, các nóc nhà đen đỏ, các hồ xanh biếc, các vườn xanh rì, các xe lửa, xe điện, xe hơi cùng xe ngựa chạy nhanh tăm tắp tới chỗ nọ, nơi kia ; các người ta kẻ đi chơi thong thả, kẻ vội đi nhanh, xem ra đều là nhỏ cả chẳng khác gì một bản đồ mà ở trong có múa dối.

Khi bay trên một cánh đồng thì thấy cỏ cây xanh rì, chỗ này mấy cái nhà, chỗ kia mấy cây cao chót vót ; một vài cái lạch nước con con chẩy vào các vườn ruộng ; thỉnh thoảng thấy năm ba người be bé đi thăm đồng. Còn như đất thì thấy chỗ nào cũng bằng nhau cả chỉ trừ ra những gò đống nào cao lắm thì mới có thể phân biệt được.

Khi đi qua trên núi các đỉnh đá xanh lỗ trỗ, thường ở xung quanh hay có một vài đám mây trắng ám, trên các đám mây đó cũng có nhiều đỉnh nhỏ khác chẳng khác gì một đám núi con vậy. Có nhiều lúc mây bốc khói lên, trông xuống như núi cháy, nhất là khi có mặt trời chiếu vào trông lại càng rực-rỡ lắm.

Khi đi qua sông, nếu mà có đi thấp thì mới thấy nước chẩy, không thì chỉ thấy một dòng nước nhỏ con con, lóng lánh mà chỗ nọ thẳng chỗ kia cong queo, hình như một con rắn bạc nằm phơi nắng ở bên cây cỏ.

Bây giờ các ông bà đã đi qua tỉnh, qua đồng, qua núi, qua sông chắc là các ông bà tin tàu bay được nhiều phần mà trong bụng chỉ mong làm sao cho máy cứ bền vững mà đi được rô lâu để xem mãi những phong-cảnh ấy. Còn bao nhiêu sự lo nghĩ ở dưới trần-ai thì quên sạch. Chỉ trừ ra những lúc nào có sự khó khăn hiểm nghèo thì người ngồi trong tàu bay mới nghĩ đến các việc ở dưới đất.

Đi từ nẫy đến giờ cũng đã lâu và chăng tàu cũng đi gần đến chỗ đất đậu, tôi xin phép các ông bà cho hãm máy để xuống. Máy chạy từ từ (*ralenti*) rồi tàu chúc đầu xuống, lúc đó các ông bà ngã gục về đàng trước mà nghe máy chạy rất êm không có những tiếng vù vù nữa. Trong mình lại bàng-hoàng hơn lúc lên, lại thêm gió thổi vào mặt mạnh hơn lúc đi ngang. Trông xuống đất thấy nhà cửa cây cối lại dần dần lớn như cũ ; thấy một sự rất hãi là tựa hồ như đất chạy đâm vào tàu mình rất nhanh. Tưởng rằng có lẽ tàu đâm vào đất ngay chắc ? Bỗng một chớp mắt đã thấy tàu ngẩng đầu lên mà hai cái bánh xe tàu đã chạy ở dưới đất độ một trăm thước, rồi tàu đứng lại ; lúc đó mới tỉnh ra rằng mình đã xuống đến đất rồi ! Khi các ông bà bước chân xuống đất thì chắc hẳn mơ mơ màng màng vừa mừng vừa lo...

Hanoi 15 Avril 1919

PHAN TẤT-TẠO *Đội sở tàu bay*

VĂN NAM-KỲ

I

Thấy người rồi tỷ đến ta!

Người sanh trong thế, chiệu khí âm-dương của trời đất, nhờ tinh huyết của mẹ cha, được hơn muôn vật cái tinh-thần; là bởi công tình sanh-dưỡng của ai, cho được lưng dài vai rộng. Có phải ơn ấy là ơn con cái mang của cha mẹ hay không? Phải như vậy, là lý tự-nhiên, cho nên từ xưa đến nay trong đạo nhơn-quần không có chi vui hơn phép ăn thói ở của mỗi nhà, mỗi nhà có cha lành con thảo, rồi ngoài mới tới chúa thánh tôi hiền.

Mới đây có gặp một ông lão người chệc Triều-châu, tuổi ngoài chín chục, sức còn mạnh ước xách nổi 50, 30 cân nặng, gương mắt sắc, da đỏ au, tiếng nói rang rảng nghe như tiếng chuôn; thuật truyện qua rồi tỉnh táo thứ lớp không chỗ nào lẫn lộn, sót quên, cũng không mỏi-mê đãi-đọa như mấy ông già phàm-tục.

Thấy đặng ông lão khôi-ngô thể-dạng, hạt-phát đồng-nhan, đem lòng kính mến, cùng nhau truyện vãng tình từ lại thêm kính thêm vì, rồi ra thân thuộc quen nhau. Ông-lão khách ấy cũng sẵn có tính ưa làm quen đàm luận, ham nói mấy câu chuyện, không ngại gì kẻ nhỏ người lớn trong túc bày trò. Ông lão thuật rằng: Lúc ông ta còn tuổi xuân, ở bên tàu đã có hai vợ: Một người đờn bà Bắc-kinh, một Triều-châu là xứ sở; Sau qua Nam-việt lăm ăn lại cưới thêm một người vợ thứ ba, là đờn bà Lục-tỉnh Nam-kỳ. Ông ta sanh con, rồi con đẽ cháu đầy đoàn; cũng vì con cháu nên nhà ông ta sau nầy phải sa súc, chớ sự nghiệp của ông ta có tả dinh-du, người có tánh hay cưng con cháu; cho nên sự tiêu phí càng ngày càng nhiều. làm cho ông ta phải cầm thế điền-viên cho kẻ ngoài làm chũ tạm ăn lấy huê lợi, bây giờ còn lại của cải không bao nhiêu; lại thêm phải nhờ tay người chũ tạm, xuất phát. Trong đám con của ông ở bên nhà là con hai bà mẹ ngoài ấy đẽ, còn có đứa biết khôn; nên theo các ông tây kiếm chỗ làm ăn, cho có tiền về sựa sang cơ-nghiệp của tiền-nhơn. Còn mấy đứa ở nhà là đứa yếu hèn, ít oi, sẵng của ăn tiêu cho lụng bại, cũng có đứa nó bị lấn con cháu trẽ tá canh gạt gẫm, hễ hở ra đồng nào, chẳng bị gạt thế nầy thì bị lường thế khác; làm cho đến đỗi rối rắm trong đạo cha con, cùng phương sanh-lý.

Ông ta tuổi một ngày một già, mà con cái cã đoàn lủ của ông đều phần nhiều yếu hèn hẹp trí, ắt là cái cơ đổ sự nghiệp của ông bà cha mẹ để lại xiêu đỗ có ngày. Nay lão ráng qua Nam-kỳ là chỗ của mấy đứa con vợ bên nầy đẽ, chúng nó đương làm ăn có hơi thạnh vượn, đặng có trông nom chúng nó mà lo sự làm ăn thế nào, may ra vãng hồi gia-thế.

Không dè ông ta qua tới nơi dư hai ba tháng nay, thấy tình đời cùng đoàn con dại mà buồn muốn chết đi thôi! Ông chệc nói đến đây, tay lau nước mắt; Ninh một hồi rồi tiếp kể chuyện nữa rằng: Con gì, ối thôi! nó đã không kể tới ơn cha ngãi mẹ sanh thành, cúc dục công lao; chúng nó làm có đồng-nào; lớp sắm vàng vòng chuỗi hột, quần áo, xe sua cho con vợ, lớp lên xe xuống ngựa, lẫn phí sai ba, hình hài phóng đãng, không có một ngày nào mà cha con ngồi lại nói chuyện

về tâm sự gia tình, đặng mà tính toán làm ăn, kẻo sau rồi mang tội với tiền-nhơn nơi chín suối. Chúng nó đành theo đám người hồ đồ mơ màng sang sống, trong cảnh chết mơ mộng thề nầy; nó giữ tánh ỷ-lại theo người, làm bộ phong lưu mà trong không đức hạnh gì là phẩm con người; Chúng nó tưởng cái khuỷnh đất của ông bà tạo lập ra còn phần nuôi người vạn kiếp; nên ăn chơi cho đến đỗi quên phận sự con người trên có cha có chúa, dưới có tộc đảng giống giòng. Thuở tôi trở về cố-lý cũng có để lại sự nghiệp ít nhiều cho chúng nó, mới có mà gây thêm đặng lưu-hoác ngày nay như vậy, vậy mà chúng nó không tưởng đến tâm huyết của tôi. Chúng nó cứ chấu đầu vô chỗ phiền ba, sẳng của ganh đua theo đồ gạt gẫm, miệng khua, mỗ múa mỗi mồi văn-minh : những là vay tiền tháng hỏi tiền ngày, cất nhà cho lộng lạc, ngựa con nào cũng bạc trăm, xe mỗi tháng mỗi đổi kiểu mới, chúng nó lo vật ngoại suất phí, chớ bề trong nhơn-luân thiên-tánh đà hỏng hết đi rồi, tam-cang, ngũ-thường không kể, đạo-lý nhơn-luân hết rồi. Chúng nó bạn bè theo đám không căn cước, văn-minh ngoài mặt còn kỳ trung chữ tàu luốc lác, chữ tây coi bộ không thông gì, lời ăn tiếng nói nghe ra thô kệch lắm, tôi đã nhờ ông thầy dạy chúng nó, mà chúng nó không chiệu học cái khôn của người ta. Chúng nó lại sanh trẻ con mới kỳ : rủ nhau đem tiền mua lấy chồ mà chen lấn trong đám kệch trường mà coi bộ say vui, lão thấy mà buồn cười thay cho cái giống người sao hèn thế, tinh chấc nó giống ai ở đâu, chớ không phải giống cha mà không phải giống mẹ.

Ông ta thang sự tuổi già, lâm lấy cảnh ngộ thế nầy, có con không nhờ con, huống hồ nố cháu, buồn thay cả bụng, nghĩ công trình lúc thiếu-niên vô Nam khai sáng cơ đồ hao tâm huyết cũng dư hai mươi mấy ba mươi năm trời, tưởng để cho con cháu, sau còn kế chí cho già khai thác rộng thêm, để lưu truyền nhiều thuở, không dè đâu, cách mặt mấy năm, mà bầy con cháu nó đà không kể, Cái gia-vận của già như thế, nghĩ đi nghĩ lại đà hết thế gì dạy dỗ cho đặng trẻ trong nầy, thôi già tính trở về lo dạy dỗ bầy trẻ ngoài kia, nó còn biết đạo nghĩa luân thường, nghe lời dạy dỗ đặng cho vui cảnh gia-đình, còn trông mấy đứa đi theo với ông lây làm ăn phương xa, may có học được tài nghề gì về mà giúp đỡ cho công việc nhà, giữ lấy cơ nghiệp của tiền-nhơn cho khỏi phụ lòng già.

Nghe một ông lão thành còn tỉnh, thuật-sự của người, rồi nghĩ lại cảnh tượng của mình, cũng có chỗ mườn tượng nên lòng này cảm xúc, dường như đồng bịnh tương liên ; nên viếc ra sẽu sảo hay hèn để làm chuyện-ký, lúc bình-sanh sở kiến. kẻo bấy lâu :

Buồn trông ngọn nước mới sa,
Huê trôi mang mát biết là về đâu?
Bên trời góc bể mặc dầu,
Hương-quang mơ giấc càng đau đớn lòng.
Tử phần trời cũ minh-mông,
Hoa đà lìa cội át lồng rừng cây.

* * *

Đau đớn lòng đương rộn rực buồn,
Thấy người thấy cảnh thấy in khuôn;
Gương trong gia-giáo nhìn lu bích,
Cảnh mới phiền-ba ngó khác tuồng.
Xử thế dốc nhờ con biết thảo,
Trị nhà sẵn có đạo đo vuông.
Cha nào cũng bụng hay nuôi dạy;
Cơ nghiệp may còn giữ được luôn.

TÂY-HIÊN (*Bến-tre*)

MƯỢN CHỮ SÁI HOẠI VĂN-MINH

Nơi Đông-dương người bổn-địa chia ra ba xứ : Bắc-kỳ, Huế và Nam-kỳ. Người dân một nước, mà phong tục khác nhau. Đã lâu đời rồi, tuy cách ở lời nói khác, mà chuyên học một thứ chữ Chi-na, làm *văn-chương trọng dụng*. Bởi sao ? Bởi quấc-gia thường dùng chữ tàu, lựa chọn người học thức văn tàu, để dùng mà trị dân giúp nước. Bởi cớ ấy cho nên, nhứt là Bắc-kỳ ở gần địa đầu cũa Chi-na chuyên học văn chương nhiều ; nhì là Huế và Ngủ-quảng cần học ; đến chót và thứ ba là người Nam-kỳ đây cũng học chữ tàu. Ấy là lúc *tiền-trào*. Chớ từ sáu mươi năm đây, cỏi Đông-dương, phần Nam-kỳ *thuộc địa Đại-Pháp chánh trị*, người Lục-tỉnh tập học văn chương mầu-quấc đã có nhiều người học giỏi, văn cao, gần bì bậc trung người thượng-quấc, trừa ra trong mỗi tỉnh có một ít người con nhà xa thành phố, còn học tập chút đỉnh hơi văn-chương của Chi-na sơ sơ cạng cạng ; cũng bởi không thi cử chi, cho nên lòng người phải nguội ít ham ; lâu ngày phải nguội lần ; vì vậy người Nam-kỳ lúc nầy kể ra thì không có bao nhiêu người học văn Chi-na cho rỏ lắm, biết sơ mà thôi. Tôi tuy ít học, tánh cũng siêng xem, đời nay báo-quán lập nhiều, chữ quấc-ngử để cho người viết, và người xem thời-sự. Xét nhiều vị người lập lời, người dịch truyện, tánh thông-minh, và học-lực tưởng có người cao. Nhưng mà xét nhiều người mượng chữ, ưa chữ Tàu, có lý tại dầm thấm lâu năm, nên mê mến lắm sao ? Mượng sái chữ, làm hoại người hậu-tấn, vay khôug nhắm, ắt lời trả chẳng hay rồi chăng ? Tôi cắc nghĩa đây cho *chư vị* cầm viết, viết nhựt báo quấc ngử xem và xét, coi lời tôi luận có hiệp ý *chư-vị* chăng ? May mà *chư-vị* cầm viết mở lòug rộng thông, suy xét cho kỹ, cho lời luận cũa tôi phải lý, thì hãy bớt mượng vay cũa Chi-na cho lắm, đặng cho khỏi mắc nợ chúng nó lâu đời ; không biết *tiền nguyên trưởng giả* thiếu cũa Chi-na bao nhiêu, mà nay chúng nó đến Nam-kỳ, cầm thế ở trên người bổn-địa, *chinh lợi thập bội, bá bội*, mà mình nở nào đi vay mượng từ chữ không đáng mượng ; ấy là đều thiệt-hại lắm đó. — Ví mà *chư-vị* cầm bút đặt nhựt báo xét lời tôi sai siểng, thì xin *trí ư độ ngoại*, cứ việc vay thêm, chớ cũng *hà tổn ư ngã* ! Ví dụ : Viết nhựt báo gặp tên xứ, hoặc tên nước, tên người tại phương Tây, thì có lý phải hơn hết, viết y chữ Tây ; như ý hồ nghi người trong nước chưa học chữ Tây-Phương, thì ít nữa viết chữ quấc-ngữ, giọng nói như tên xứ, như tên người, thì ắc là người bổn-quấc đọc nghe cũng gần chử phương ấy. Nghĩ cho cao xa quá, lại tiềm chữ tự-vị chữ Chi-na mà viết tên xứ tên người phương Tây, mà lại viết chữ Tàu ra chữ quấc-ngữ. Xem xét coi thử, nhắm vào đâu ? mà hại cho người đọc không rỏ giọng nói chữ phương Tây, lại không thấy rỏ chữ phương Đông ; sao vậy ? Ví như viết chữ : « Ý-đại-lợi là nước nào bên phương Tây đó ? Nếu phương Tây có nước Italie (!), thì chữ quấc-ngữ viết « Y-ta-ly ; như nước Turquis (!), sao mà viết chữ Thổ-nhĩ (!), coi thử giống nước nào đó ? ít nữa viết quấc-ngử « Tua-ky cỏn đọc giọng gần hơn. Còn nhiều chỗ viết xa mù ; thứ nhứt làm cho người không học chữ phương Tây rối trí ; thứ hai không nhắm giọng nói, có thuật tên xứ, nghe xứ nào không ai biết ; dùng như vậy có hoại văn-minh không ? (!) Ví như

rượu Champagne của phương Tây, Chi-na bán viết chử vô sổ là : Tam-biêng-tửu, giọng Chi-na đọc nghe Sâm-bánh ; nếu muốn viết chử quấc-ngữ thì viết « Sam-banh, lý nghe giống chử Tây gần lắm, chớ viết Tam-biêng thì nghe sao đặng. Xin xét !

LƯƠNG KHẮC-NINH
tự Dủ-Thúc (Saigon)

MẤY LỜI NÓI THÊM. — Trong bài này, ông Lương Khắc-Ninh, *tự Dủ-Thúc*, bác cái lối người mình hay dịch các tên người tên đất theo chữ Tàu. Lối đó thật là không tiện lắm. Nhưng ngặt vì xưa nay người nước ta, nhất là ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, đọc sách mới Tàu đã nhiều, những tên đất tên nước cùng tên các danh-nhân của Thái-Tây đọc theo chữ tàu đã quen lắm, hầu như thành tiếng ta rồi : như Âu-châu, Á-châu, nước Pháp, nước Đức, ông Nã-phá-luân, ông Hoa-thịnh-đốn, những tên đó đã thông-dụng quá, không ai là người không biết ; không kể rằng những tên đó cũng gọn-ghẽ, đọc dễ nghe, hiệp với cái âm-điệu tiếng An-nam hơn là vần tây. Nay muốn cho thuận-ý mọi người thì nên đặt lệ như sau này : Phàm những tên các châu (Âu-châu, Á-châu v. v.), các bể lớn, các nước lớn, các danh-nhân trong thiên-hạ mà đã thông-dụng lắm rồi thì cứ đọc theo chữ tàu như trước cũng không hại gì. Trong một bài văn có nói đến tên ông Hoa-thịnh-đốn, kể sự-nghiệp ông Hoa-thịnh-đốn, thì dẫu người thuần tây-học không nghe đến tên ấy bao giờ cũng biết là ông WASHINGTON, không lầm được. — Còn hết thảy các tên tây khác, hoặc tên đất, hoặc tên người, nên nhất luận viết theo chữ Pháp cả ; bên cạnh chua âm ra tiếng An-nam, thế là tiện hơn cả và điều-hoà được cả hai phái Tây-học Hán-học. Mỗi đằng nhường-nhịn nhau một chút mới được, cứ khăng khăng giữ ý riêng thì không bao giờ xong.

Ấy là bàn về sự dịch các tên tây ra tiếng ta. Còn sự ông Lương Khắc-Ninh, *tự Dủ-Thúc* trách những người « mượng chử sau hoại Văn-minh ( ) » thì xin ông hãng đọc lại bài của ông xem chính ông có tranh khỏi cái trạch ấy không ? và những chử nho ông dùng đã được thập-phần chánh-đáng chưa ?

PH. Q.

VĂN-UYỂN

THƠ CA CỔ

Qua núi Già-hương huyện Phù-ninh

Khỏi cầu Măng-nứa đến cầu Vàng,
Phong-cảnh nhìn xem đã khác thường.
Núi mặt bốn bên vùng dọc ruộng,
Cỏ đầu một rẫy hẻm con đường.
Trồn chân bình-ngạnh e sành-sỏi,
Sỉ mặt tang-bồng dạn tuyết-sương.
Ai nấy đồng bằng dù chửa rõ,
Lần sau ta rủ đến Già-hương.

Viếng ông Nguyễn cử-nhân người Nội-duệ

Vừa tiết đông rồi xuân mới sang,
Kẻ còn người mất luống mơ-màng.
Trăm năm thân-thế chừng ba kỷ,
Nghìn dặm công-danh mới nửa đường.
Đất bắc bóng cây xuân buổi tỉnh,
Song tây ngọn đuốc truyện đêm trường.
Dấu tình để lại bao phai-nhạt,
Một mảnh tiên-hoa lệ mấy hàng.

Nhắn bảo ả đào

Này đây bảo rõ chị đào ơi !
Buôn bán xin đừng giở thói đời.
Mời gượng miếng giầu lòng mặn nhạt,
Chào suông chén nước vẻ đầy vơi.
Mắt đưa đã ngụ làn say sẵn,
Truyện nói càng xui khóe bốc rời.
Quê lịch chẳng qua trong tiệc rượu,
Biết chăng chẳng biết hỡi làng chơi.

Gửi người tương-tư

Cân sắc cân tài khéo đã vừa,
Ba-sinh hương lửa phận tình-cờ
Cung Hàn tỏ mặt trăng thơ-thẩn,
Doành Ngự đưa tin lá lửng-lơ.
Sương tuyết bơ phờ đôi mái tóc,
Đá vàng vấn-vít một lòng tơ.
Nhà gần nhưng ngại người xa cách,
Gửi mảnh duyên son với mảnh tờ.

Khuê oán

Lật-lưỡng ông tơ mới lạ sao,
Hờn duyên tủi phận dạ như bào.
Cỏ hoa chẳng gặp hơi xuân sớm,
Bèo bọt đành xuôi ngọn nước trào.
Trăm nỗi vương lòng tơ chỉ quấn,
Năm canh chung bóng đĩa dầu hao.
Gậy thiêng nhờ phép thầy tăng ấy,
Phá đồ thành sầu mấy trượng cao.

Tự cười mình

Đẻ ra cái tính đã hư rồi,
Mang tiếng làm sao phải chịu thôi.
Đòi rượu, đòi chè lùng-hủng đại,
Hay cười, hay nói lả-lơi hoài,
Chầu ba quan cỗ còn nèo hát,
Truyện mấy câu suông đến chết ngồi.
Những mặt làng chơi này dặn nhé :
Xin đừng bây bả quá như tôi.

Phụng mạnh vua đi đánh giặc

Bắc nam duy sở mệnh, 北南唯所命 (1) mười lăm năm vui thú Lam-quan; lũ kiến ong mấy lúc hợp tan, cơn sóng gió ra tay chèo chống vững. Con tạo ghét ghen chi mấy những, anh-hùng gặp gỡ nhẫn làm sao. Hội phong-vân như có biết dường nào, mình một bóng đành rằng nông nỗi thế. Hỏi thư kiếm có hay chăng nhẽ, nợ tang-bồng trả đặng lúc này chăng ? ra tay chữa lệch cho bằng !

Thợ trời rất khéo

Ba vạn sáu nghìn ngày thấm-thoắt, tự mọc răng cho đến thủa bạc đầu, ngồi thử gẫm thợ trời xem khéo quá ! Núi tự-tại, cớ sao sông bất-xả ? (2) Chim thì lông, hoa thì cánh, khéo công đâu tạo-hóa thừa-trừ (3), từ nghìn trước nhẫn nghìn sau, kết cục lại mỗi người riêng mỗi kiếp. *Nhập thế cục bất khả vô công nghiệp*, 入世局不可無功業 (4) *Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân* ; 出母胎便是有君親 (5) mà chữ danh liền với chữ thân, thân đã có ắt danh âu phải có. Này phút chốc kim rồi lại cỗ, có hạn gì sau chẳng bằng nay, râu mày kia hỡi râu mày !

Cảnh xuân

Xuân tự thiên lai thời tại thủ 春自天來辰在首 (6), trước rèm thưa thắp-thoáng bóng thiều-quang. Áng cỏ hoa nhăm-nhắp đậm hơi sương, đàn ong bướm rủ-rê chi lắm mấy. Ba vạn có thừa còn chẳng mấy, sáu mươi không lẻ có là bao. Mới hay rằng xuân tới thời cao, ăn chơi lấy kẻo thanh-xuân bất-tái (7). Cũng có lúc tiếc xuân mà ngảnh lại, trông ra thời lửa lựu đã bay lòe, thôi thôi xuân đã sang hè.

---

1) Muốn ở bắc hay nam cũng tùy theo mệnh vua.
(2) Tự tại 自在 nghĩa là núi cứ ở một chỗ. Bất xả 不捨 nghĩa là sông chảy mãi không dừng.
3) Tạo hóa thừa trừ 造化乘除 nghĩa là trời đất đã nhân thêm cho đàng nọ lại trừ bớt đàng kia đi.
(4 Đã vào cuộc đời, thì phải có công nghiệp.
(5) Lọt khỏi bọc mẹ, thì là có quân « vua » thân « cha mẹ ».
(6 Khí trời chuyển vận đem mùa xuân lại ở về đầu mùa.
(7) Thanh xuân bất tái 青春不再 nghĩa là tuổi xuân xanh không có trở lại nữa.

Trăng thu

Trung-thu vân tĩnh xuất thương-hải, 中秋雲淨出滄海 (1), *bán dạ lộ hàn đương bích thiên,* 半夜露寒當碧天, (2) vẻ thanh soi khắp mấy dặm nghìn, đâu là chẳng xem vừng nương bóng. *Cao-sơn nhứt phiến nguyệt,* 高山一片月 (3), đã chơi trăng cho tỏ tình trăng, *sơn chi thọ nguyệt chi hằng,* 山之壽月之恆 (4) *sơn hữu nguyệt cố sơn tăng cảnh sắc,* 山有月故山增景色 (5), *nguyệt quải Hàn-sơn thi bán bức,* 月掛寒山詩半幅 (6), *sơn hàm minh-nguyệt tửu thiên tôn ;* 山含明月酒千樽 (7), trăng chẳng già núi hãy còn non, núi không sứt trăng vẫn còn với núi, rượu lưng bầu, thơ một túi, nhủ gió trăng chơi với non sông, núi thời tạc chữ tương-đồng, trăng kia tỏ mặt anh-hùng này chăng ? thảnh-thơi kìa núi nọ trăng !

BẢN QUÁN *sao lục*

THƠ CA MỚI

Dịch Đường-thi

I

渡桑乾

却無歸客望端心舍
并更日并州渡夜州
是桑憶已故乾咸十
鄉水陽霜

Qua đò Tang-Càn

Châu Tinh chán cảnh quê người,
Hàm-dương lối ấy ngậm ngùi hôm mai.
Sông Càn một giải chia hai,
Đường xa xa lại hơn mười châu Tinh.

II

風同月獨
景來光上江
依玩如高樓
稀月水樓青
似人水思愔
去何如悄
年在天然

Giang-lâu thư hoài

Thần thơ rón bước lên lầu,
Trời cao sông rộng một mầu bao la.
Nhớ ai chung bóng trăng tà,
Lơ-tơ phong-cảnh vẫn là như xưa.

---

(1) Tiết trung-thu mây quang, mặt trăng từ dưới biển mọc lên.
(2) Nửa đêm sương móc lạnh, bóng trăng đứng giữa trời.
(3) Một mảnh trăng ở trên núi cao
(4) Thọ như núi, luân-chuyển thường như mặt trăng.
(5) Núi có bóug trăng nên núi lại càng thêm cảnh sắc.
(6) Khi trăng treo trên núi thì ngâm nửa bức thơ.
(7) Khi núi ngậm bóng trăng, thì uống nghìn trén rượu.

III

空 年 曉 柳
逐 年 慈 影 宮
春 花 啼 麥 怨
泉 落 送 差
出 無 滿 拖
御 人 宮 書
溝 見 愁 樓

Cung oán

Bóng dương thấp-thoáng bên lầu,
Trong cung nghe rộn tiếng sầu chim oanh.
Hoa sao hoa rụng quanh thành,
Theo dòng nước chảy ra ghềnh Ngự-câu.

IV

更 明 雲 草
無 月 樹 遮 華
人 自 深 回 清
倚 來 深 磴 宮
卡 還 碧 絕
闌 自 殿 鳴
千 去 寒 鑾

Hoa-thanh cung

Đường xe cỏ mọc ngang đầu,
Đền trong thăm-thẳm một màu mây xanh.
Bóng trăng len-lỏi bên mành,
Nào ai đêm vắng tựa vành lan-can.

Nguyễn Kiểm *dịch* (Cao-bằng)

Chơi chùa Ngũ-hành

Hóa-công gây dựng tự thời mô ?
Bãi biển mông-mênh mấy ngọn chùa.
Đá trắng năm hòn phơi nắng hạ,
Cát vàng một dải nhuộm sương thu.
Ngoài hang vân-nguyệt chim bay bổng,
Trong động huyền-không hạc đứng rù.
Nghe tiếng chuông kình vang cửa Bụt,
Vãi già vãi trẻ niệm *nam mô*.

Tới Ải-vân không gặp bạn

Khen ai khéo tạc thú Vân-sơn ?
Dưới nước trên non mới lạ dường !
Mặt biển nhấp-nhô làn sóng bạc,
Đầu non nghi-ngút áng mây vàng.
Ong bầu bay bổng xua trần-tục,
Bọ chét bò quanh dỡn thế-gian.
Hỡi bạn tri-âm mô vắng cả ?
Thuyền ai chờ đợi bến ngư-lang ?

Trần Hữu-Giương

Vịnh con cóc

Cái giá người anh đáng mấy mươi ?
Mà toan lên bộ cậu ông trời (1).
Dám xưng Hiếu-nghĩa tiên-sinh hảo (2),
Mắc dấu bôi vôi chẳng thẹn đời (3).

Vịnh con cáo

Luồn-lọt ra vào chẳng thiếu đâu,
Nghề anh tôi biết đã từ lâu.
Đêm hôm mò-mẫm tha gà vịt,
Vẫn tưởng là hay chực vểnh râu (4).

Doãn Kế-Thiện
Tổng-sư La-gian

(1) Có câu : con cóc là cậu ông trời ; bẽ ai đánh nó thì trời đánh cho.
(2) Con cóc cũng có tên riêng là « Tây-sương Hiếu-nghĩa tiên-sinh ». *Tây-sương* nghĩa là cái nhà phía tây ; *Hiếu nghĩa* là hai chữ nói bóng nó hay ăn kiến.
(3) Có câu : lăn lóc như cóc bôi vôi
(4) Người ta thường nói : vểnh râu cáo.

VĂN XUÔI

Cảnh nhá-nhem

Suốt mười hai giờ, lửa kim-ô đốt sinh-vật trên mảnh đất này, đến héo gan ráo ruột, cái xác tôi tự như mình ghét mình, lấy mình làm khó chịu cho mình ; tư-tưởng tôi khổ vì bị trói buộc trong vòng sinh-nhai tự sáng đến chiều, không hở được một khe con để lấy hơi thở. Nói quá ra tôi lúc đó cũng không khác gì người hấp-hối vậy.

Tuy nhiên, bóng hoàng-hôn đã thay chân cho kẻ cay nghiệt nồng nàn ban trưa mà bao bọc khắp tỉnh-thành.... Dần dần sắc vàng biến ra sắc xám ; bên đông trăng chưa mọc, trong nhà đèn chưa thắp : ấy lúc đó nhiều người ghét nhất mà ta thời yêu nhất.

Những khi ngao-du sơn thủy, gửi hồn lên làn mây, lên ngọn sóng, nhẹ nhàng phóng-túng biết là bao, song cách chơi đó có hạn, nên chưa đủ nuôi con óc người ta. Nay bốn phía mập mờ, cây chẳng ra cây, núi chẳng ra núi, nhà chẳng ra nhà, người chẳng ra người, trời chẳng ra trời, đất chẳng ra đất, không có cái gì làm hạn mực, mất hẳn cái nhà tù giam ta, duy có cái vô-cùng nó hiển hiện ra trước mắt ta, ta có thể lấy nó mà ru hồn ta một cách êm ái được. — Nhưng ru cách thế nào ? Ngồi một chỗ hay là đi đâu ? — Cả ngày đã bị cùm, nay ngồi sao được? Trời nhá-nhem, ra khỏi cửa những đụng cùng chạm, những vấp cùng váp, đi sao yên ? Tôi nghĩ vậy trước lấy làm khó, sau nhớ tới sân nhà bằng-phẳng mà bước đã quen, bịt mắt đi cũng nhanh mà không vấp ; bởi thế dạo vòng quanh sân, tưởng-tượng như con đường vô-hạn, ví sống thêm mấy ngàn năm nữa đi cũng chưa hết...

Lúc đó, bởi không thấy vật chi nữa, trộm nhìn được cả vũ-trụ, dám lấy tấm thân hèn mọn giống chúng-sinh mà tỷ với Hóa-công. Những đống sù sù kia, những bóng lờ mờ kia, Tạo-vật sinh ra có lẽ vô-hồn mà mắt ta thấy cảm động, thời có dễ ta đây cũng được quyền xếp đặt vũ-trụ, sai khiến muôn-loại rư ? Nếu vậy, loài người đã táo gan, vũ-trụ to lớn không cùng, ngang đi chẳng hết, dọc đi chẳng cùng, mà dám thu vào một phần nhỏ miếng óc ta bị tù khít trong mấy mảnh xương sọ vào khớp chặt với nhau, Ôi ! con Tạo sinh đất, sinh cây, sinh vật, rồi đây sinh đến ta, không biết sau này có sinh giống gì khác nữa không ? Hay là ngài cốt sinh ta để nối nghiệp ngài mà sinh-hóa thêm các giống lạ, các vật kỳ trên quả đất này. Nhưng giá thử con Tạo mà nghỉ dẻ đi, thời ta đây tức là con út con Tạo mà là em út các loài. Giàu con út ! nay ta đã được hưởng hơn các anh ta, đều ấy đã rõ ; song tưởng cái cân Tạo-hóa chắc cũng thăng-bằng; ngài đã khéo xau xẻ bù bớt một cách tuyệt-diệu vậy.

Bộ máy nhân-loại đã huyền-diệu hơn, hình-thể đã thanh-tao hơn, trí-thức lại mở mang hơn. (1) Bấy nhiêu cái ta hơn muôn vật nhắc cân với cái muôn vật hơn ta, nghĩa là cái muôn vật không có hoặc ít có, tức là cái cảm-tình, tưởng cũng không so le sộc lệch là mấy ! Muôn loại không cảm, hoặc ít cảm, thời không đau đớn, hoặc ít đau đớn, mà loài người thời đau đớn, hoặc đau đớn quá độ ; ở đời, có vui tất có khổ, có sinh tất có diệt, lẽ ấy đã thường, chẳng nói ai cũng hiểu.

(1) Cũng chưa chắc bộ máy nhân-loại có huyền-diệu hơn, hình-thể có thanh-tao hơn, trí-thức có mở mang hơn không, song cứ theo lẽ đời người mà thí-dụ như thế vậy. (Lời chua của soạn giả)

Thế nhưng mà cái đau đớn ta đã lấy làm chất nên thơ cho con người cao-thượng, thời nó là cái vui thú tuyệt-diệu đó. Cái đau đớn đã đổi ra cái vui thú tuyệt-diệu thời con người ta đã chệch nổi mình ra ngoài cán cân Tạo-hóa mà cướp hết phần hơn trên muôn loại vậy.

Cũng bởi thế, nhân nay trời nhá-nhem tối, muôn loại cùng lắm người đều ghét, đều cho là khó chịu, đều bảo là thừa thãi, mà ta lại yêu, lại lấy làm dễ chịu, lại cho là hạnh-phúc, nên con Tạo đền cho ta cái sướng ; cái sướng đó là cái đau đớn của thi-nhân.

Chân đi, tinh-thần đi vừa tới đó, chợt thấy nhà lớn của vũ-trụ đã thấp-thoáng bóng trăng, nhà nhỏ của nhân-gian đã lập-lòe ngọn lửa.... Trăng có việc của trăng, lửa có việc của lửa, ta có trách-nhiệm của ta.....

Một người đọc báo.

DỊCH HÁN-VĂN

Bài tự đưa ông Lâu-đồ-nam đi chơi Hoài-nam định tu tiên

(Bài này của ông Liễu-tử-Hậu là một nhà đại văn-học đời Đường ; văn cổ-áo lắm)

Tôi hồi còn chỏm đi thi tiến-sĩ, tai đã nghe có tên « Lâu Đồ-Nam » ; những thơ ca ông làm, truyền-tụng khắp kẻ-chợ ; có tiếng thông kinh và học rộng lắm ; đương-thời những tay cự-phách trong văn-giới như ông Thôi Tị-Bộ, ông Vu Vệ-Úy, xúm nhau khen văn ông, ai cũng nói tằng-tôn cụ Nạp-Ngôn (Lâu Nạp-Ngôn, tổ nhà ông Lâu Đồ-Nam, người đời vua Đường Cao-tôn, làm quan đến Tể-tướng) vạy ; bàu là tay quyết-khoa, đậu trước anh em hẳn. Sau hơn mười năm, tôi đã làm tới Thượng-thư-lang bị giáng trích ra Linh-lăng, mà ông vẫn còn học-trò, không xe đi, không nhà ở. Tôi ngợ quá bèn hỏi chuyện ông. Ông nói : « này, trong bọn nhà nho ta, có nhiều người thi cử đỗ đạt, giao kết được chỗ quyền qui, nương tựa được đống bà-con, may ra thì mọc lông mọc cánh, thở ra khói, thét ra sấm, rậm-rịch được một hồi, ta không thế được ; không thì rượu chà phóng-túng, xe ngựa nghênh-ngang, đua-đầy với chúng-bạn, đổi-chác nhau làm của, tiêu-bảng nhau làm danh, ai không vào hùa, ra giọng bài bác, ta không thế được ; không thì lanh chân tay, khéo miệng lưỡi, sớm hôm thỉnh-thác ở trước mặt người ta, luồn cửa cao, đón xe lớn ; nói giả mà cười vờ, tán-tỉnh mà bợ-đỡ, lấy lòng thiên-hạ để bán nghề mình, ta không thế được. Ta liệu mình ta không chịu khó nổi, cho nên bỏ nghiệp đó mà thả đi chơi : qua Giang, Hồ, ra Giự-chương, đến Nam-hải, lại từ Quế-lâm xuống đây. Bé ham tu tiên, ăn thuốc thay cơm, chưa biết hết diệu-thuật ấy, đi đây tìm thử coi. » Tôi nghe càng nghi lắm. Thửa nay coi những người đậu tiến-sĩ, không hẳn ai cũng như lời ông nói, lại không mấy người sức học được bằng ông, không mấy người có ông cha đời trước đại-đức như cụ Nạp-Ngôn, không mấy người có bạn tri-giao danh-sĩ như ông Vu, ông Vệ ; mà bảng rồng choi-chói, kể có trăm mấy chục người. Lâu-quân đây không phải là không đủ sức đậu. đều không thích mà lánh đó thôi.

Tôi mời ông ở chơi Linh-lăng ; ông vì tôi lưu ba năm, một hôm bảo tôi rằng : « Bụng ta sở-cầu chưa được ; nay ta đi. » Tôi đã lấy ông trốn danh

làm lạ mà lại lấy ông ở lâu cùng mình làm ơn, cho nên vị ông nói : Ôi ! người quân-tử xuất để hành-đạo vậy, xử để độc-thiện thân mình vậy, nay thiên-hạ trị, vua khát cầu hiền ; ông trị đủ sửa-sang chính-trị trong nước, văn đủ truyền-bố đức-ý triều-đình, dùng ra đời, tất có người hợp đạo ông, tiến dẫn đến tai thiên-tử ; vội mà làm xử-sĩ, tôi cho là không phải thời. Nếu bảo già mà về hưu ư ? thì ông trẻ và sắc lắm ; yếu mà dưỡng bịnh ư ? thì ông mập và khỏe lắm ; hỏi vì sao mà ông xử, không có cớ gì hết. Nếu khư-khư lấy tu tiên làm đạo, thì đạo gì lại có đạo tu tiên ? Con người ta, hình-hài gửi trên mặt đất, chung cả chúng-sinh muôn kiếp, không phải mình giữ được làm của riêng. Mình xử mà cầu cái đạo Nghiêu, Thuấn, Khổng-tử, chỉ sợ chưa được ; xuất mà làm cái đạo Nghiêu, Thuấn, Khổng-tử, chỉ sợ chưa nên ; thế thì mong thọ phải. Cầu mà được rồi, làm mà nên rồi, tuy yếu có thương gì. Nay chực nuốt hơi thở khói, nhấm lá ngậm hoàn, lấy vô-sự làm nhàn, lấy không chết làm sống, vậy thì cây đá trong rừng sâu, qui xà trong vực lớn, có dễ đắc-đạo hơn thánh hiền mình hay sao ? Tôi học nho mà chưa đắc-đạo vậy, bởi thế xuất thì cùng, xử thì dở, vốn không nên mở miệng nói chữ « đạo » cùng ai ; duy ông thân với tôi mà tôi lấy sự ông đi làm quan trọng, phải nói riêng cùng ông mà viết mấy câu tự để tiễn ông lên đường.

* * *

Lời bàn của người dịch

I

Cái bệnh khoa-cử nước ta, truyền nhiễm tự trung-quốc. Coi trong bài tự này một đoạn tả trạng-thái mấy hạng người trong bọn khoa-cử, thật bằng vạc Vũ đúc gian [1]. Nhưng thiết-tưởng tệ tại phép thì ít mà tệ tại người thì nhiều. Bất-luận ở Tàu hay ở Ta, cũng không có phép khoa-cử nào buộc người ta đậu rồi phải luồn-lỏi phan-phụ mới có lối ra hành-đạo tế-thời [2], phải hút mủ nếm phân, làm cái thói bôn-cạnh vô-xỉ, phải rượu Lưu cờ Nguyễn, làm ra bộ phóng-đạt bất-cơ [3]. Chẳng qua bằng-đầu có một đôi kẻ truỵ-lạc, sau dần-dần bắt-chước nhau thành một cái ác tập-quán, sĩ-phong tồi bại, bôi nhọ mất cả bia đá bảng vàng. Thực thì khoa-cử vốn cũng có tệ mà không tệ đến thế ; tệ là tệ không có học chuyên-môn, không có bằng tốt-nghiệp, như các nước văn-minh bây giờ ; không có học chuyên-môn thì người học thiệp-liệp cả, sợ không được nghề gì là thật-tinh ; không có bằng tốt-nghiệp thì thủ xả chỉ bằng ở văn-thi, bình-nhật chưa từng khảo-nghiệm trong trường-học, vàng thau ngọc đá, sợ không khỏi hỗn-hào. Nhưng nhà-nước đã mở đường ấy để dùng người, thì những người có đức có tài, cũng đều do đường ấy ra cả. Không thấy ở Tàu như ông Lục-Chi, ông Hàn-Dũ đời Đường, ông Vương-Tăng, ông Phạm Trọng-Yêm đời Tống, ở Ta như ông Nguyễn Trung-Ngạn, ông Mạc Đĩnh-Chi đời Trần, ông Đàm Văn-Lễ, ông Phạm Đình-Trọng đời Lê, danh-tướng lương-thần, không mấy ông không ở trong vòng khoa-cử. Cho biết người mà hay dấu khoa-cử cũng không lấy gì làm hại lắm, người mà dở dấu chẳng khoa-cử cũng hư vẫn hoàn hư. Có học chuyên-môn, có bằng tốt-nghiệp, mà ai luồn-lỏi phan-phụ cứ luồn-lỏi phan-phụ, ai bôn-cạnh vô-xỉ,

(1) Đời trước vua Hạ-Vũ đúc chín cái vạc, vẽ hết những hình ma quỉ, trông vào đó những gian-tình chúng nó không sót tí gì.

(2) 行道濟民 Nghĩa là ra làm quan-quyền, đem cái đạo của mình thi-thố ra để giúp đời.

(3) 放達不羈 Nghĩa là phóng-túng liều-lĩnh, không chịu lễ phép bó buộc.

cứ bôn-cạnh vò-xỉ ; ai phỏng-đạt bất-cơ cứ phỏng-đạt bất-cơ ; cử-nhân tiến-sĩ mới cũng vọng đồng-môn với cử-nhân tiến-sĩ ngày xưa, làm sao mà giữ khỏi những tệ ấy được ! muốn chữa tệ tất phải chữa người, mà chữa người không phải một sức chính-phủ làm được. Chính-phủ biết cái tệ khoa-cử không được nhân-tài chuyên-môn, không có cách khảo nghiệm hồi trong trường học, thì bãi khoa-cử, lập các trường chuyên-môn, học mỗi trường phải có một lá văn-bằng tốt-nghiệp, thế là chữa được cái tệ ấy rồi ; còn những cái tệ kia là thuộc về phẩm-hạnh người ; chính-phủ lấy đâu được trinh-thám theo từng người mà xét tỉnh nết ẩn-vi trong buồng kín được. Phải người nào cũng tự biết thế là không phải, là tủi với cái danh-giá học-đường, là phụ với bụng tác-thành nhà-nước, tự mình tu tỉnh lấy thân mình ; trong học-giả-xã-hội, năm mười người xướng lên trước, thành một cái học-phong hay ; kẻ có tính tốt trông đó làm gương soi ; kẻ có tính xấu sợ đó làm bia miệng ; lâu biến được tập-quán ác, hóa nên tập-quán hay ; cái tệ khoa-cử, họa may sau này tuyệt tích trong thế-giới.

II

Thói quen nước mình, ham sống mà sợ chết : ra khỏi cổng làng, đã cho là mất xác ; chấm vào sổ lính, đã kể là bỏ thây ; ăn xó mó niêu, làm ăn không hề dám mạo-hiểm ; thân ai người nấy, cấp-nạn không hề dám cứu nhau ; khí cương-nghị một ngày một suy, bụng tiến-thủ một ngày một nhụt. Không biết có cái sống nên ham, có cái sống cũng không nên ham ; có cái chết nên sợ, có cái chết cũng không nên sợ. Nếu vì có một cái hi-vọng, có một cái mục-đích mà sống : một là có tài có đức, làm nên công-nghiệp to-tát, bổ ích cho người đời ; hai là giảng diễn được một cái học-lý hay, phát-minh được một cái công-nghệ mới, mở-mang được một cái thực-nghiệp to ; thứ nữa thì có nghề có nghiệp, chịu thương chịu khó, lo làm giàu làm có, trên nuôi được cha mẹ, dưới dạy được con em, có đồng tiền dư, làm được đôi chút sự công-ích ; vậy thì sống nên ham thật. Còn sống mà du-thủ du-thực, ngoài ăn ngủ [illegible] ỉa không sự-nghiệp, ngoài tửu sắc yên đồ không kinh-luân, ăn hại cơm trời, làm một xã-hội, thì sống lắm lại càng nhục, ham cái gì ? Nếu vì ăn chơi vô-độ, sắc-dục quá chừng, cách vệ-sinh không cẩn-thận, đến nỗi ốm-o mòn-mỏi, mình làm hại lấy mình mà chết ; hay là vì bạo-ngược hung-tợn, không kể lẽ nghĩa, đi lường đi gạt, giết người lấy của, làm chuyện gian-phi, mắc tù mắc tội mà chết ; vậy thì chết nên sợ thật. Còn chết mà nổi danh trong thế-giới, có ích cho nhân-quần, cứu khổ nạn được muôn người, giữ cương-thường cho vạn đại, như những bậc trung-thần, hiếu-tử, nghĩa-sĩ, liệt-nữ, chiến-tướng, hiệp-khách đời xưa, thì chết được lại là vinh, sợ cái gì ? Coi trong bài tự này một đoạn nói : « Cầu đạo chỉ sợ chửa được, làm đạo chỉ sợ chưa nên, thế thì mong thọ phải ; cầu mà được rồi, làm mà nên rồi, dẫu yểu có thương gì, » Có vị thay lời ấy ! Ôi ! hình-hài gửi trên mặt đất, tất có lúc mục, mà danh-tiếng để trên mặt đất, không bao giờ phai ; đạo nhân-nghĩa trung-tín còn thì ông Khổng-tử mấy muôn đời vẫn không chết ; đạo kinh-thiên ái-nhân còn thì ông Gia-tô mấy muôn đời vẫn không chết ; chủ-nghĩa tự-do còn thì ông Rút-sô (Rousseau) bây giờ vẫn còn sống ; học-thuyết tiến-hóa còn thì ông Đạc-vanh (Darvin) bây giờ vẫn còn sống ; châu Mỹ còn thì ông Cờ-rít-tốp-cô-lông (Cristophe Colomb) biết đến bao giờ chết ; nước Hoa-kỳ còn thì ông Va-hanh-tông (Wahinton) biết đến bao giờ chết ; danh sống tức là người sống, mà không

chết có phải là thật sống đâu. Xin những người ham sống sợ chết, phải biết sống thế nào nên ham, chết thế nào nên sợ, ham cái sống thật, đừng lấy không chết làm sống, đem cái thân chúa muôn vật mà tự-hạ sánh với cây đá qui sa.

TUYẾT-HUY *dịch và bàn*

THỜI-ĐÀM

VIỆC LỚN TRONG THẾ-GIỚI

Bàn về hội Vạn-quốc. — Trong báo *Cực-động-thời-báo* in bằng tiếng Pháp ở Đông-kinh (Tokyo) bên Nhật-bản, có một bài xã-thuyết bàn về cái thái-độ nước Pháp đối với Hội Vạn-quốc (*Ligue des nations*), lược-dịch như sau này :

Nhà thông-tin ở Paris của báo « Đông-kinh nhật-nhật chí » (*Nichi Nichi*) đã ví hội-đồng dự-bị giảng-hòa như một tòa nghị-viện quan Giám-quốc Wilson nước Mĩ là thuộc về tả-đảng (*la gauche*), quan Thủ-tướng Clémenceau nước Pháp là thuộc về hữu-đảng (*la droite*) và quan Thủ-tướng Lloyd George nước Anh là thuộc về trung-ương-đảng (*le centre*). Gần đây nhà thông-tin ấy lại điện về cho tòa báo một cái tin nữa cũng lạ như vậy. Nói rằng : « Dư-luận nước Pháp từ trước đến giờ vẫn không hoan-nghênh cái dự-án của quan Giám-quốc Wilson về Hội Vạn-quốc, ngày nay đã thấy hơi đậm-đà hơn trước, thật là một cái triệu-chứng mới vậy. » Cứ thực thời người ngoại-quốc vẫn thường cho cái chính-sách nước Pháp là phản-đối với cái tư-tưởng nước Mĩ về sự quốc-tế-hiệp-định, quốc-tế-liên-hợp (*entente et union internationale*). Nhưng mà những người đem đối nước Pháp với nước Mĩ như vậy là những người xét lầm ; chắc rằng về những tiểu-tiết, về cách thực-hành cái chủ-nghĩa thì hoặc-giả hai nước có chỗ khác-ý nhau chăng, nhưng về cái mục-đích phải đạt cho tới thì hai nước vẫn đồng-ý nhau, cái mục-đích ấy là làm thế nào dựng được hòa-bình, mà hòa-bình theo chính-nghĩa, hòa-bình được lâu bền. Người ta thường nói phao lên rằng quan Thủ-tướng Clémenceau với quan Giám-quốc Wilson nghịch ý nhau, quan Clémenceau đã thuyết-minh ở nghị-viện về sự đó. Ngài nói rằng : « Quan Wilson có nói rõ ý-kiến, kể hết các lẽ cho tôi nghe. Tôi nói rằng điều gì tôi cũng đồng-ý với ngài thời là nói sai, vì cũng có điều tôi khác ý ngài : nước Mĩ ở xa, mà nước Pháp thì ở ngay cạnh nách nước Đức. Trong bốn năm trời nước ta đã bị quân Đức dầy xéo, mất tôi đã trông thấy cái cảnh-tượng ấy, chắc lòng tôi phải lo-tính nhiều điều mà ngài [illegible] hì tới. Nước ta đối với nước Đức có [illegible] phải bắt đền-bồi cho xong mới được. Tôi phục quan Giám-quốc Wilson là một người dạ cả trí cao vậy. » Cách đó ít lâu, quan Clémenceau lại tỏ ra rằng ngài trọng [illegible] tư-tưởng của quan Wilson mà bàn với Hội Nghị-hòa công-nhận cái chủ-nghĩa về hội Vạn-quốc trước nhất đã, rồi hãng quyết-nghị đến các việc khác ; không những thế, quan Clémenceau không muốn biểu đồng-tình một cách huyền-viển mà thôi đâu ; ngài vốn tính bình-trực, ngài lại ưa sự thực hành, không ưa cách huyền-diệu ; nên ngài đã đặt phương-kế cho cái dự-án đó thành sự-thực, đã một năm nay ngài đặt ra một hội-đồng riêng có quan Léon Bourgeois là nguyên-thủ-tướng làm chủ hội, để chuyên nghĩ cách sắp đặt cơ-quan cho Hội Vạn-quốc về sau này. Hội-đồng ấy đã làm năm tờ báo-cáo dài, nghiên-cứu về cái thể-thức hội Vạn-quốc sau này, về cách vận-dụng, phép hoạt-động thế nào, cùng những điều quyết-định muốn bắt phải theo thì phải dùng những cách « chế-tài » (*sanction*) thế nào. Mấy tờ báo-cáo ấy là do những tay chuyên-môn về Vạn-quốc-công-pháp ở nước Pháp soạn cả ; nhất là cái thiên xét về những « cách cưỡng-chế và chế-tài » (*coercition et sanctions*) là của một nhà pháp-luật danh-gia của nước Pháp, là quan giáo André Weiss : ngài sợ rằng các chính-phủ vì những mục-đích riêng hay gây ra những sự

xung-đột làm nhiễu-loạn thiên-hạ, nên trong thiên ấy ngài nghĩ đặt cho Hội-Vạn-quốc có đủ binh-lực để lâm-thời có thể chống đối được với các chánh-phủ. Chính quan LÉON BOURGEOIS cũng đã từng thảo một cái dự-án về Hội Vạn-quốc, các báo đã đăng cả.

« Nay xét cái dự-án đó không những không kém gì cái dự-án của quan WILSON, mà có phần lại bạo hơn, lại nghiêm-ngặm hơn và thực-dụng hơn, xem ra dễ thực-hành hơn, là cái cách sắp-đặt của nước Mĩ. Người Pháp tự nghĩ rằng: Nếu cái Hội Vạn-quốc ấy thành được, thì phải đặt cách thế nào cho vững bền, không thời đến suy-bại, một là vì vô-lực hai là vì vô-vị quá; cách giữ cho vững bền là phàm quyết-định điều gì phải có thể bắt người ta phải tôn trọng được, nghĩa là phải đặt lấy một bộ « quốc tế-cảnh-sát » (*police internationale*) vậy. Điều thứ 16 trong cái dự án của Hội-đồng dự-bị giảng hòa nói rõ như vậy, và điều ấy cùng nhiều điều khác nữa là chính tự người Pháp xướng ra và chính tay người Pháp chép thành văn vậy. Điều 16 ấy nói rằng: « Trong các nước ký ước nếu có một nước hoặc phá đổ hoặc không theo điều thứ 12, thì nước ấy tiện-thị coi như là đã phạm việc chiến-tranh với cả các nước khác trong Hội. Hội tự đó tuyệt-giao về đường buôn-bán đường lý-tài và nước nào cấm người dân nước nấy không được giao-thông với người dân cái nước đã bội-ước ấy, và Hội lại cấm cả người dân hết thảy các nước dù thuộc vào Hội hay không thuộc vào Hội mặc lòng không được giao-thông về đường lý-tài, đường buôn-bán hay là đường lợi-ích riêng với người dân cái nước đã bội-ước ấy. Trong những trường-hợp ấy thời cái phận-sự của tòa « Chấp-hành-hội-nghị » (*Conseil exécutif*) là phải loan báo cho mỗi nước có chân hội phải dụng lục-quân hải-quân thế nào để bênh-vực lẫn nhau. »

« Như vậy, đã biết cái phần công của các nhà chính-trị cùng các nhà pháp-luật nước Pháp trong việc biên-tập cái chương-trình về Hội Vạn-quốc, mà lại nghe thấy người nói nước Pháp trước phản-đối ý-kiến quan WILSON rồi sau mới chịu thuận, thì cũng nực cười thay. Nước Pháp đã nghiên-cứu cái vấn-đề ấy tự một năm nay, cũng cùng một ý với nước Mĩ không cho những nước quân-chủ-chuyên-chế vào Hội Vạn-quốc; nhưng nước Pháp lại nói rõ rằng tuy vậy cũng phải phân biệt mới được, vì có nước dân-chủ mà chuyên-chế (*républiques autocratiques*) thì quyết-nhiên không thể nhận được, điều đó thì quan WILSON trước khi tới Pháp vẫn không chịu là phải; bởi vậy quan CLÉMENCEAU mới phải chỉ rõ cho biết rằng cái nước dân-chủ mà chuyên-chế ấy tức là nước Đức, hiện nay tuy có dáng dân-chủ như EBERT, SCHEIDEMANN đứng đầu mà vẫn có tướng HINDENBURG phù-tá.

« Ngày 2 tháng tư năm 1917 quan WILSON đã nói rằng: « Những chánh-phủ chuyên-chế không được phép vào Hội Vạn-quốc. Chỉ có những dân-quốc tự-do mới có thể lấy cái lợi chung của nhân-loại làm trọng hơn cái lợi riêng của mình ».

« Điều đó thì nước Pháp với nước Mĩ thật là đồng-ý nhau, không còn nghi-ngờ nữa. Nhưng cái nước Đức kia cho dẫu ngày nay đổi làm dân-chủ, cho dẫu ngày nay theo về xã-hội-chủ-nghĩa, lấy gì làm chứng rằng sau này nó không lấy lòng tham-dục riêng của nó mà làm hại đến cuộc hòa-bình của thế-giới. Bởi thế nên nước Pháp năm 1918 đã định không cho các chánh-phủ chuyên-chế vào Hội Vạn-quốc, đến năm 1919 này là năm sắp ký hòa-ước cũng yêu-cầu với liệt-cường rằng không nên quá tin cái « Đế-quốc dân-quốc » (*République d'Empire*) của gã EBERT vậy (tức là nước Đức, hiện EBERT làm lâm-thời-giám-quốc). »

VIỆC TRONG NƯỚC

Lời châu-dụ ban khen cho dân-nghị-viện Bắc-kỳ. — Năm ngoái vâng ngự-giá bắc-tuần, thần-dân Bắc-kỳ ta đều một lòng tôn-kính, yêu mến, mừng mấy mươi năm nay lại thấy nghi-vệ thái-bình, các nghị-viên Hội Tư-vấn (*Chambre consultative*) thay mặt cả dân trong toàn-kỳ mà chiêm-bái xe loan, tỏ lòng cám ơn đội đức Triều đình ta, có thành tâm làm một bộ ghế khảm dâng ngự; mới đây nhân quan Tổng-đốc Thượng-thẩm Thận Trọng-Huề đại-nhân về Kinh chiêm-cận, ông nghị-trưởng nghị-viện Tư-vấn là ông Nguyễn Hữu-Thu vì sợ dân-giả không thuộc điển-lễ Triều-đình, không dám

thiện-tiện tự đem bộ ghế ấy dâng Ngự, có gửi vào Kinh để tại nhà thầm-thị bộ Hình, cậy quan Thân dâng ngự giùm cho. Hiện quan Thân đã tâu giùm cho ông nghị-trưởng Nguyễn Hữu-Thu dâng ngự bộ ghế ấy ; phụng lời châu-dụ đã thâu-nạp và có ban khen cho nghị-viện-tư-vấn Bắc-kỳ vẫn một lòng trung-ái với Triều-đình. Lời châu-dụ ấy quan Thân đã phụng chỉ lục khâm-cấp cho ông nghị-trưởng Nguyễn-Hữu-Thu, có cung-lục đăng bèn phần chữ Hán kỳ này. Coi một việc đó, đủ thấy dân mình tôn vua, vua mình thương dân, phân tuy cách mà tình rất thân, trước thế nào thì bây giờ cũng vậy. Luân-lý cương-thường của một cái nước văn-minh cổ, dễ bao giờ đã tiêu-diệt được ru ?

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Công việc Hội trong tháng Avril. — Việc quan-trọng nhất trong Hội về tháng Avril là tiệc trà-hội đặt ở Văn-miếu Hà-nội ngày 27 Avril để nghênh-tiếp quan Toàn-quyền Sarraut trước khi ngài về qui-quốc. Cái chính-sách khai-hóa của quan Sarraut thật là hợp với cái chủ-nghĩa của bản-hội, nên bản-hội từ khi mới nhóm thành vẫn đã có ý muốn tìm một dịp để biểu cái tình ân-ái của các hội-viên, của cả quốc-dân An-nam đối với quan Toàn-quyền. Bởi vậy nên ngày 28 Mars, tòa Trị-sự của hội đã lên yết-kiến quan Toàn-quyền, ngài có ban cho nhiều lời qui-hóa đã lược-thuật trong tập *Kỷ-yếu* kỳ trước. Các ông trị-sự chiếu theo cái ý-nguyện chung của đại-hội-đồng ngày 16 Mars có xin tặng quan Toàn-quyền chức « danh-dự-hội-trưởng », ngài vui lòng nhận ngay ; nhân tiện các ông có tỏ ý với ngài rằng hội ước-ao được dịp nghênh-tiếp ngài để tỏ lòng kính-mến. Quan Toàn-quyền cũng ưng ngay và định cho ngày 27 Avril, ngài lại có hứa sẽ nhân dịp ấy đọc một bài diễn-thuyết quan-trọng về cái chính-sách của ngài ở Đông-dương này. Tòa trị-sự lĩnh ý quan Toàn-quyền rồi, liền về sửa-soạn để nghênh-tiếp ngài cho xứng đáng. Bèn họp hội-đồng, định cách-thức cuộc nghênh-tiếp ấy nên thế nào. Các hội-viên trị-sự đều đồng-ý muốn cho cuộc ấy một cái ý-nghĩa rộng và sâu, muốn làm như một cuộc hội-họp cả quốc-dân An-nam mà biểu đồng-tình với cái chính-sách khai-phóng của quan Sarraut, như đem cả lòng dân tin cậy mà phó-thác vào ngài vậy. Bởi vậy nên định rằng tiệc dù nhỏ to mặc lòng cốt là hội-họp được nhiều người thuộc về khắp các dân-đảng cho cuộc nghênh-tiếp có giá-trị hơn. Bèn định mời thật rộng thật nhiều và họp tại Văn-miếu Hà-nội, có nơi di-tích của cái văn-hóa cũ nước Nam ta, để cho tiệc được thêm trọng-thể và có ngụ-ý sâu-xa. Hội-đồng trị-sự bàn định xong mọi việc, bèn cử ông Bùi-đình-Tá chọn trong các hội-viên lấy mấy ông giúp việc mà sửa-soạn cuộc nghênh-tiếp cho chỉnh-đốn. Hội-đồng chỉ định làm một tiệc trà-hội mà thôi (nước trà và bánh ngọt), nên trích ra một khoản 600 đồng để chi tiêu mọi việc, khoản ấy ông Bùi lĩnh mà chi-dụng, rồi trình cho Hội biết. Ông Bùi tuân ý Hội-đồng có chọn 10 ông như sau này, để sắp đặt tiệc trà-hội : Ông Đào-Huống-Mai, Đinh-văn-Thuấn (tức Phúc-lợi), Hoàng-kim-Bảng, Nguyễn-kim-Lân, Phạm-chu-Trinh, Phạm-mạnh-Xứng, Phạm-văn-Khoan, Trần-ngọc-Điền, Trần-viết-Soạn, Vương-vĩnh-Tuy ; 10 ông ấy phải phân-nhiệm mà sắp đặt mọi việc (làm rạp, trần-thiết, sửa soạn nước trà, bánh ngọt, v. v.). — Còn việc từ-chương bút-thiếp (gửi giấy mời, soạn và dịch các bài diễn-thuyết) thì giao ông tổng-thư-ký Phạm Quỳnh và phó-thư-ký Phạm-duy-Tốn.

Các việc sắp đặt chỉnh-tề cả, ngày 27 Avril tiệc rất trọng-thể, các báo đã kỷ-thuật tường-tế, thật là một dịp rất vẻ-vang cho hội ta vậy. Mong rằng nhân tiệc trà-hội vừa rồi, quốc-dân được biết rõ cái mục-đích, cái chủ-nghĩa của hội ta, chắc có nhiều người sẽ đồng-tâm hiệp-lực với anh em ta mà vào hội cho thật đông, giúp cho cái đoàn-thể bọn thượng-lưu ta ngày một phát-đạt thêm lên. Hội ta thật là rất mong ở các hội-viên hết sức cổ-động, ở cả quốc-dân hết sức tán-thành vậy.

Các Hội-viên mới. — Theo Điều-lệ hội thì ai xin vào chân thường-hội-viên cứ đăng tên lên báo, trong hai tháng không có người phản-đối thì được nhận vào hội. Vậy tám ông thường-hội-viên đăng tên trong kỳ báo số 20 (février 1919), là ông Lại-đức-Vị, Lê-thụy-Chân, Mai-văn-Tiên, Ngô-trọng-Sủng, Nguyễn-khắc-Nghị, Nguyễn-văn-Soạn, Triệu-đức-Thu, Trịnh-văn-Minh, — tới nay không có ai phản-đối được nhận vào chân thường-hội-viên hội Khai-trí. Các ông không phải đóng tiền nhập-hội, nhưng phải mua báo và mua sách của hội.

Cách bầu các thường hội-viên như vậy thì tiện lắm. Nhưng cách bầu các chủ-trì-hội-viên thì khí phiền. Theo Điều-lệ các chủ trì-hội-viên mới phải có chia tư ba phần chủ-trì-hội-viên cũ bầu mới được nhận vào hội. Điều-lệ lại nói cách bầu ấy hoặc hỏi ý ở nhà, hoặc viết thơ hỏi. Hai cách ấy xét ra đều không tiện cả, vì số hội-viên mỗi ngày một nhiều, nếu hỏi ý cả thì hỏi sao cho được, mà viết thơ thời cũng rất phiền. Như mới rồi gửi tên các ông mới xin vào chủ-trì cho những ông chủ-trì cũ bầu thì có ông gửi phiếu lại, có ông không gửi phiếu lại, nhiều ông có gửi lại mà nói rằng nhiều tên không biết, không thể bầu được. Như vậy thì cách bầu vừa không đủ, vừa không có giá, mà lại rất là phiền về sự gửi giấy đi giấy lại. Nay tòa trị-sự đợi khi nào có hội-đồng định bàn đổi lại điều-lệ về khoản đó. Hiện nay có ba cách đổi như sau này; 1° bầu chủ-trì cũng dùng một cách như thường-hội-viên, nghĩa là nhận tên ai cứ đăng lên báo, trong hai tháng không ai dị-nghị thì được nhận vào hội; 2° các chủ-trì-hội-viên ủy quyền cho tòa trị-sự bầu thay, cách này thì tiện hơn cả, vì tòa trị-sự đã thay quyền hội để quản-trị mọi việc tất có đủ tư-cách biết được các người xin vào hội và tra hỏi về phẩm-hạnh mỗi người được chắc chắn; 3° đặt lệ mới ai muốn xin vào hội phải có 2 hội-viên cũ đảm-nhận cho mới được. — Trong ba cách ấy để đợi tòa trị-sự định theo cách nào thì từ sau sẽ làm như cách ấy. Vậy kỳ này tuy có nhận được rất nhiều các ông xin vào chân chủ-trì, mà hãng nhận tạm hết cả để đợi định cách bầu thế nào, rồi mới đăng tên lên báo.

Nay chỉ đăng tên các ông mới xin vào chân thường-hội-viên như sau này, hễ trong hai tháng không nhận được giấy gì nói khác thì được nhận vào hội:

Ông Bùi-đan-Quế, thông-ngôn Tòa-án, Hà-nội,
Bùi-văn-Hiếu, thư-ký sở Hỏa-xa, Hà-nội.
Bùi-xuân-Yến, buôn bán ở Phủ-lý.
Đặng-tích-Trân, thông-phán ở sở Vô-tuyến-điện, Hà-nội.
Đặng-văn-Giục, hội-viên hội Ích-nông, phủ Thường-tín.
Đặng-văn-Hòe, thư-ký tòa Thiên Văn, Kiến-an.
Đào-văn-Khuyến, buôn bán ở phố Thị-cầu, Đáp-cầu.
Đào-ý-Thước, tổng-sư tổng Phụng-công, huyện Văn-giang.
Đinh-tiến-Quỳ, thư ký sở Xe-lửa Vân-nam, Hà-nội.
Đoàn-doãn-Đôn, tri-châu Vũ-nhai, Thái-nguyên.
Đoàn-văn-Nhã, vẽ bản-đồ ở tòa Pháo-thủ, Hải-phòng.
Đỗ-văn-Tú, buôn bán ở phố Thị-cầu, Đáp-cầu.
Hà-lăng-Tiêu, tổng-sư tổng Đại-quan, huyện Văn-giang.
Hồ-xỹ-Nam, giáo-học ở Nam-định.
Hoàng-đức-Trang, tuần-phủ hưu-trí, Hải-dương.
Hứa-văn-Mậu, giáo-học, Hà-giang.
Khúc-Bình đồng-tri-phủ về hưu ở làng Phương-canh, [Hà-đông.
Lê-kiêm-Thính, thư-ký sở Lục-lộ ở Phủ-lý.
Lê-quang-Oánh, cử-nhân giáo-học trường Bảo-hộ, Hà-nội.
Lưu-đức-Tâm, thông-phán sở Thương-chánh ở Văn-lý.
Ngô-hán-Chương, buôn bán ở Nam-định.
Nguyễn-can-Mộng, phó-bảng, giáo-học trường Bảo-hộ, Hà-nội.
Nguyễn-cao-Luận, trợ-tá Yên-khánh, Ninh-bình.
Nguyễn-đình-Đĩnh, ở Đáp-cầu.

Ông Nguyễn đình-Khê,	lý-trưởng làng Đạo-ngạn, Bắc-giang.
Nguyễn-đình-Ty,	bang-tá phủ Hoài-đức, Hà-đông.
Nguyễn-dư-Đĩnh,	tổng-sư tổng Đa-ngưu, huyện Văn-giang.
Nguyễn-đức-Chang,	thư-ký sở Xe-lửa Vân nam, Hà-nội.
Nguyễn-duy-Kỳ,	thưởng-hàm tri-phủ Hải-phòng.
Nguyễn-gia Khiêm,	thư-ký sở Xe-lửa Vân-nam, Hà nội.
Nguyễn hoàn-Hùng,	thư-ký sở Xe-lửa Vân-nam, Hà nội.
Nguyễn-hữu-Khánh,	tổng-sư tổng Xuân cầu, huyện Văn-giang.
Nguyễn-lý-Thai,	thư ký ở nhà Ga Hà nội.
Nguyễn-Quỳnh,	nghị-viên, huyện Thư trì, Thái bình.
Nguyễn-văn-Chấn,	thư ký nhà G. M. R., (nhà Gô-đa Hà-nội.
Nguyễn-văn-Nghiêm,	thông-ngôn sở Thương-chánh, Hà-nội.
Phạm-bá-Mỹ,	thư ký tòa Thiên-văn, Kiến an.
Phạm-quảng-Dự,	thừa phái huyện Văn-giang.
Thái thúc-Hoành,	kiểm giáo trường Quốc-học, Huế. —
Trần-hữu-Thăng,	thủ quĩ nhà G. M R. nhà Gô đa), Hà-nội.
Trần minh-Dõng,	sinh-viên trường Công-chánh.
Trần-nhật-Hướng,	làm ruộng, xã Quần-phương-thượng, Nam-định.
Trần-tuấn-Khải,	ở phố Hàng-nón, Hà-nội.
Trần-văn-Sinh,	chủ nhà ga Đỗ-xá.
Vương-khả-Lâm,	phán-sự sở Thương chánh đồn Đò-lèn (Thanh-
Vũ-hữu-Đản,	cử-nhân, giáo-học trường Bảo-hộ, Hà-nội. (hóa).
Vũ-Tòng	phán-sự sở Xe-lửa Vân-nam, Hà-nội.

Cải-chính. — Tên ông **Tô-phượng-Tập** trong tập kỷ-yếu kỳ trước đáng lẽ là **Cố-phượng-Tập**, nay xin cải chính.